



Kẻ dị biệt của Thung lũng Silicon

Alex Karp, người sợ chủ nghĩa phát xít và dựng nên đế chế giám sát

Luật sư Kim Kyung-jin

AI Library - kimkj.com - 2026

Mục lục

1. Lời nói đầu
2. Chương 1 Sự ra đời của một người ngoài cuộc
3. Chương 2 Chàng trai trẻ yêu triết học
4. Chương 3 Nhà lý thuyết xã hội của Frankfurt
5. Chương 4 Từ triết gia đến CEO tỷ phú
6. Chương 5 Tầm khiên của nền dân chủ tự do
7. Chương 6. Tuyên ngôn về Cộng hòa Công nghệ và lời phê phán Silicon Valley
8. Chương 7 Đời sống thường ngày của một người khác thường

Lời nói đầu

Bạn chỉ có thể đọc cuốn sách này nếu trong chốc lát gác sang một bên ham muốn chia một con người thành cánh tả hay cánh hữu, người tốt hay kẻ ác. Alex Karp luôn tuột khỏi những phạm trù ấy.

Ông là một người cấp tiến, lớn lên trong gia đình có cha mẹ là các nhà hoạt động dân quyền. Cùng lúc đó, ông xây dựng một trong những công ty công nghệ giám sát quyền lực nhất thế giới. Ông nói điều mình sợ nhất là chủ nghĩa phát xít. Vậy mà ông lại tạo ra một công cụ sẽ trở nên đáng sợ hơn hầu hết mọi thứ khác nếu rơi vào tay chủ nghĩa phát xít. Một người từng bỏ phiếu cho Hillary Clinton lại tuôn ra những lời phê phán sắc bén nhất nhắm vào Đảng Dân chủ. Hãy thử nhất ông trong một câu, ông sẽ bước ra khỏi câu ấy.

Cuốn sách này không vá víu mâu thuẫn đó. Nó không xem mâu thuẫn như bài tập phải giải, mà xem đó là chất liệu làm nên con người này. Một cậu bé lai đọc chữ chậm chạp đã trở thành triết gia như thế nào? Một triết gia đã trở thành CEO tỷ phú ra sao? Một học giả nghiên cứu chủ nghĩa phát xít đã trở thành người bán phần mềm chiến trường bằng cách nào? Nếu đi theo con đường ấy, bạn bắt đầu nhìn thấy không chỉ một đời người, mà cả nhà nước an ninh sau 9/11, một thời đại khi dữ liệu trở thành quyền lực, và sân khấu nơi Silicon Valley và Washington bị cuốn chặt vào nhau.

Trong cuốn sách này, tôi chưa quyết định Karp đúng hay sai. Phán xét ấy thuộc về độc giả. Tôi chỉ muốn làm rõ một điều. Ông không phải là người ta có thể dễ dàng ghét, cũng không phải là người ta có thể dễ dàng yêu. Mang theo sự khó chịu ấy đến tận cuối cùng là lời hứa của cuốn sách này.

Khi bạn gấp sách lại, tôi hy vọng điều còn lại không phải là một câu trả lời, mà là một câu hỏi. Nếu người nắm dữ liệu có thể hoặc bảo vệ thế giới, hoặc khóa chặt nó lại, thì ta nên giao phó cho người ấy điều gì, và nên từ chối giao phó điều gì? Tôi đặt một con người, Karp, trước câu hỏi ấy.

Kim Kyung-jin

Chương 1 Sự ra đời của một người ngoài cuộc

Vào một cuối tuần ở Philadelphia, cậu bé Alex Karp lại được cha mẹ dắt tay ra phố. Giữa những người lớn cầm biển biểu tình, cậu thấp bé, và chưa hiểu hết ý nghĩa của các khẩu hiệu. Đó là cuộc phản đối chiến tranh hay một cuộc tuần hành đòi quyền dân sự, những lá cờ hôm ấy nhắm vào điều gì không quan trọng. Điều quan trọng là những ngày như thế không hề hiếm. Nhiều năm sau, khi nhìn lại tuổi thơ, Karp nói rằng hơn một nửa thời thơ ấu của ông trôi qua trong cảnh theo cha mẹ đến các địa điểm biểu tình. Trong khi những đứa trẻ khác cuối tuần đến sân bóng chày, ông học bài học đầu tiên về những vết nứt bên trong đất nước mang tên America, giữa những đôi chân của người lớn đang tuần hành.

Cuộc tuần hành không phải là thứ để đứng nhìn. Trong gia đình ấy, biểu tình là một sự kiện của cả nhà. Cha mẹ ông không phải kiểu người để con ở nhà rồi ra ngoài sống theo niềm tin của mình. Họ đưa đứa trẻ đi cùng và dùng chính thân thể mình cho con thấy niềm tin nghĩa là gì. Tiếng gầm của đoàn người tuần hành, ánh mắt của cảnh sát, những câu chữ giận dữ viết trên biển ngữ. Ngay cả với một đứa trẻ đọc chữ còn chậm, nhiệt độ của khung cảnh ấy vẫn khắc vào người cậu rất rõ. Cảm giác rằng thế giới không phải thứ được trao sẵn, mà là thứ thay đổi khi con người đấu tranh cho nó. Đó là nền giáo dục đầu tiên của Karp. Đường phố dạy ông trước cả sách giáo khoa.

Khi trở về nhà, một ngôi trường khác đang chờ ông. Vào các tối thứ Sáu và thứ Bảy, đó là bàn ăn Sabbath. Nến được thắp lên, thức ăn được dọn ra, và điều luân chuyển quanh chiếc bàn ấy không phải những câu chuyện nhẹ nhàng. Trong ký ức của Karp, chủ đề bữa tối là cuộc tranh luận gay gắt về việc phe bảo thủ đưa lao động giá rẻ vào, phá hủy nền tảng của người lao động Mỹ, và làm đất nước suy tàn. Một bữa ăn giống như một bài giảng. Những lời quá nặng đối với một đứa trẻ cứ qua lại, nhưng sức nóng của chúng thấm vào cơ thể cậu. Karp nói ông thừa hưởng bản năng chống phân biệt đối xử từ phía gia đình mẹ. Bản năng ấy không học từ sách. Nó lớn lên bên bàn ăn.

Nhìn lại, đó là một kiểu rèn luyện lạ lùng. Hai lần mỗi tuần, Karp lớn lên trong tiếng người lớn tranh luận về cấu trúc của xã hội Mỹ. Ai bóc lột ai? Quyền lực nằm ở đâu? Công lý là gì? Trong khi trẻ con ở những nhà khác xem hoạt hình, ông đang nhận một khóa nhập môn về lý thuyết xã hội. Khi nghĩ đến việc sau này ông sang Germany và lấy bằng tiến sĩ về lý thuyết xã hội, điểm xuất phát của con đường ấy không phải giảng đường đại học. Đó là bàn ăn Sabbath ở Philadelphia.

Alexander Caedmon Karp sinh tại New York ngày 2 tháng 10 năm 1967. Gia đình ông sớm chuyển đến Philadelphia, Pennsylvania, và ông lớn lên ở đó cùng em trai, Oliver Ben Karp. Tên đệm của ông, Caedmon, không phổ biến. Về sau, nó trở thành tên của công ty đầu tiên ông thành lập ở London. Ông khắc một mảnh tên mình vào một công ty. Nếu hỏi thế giới quan của

một con người đến từ đâu, câu trả lời trong trường hợp Karp rất rõ. Nó đến từ một gia đình do hai con người hoàn toàn khác nhau tạo nên.

Cha ông, Robert Joseph Karp, là một bác sĩ nhi khoa lâm sàng gốc Do Thái. Ông khám cơ thể trẻ em và chữa bệnh cho chúng. Gia đình bên cha ông đến từ Germany, một gia đình nhập cư có lịch sử lâu dài trong nghệ thuật thương mại và ngành dệt may. Dệt vải, đặt hoa văn lên vải, mua bán hàng hóa. Làm ra đồ vật bằng tay và nhìn chúng bằng mắt từng là sinh kế lâu đời của gia đình. Robert, người trở thành bác sĩ, đã rời khỏi công việc ấy, nhưng cảm giác nơi đầu ngón tay khi nhìn kỹ một thứ và xử lý nó có lẽ vẫn thuộc về gia đình đó.

Mẹ ông, Leah Jaynes Karp, là một nghệ sĩ người Mỹ gốc Phi. Bà không phải người ở lại bên rìa của một lĩnh vực. Bà là một nghệ sĩ được công nhận trên toàn cầu, và chủ yếu đưa lên toan nỗi đau mà trẻ em da đen phải chịu. Một trong những tác phẩm lớn của bà xử lý vụ bắt cóc và sát hại hàng loạt trẻ em da đen ở Atlanta, Georgia, vào đầu thập niên 1980. Hơn hai mươi trẻ em da đen lần lượt mất mạng trong vụ án ấy, và đó là một vết thương sâu trong xã hội Mỹ thời bấy giờ. Leah Karp không quay mặt khỏi vết thương đó. Bà đưa nó lên toan. Một người cầm ống nghe và chăm sóc cơ thể trẻ em. Người kia cầm cọ và vẽ những vết thương của trẻ em. Công việc của họ khác nhau, nhưng ánh nhìn hướng về cùng một nơi. Đó là ánh nhìn dành cho những người yếu thế và dễ bị tổn thương.

Bên phía mẹ ông còn có một học giả khác. Cậu ruột của ông là Gerald D. Jaynes. Ông là giáo sư tại Yale University, nơi ông giảng dạy kinh tế học và African American studies. Một người mẹ da đen là nghệ sĩ, một người cậu da đen là nhà kinh tế học, và một người cha Do Thái là bác sĩ. Bản đồ tri thức của gia đình nơi Karp lớn lên rộng và sâu như vậy. Em trai ông, Ben Karp, về sau cũng đi theo con đường học thuật và chuyển đến Tokyo, Japan. Từ một gia đình xuất hiện một bác sĩ, một nghệ sĩ, một nhà kinh tế học, và một học giả. Trong không khí của ngôi nhà ấy, luôn có một khí chất đào sâu vào sự vật.

Mẹ ông còn có một mặt bất ngờ khác. Đó là tình yêu sâu đậm của bà dành cho nghệ thuật và văn hóa Hàn Quốc. Bà không chỉ sưu tầm các tác phẩm nghệ thuật Hàn Quốc, mà còn được cho là mỗi năm đều ở Hàn Quốc ba tháng để học tiếng Hàn và nghệ thuật Hàn Quốc. Tại Hoa Kỳ trong thập niên 1970 và 1980, việc một nữ nghệ sĩ da đen đi đi về về Hàn Quốc như vậy không phải chuyện thường thấy. Với người Mỹ thời ấy, Hàn Quốc là một đất nước xa xôi và xa lạ. Vậy mà mẹ của Karp là người mỗi năm đến đó ba tháng để học nét bút và màu sắc của đất nước ấy. Karp lớn lên trong một ngôi nhà như thế. Một ngôi nhà nơi việc vượt qua biên giới là chuyện hằng ngày. Ông lớn lên giữa những con người không ngần ngại đi qua ranh giới chủng tộc, nghề nghiệp và quốc gia.

Gia đình này không đặc biệt giàu có. Nhưng trong nhà đầy ắp tài sản trí tuệ và văn hóa. Chính Karp từng nói thành phần gia đình mình khác thường đến mức, về chủng tộc và văn hóa, với hàng xóm chắc hẳn họ trông giống "một nhóm lập dị hoàn chỉnh." Khách đến nhà phải được

dẫn trước để chuẩn bị tinh thần. Nghe như một câu đùa, nhưng trong câu đùa ấy có sự thật. Gia đình Karp đứng rất xa chuẩn mực của tầng lớp trung lưu da trắng Mỹ trong thập niên 1970. Một người cha là bác sĩ Do Thái, một người mẹ là nghệ sĩ da đen, và hai anh em lai chủng tộc sinh ra giữa họ. Đó là một gia đình không giống bất kỳ khung cảnh nào bên kia đường.

Đời sống thường ngày trong nhà không giống một gia đình Mỹ bình thường. Gia đình Karp dành các cuối tuần để đi bảo tàng hoặc tham dự các sự kiện văn hóa. Nghệ thuật là không khí trong căn nhà ấy. Tranh, âm nhạc và sách chiếm chỗ như đồ đạc trong phòng khách. Sự đam mê ấy mạnh đến mức về sau Karp nói đùa rằng sau khi rời nhà, ông không lại gần bảo tàng suốt mười năm. Món ăn đã ăn quá nhiều thì một thời gian nhìn cũng thấy khó. Một người thẩm đam mê nghệ thuật từ nhỏ, khi trưởng thành đã có lúc chạy khỏi nó. Tình yêu và sự mệt mỏi thường mọc lên từ cùng một gốc.

Một câu chuyện cho thấy tính khí của gia đình ấy. Đó là việc họ nhận nuôi con chó Rosita. Khi gia đình đến một trại cứu hộ động vật, có một con chó mà một nhân viên gần như rùng mình, rất muốn cho chết ngay. Lý do thật khác thường. Con chó không chỉ tự mở những ổ khóa vốn được cho là chỉ con người mới mở được rồi tự trốn ra, mà còn mở hết khóa lồng của những con chó khác và giúp chúng chạy trốn cùng mình. Nó là nỗi đau đầu của trại cứu hộ. Với nhân viên, nó là kẻ gây rối không thể kiểm soát. Nhưng ngay khoảnh khắc mẹ Karp nghe câu chuyện, bà tuyên bố không chút do dự: "Đó là chó nhà mình." Một con chó thông minh, nổi loạn, biết mở khóa và giải thoát cả bạn đồng hành. Một con chó cười vào luật lệ và thả những gì bị nhốt kín ra ngoài. Không thành viên nào có thể hợp với gia đình ấy hơn thế. Rosita đã trở thành một phần của gia đình Karp như vậy. Trong một ngôi nhà nhận nuôi con chó biết mở cửa khóa, một đứa trẻ lớn lên.

Đó là một mái nhà ấm áp, đầy sức sống. Nhưng thế giới bên ngoài cửa trước lại khác. Đứa trẻ được che chở trong nhà trở thành một người khác ngay khi bước ra ngoài. Là một đứa trẻ lai chủng tộc, sinh ra từ người cha Do Thái da trắng và người mẹ da đen, bản sắc của Karp không khớp gọn vào bất kỳ nhóm nào. Ông tự mô tả mình là "vô định hình." Từ ấy có nghĩa là không có đường nét rõ ràng. Về chủng tộc, ông mơ hồ; trong cộng đồng Do Thái, ông đủ Do Thái, nhưng bằng cách nào đó vẫn là người lạ. Trong các cộng đồng da đen cũng vậy. Ký ức của Karp ngắn và chính xác. "Một số người da đen xem tôi là người da đen, và một số người da đen thì không." Ở cả hai phía, ông chỉ được chấp nhận một nửa. Nửa là người của chúng ta, nửa là người lạ. Khoảng ở giữa ấy là chỗ của ông.

Sự khác biệt giữa ông và em trai làm vết tách này rõ hơn. Dù hai anh em lớn lên dưới cùng cha mẹ, Ben tự nhận mình mạnh mẽ là một thanh niên da đen trọn vẹn, còn Alex dần nghiêng nhiều hơn về việc nhìn mình như một người Do Thái. Hai anh em cùng huyết thống đi qua những cánh cửa bản sắc khác nhau. Hai con đường rẽ ra từ một dòng máu. Đây không phải chuyện ai đúng ai sai. Nó cho thấy sức nặng của lựa chọn mà người lai chủng tộc phải mang.

Một người sinh ra là người lai phải tự quyết thêm một lần nữa mình là ai. Một bản sắc không chỉ được trao sẵn, mà được lựa chọn. Ở ngã rẽ ấy, hai anh em đi về hai hướng khác nhau.

Karp không bịt kín vết tách này. Ông ôm lấy nó theo cách riêng của mình. "Tôi nhìn mình chỉ là 'tôi.' Và tôi cảm thấy vinh dự trước mọi nhóm chấp nhận tôi." Đó là sự thỏa hiệp mà một người không thể thuộc trọn về đâu tìm thấy. Thay vì cố trở thành thành viên của một nhóm, ông chọn biết ơn mọi nhóm đã chấp nhận mình. Ở nơi ông từ bỏ việc thuộc về, ông tìm thấy một kiểu tự do. Một người không đứng trọn dưới lá cờ nào có thể nhìn mọi lá cờ từ một khoảng cách nhỏ.

Trường học không làm cảm giác ấy dịu đi. Karp tốt nghiệp năm 1985 tại Central High School, một trường dành cho học sinh năng khiếu ở Philadelphia. Đó là nơi đầy những học sinh sáng dạ. Về sau, ông xây dựng một hồ sơ học thuật ấn tượng, tiếp tục vào Haverford College ở Pennsylvania, rồi Stanford Law School, rồi Goethe University ở Frankfurt, Đức. Nhưng ở không một cơ sở nào ông có được sự dễ chịu của cảm giác thuộc về dòng chính. Lời ông là thế này: "Trong mọi cơ sở mà tôi đi qua, tôi luôn cảm thấy mình khác với tất cả mọi người. Tôi có thể tìm ra cách để đi qua nơi đó, nhưng không bao giờ có thể thật sự là một phần của nhóm." Ông thú nhận rằng dưới đáy vô thức của mình có một tiền đề: bất kỳ nhóm nào nói "Chúng ta rất hợp nhau" đều không bao gồm ông theo nghĩa cốt lõi nào. Bằng cấp từ các trường ưu tú không thể xóa tiền đề ấy. Càng đi sâu vào bên trong, ông càng cảm thấy rõ mình là một vị khách.

Có thể nhìn ra Karp là người như thế nào qua nơi ông tìm thấy cảm giác thuộc về. Ông từng nhớ lại rằng những người bạn thân nhất của mình trong những năm học tại Central High School là người Mỹ gốc Hàn, và bạn gái đầu tiên của ông là người Hàn. Một đứa trẻ lớn lên trong gia đình có người mẹ thường xuyên đi về Hàn Quốc, khi đến trường, cũng tìm thấy những con người sống ở rìa ngoài. Có lẽ đó không phải là chuyện tình cờ. Những người không thuộc về dòng chính thường kết nối trước tiên với những người đứng ở những ranh giới khác. Những người đã bước lệch khỏi cùng một trung tâm thường hiểu nhau rất nhanh. Cậu bé không thể bước hẳn vào bất kỳ nhóm nào cuối cùng đã có thể thở bên cạnh những người cũng đứng ở đường biên, giống như mình.

Nếu sự thiếu vắng cảm giác thuộc về là lực đẩy Karp ra ngoài, thì còn có một lực khác khiến ông khác biệt từ bên trong. Đó là chứng khó đọc nặng mà ông đã sống cùng từ thời thơ ấu. Nếu thân phận lai chủng đẩy ông ra ngoài ranh giới của các nhóm, thì chứng khó đọc đẩy ông ra ngoài ranh giới của việc học thông thường. Hai dạng lưu đầy chồng lên một đứa trẻ.

Karp đã che giấu sự thật này trong một thời gian dài. Ông coi chứng khó đọc là điều đáng xấu hổ. Với một đứa trẻ thông minh được nuôi lớn trong một gia đình sáng láng, việc không thể đọc chữ cho đúng là một bí mật khó nói ra trong những năm ấy. Chứng khó đọc không chỉ làm cho việc đọc và viết trở nên chậm chạp. Ngay từ đầu, nó đã khiến ông không thể đi theo những phương pháp học chuẩn, đáp án mẫu và con đường cố định mà người khác đi theo. Trong khi

những đứa trẻ khác tiếp nhận thế giới qua chữ trong sách giáo khoa và hòa vào hệ thống ấy, Karp không thể bước vào trật tự lấy văn bản làm trung tâm đó.

Cách chính Karp giải thích về chứng khó đọc rất khác biệt. Ông định nghĩa nó là một mối quan hệ suy yếu với các hệ thống phân loại hoặc văn bản. Phần lớn mọi người, khi đọc chữ viết hoặc quy tắc, sẽ gắn mình theo kiểu một đối một với văn bản. Văn bản trở thành con người. Đọc quy tắc, và quy tắc đi vào cơ thể. Học một cách phân loại, và ta nhìn thế giới qua cách phân loại đó. Nhưng một người mắc chứng khó đọc, ngay cả sau khi lấy bằng tiến sĩ và trở thành một cây bút giỏi, cũng không bao giờ hòa làm một hoàn toàn với văn bản theo kiểu một đối một. Luôn còn một khoảng hở nhỏ giữa chữ cái, quy tắc và các hệ thống phân loại. Vì khoảng hở ấy, Karp không thể đi theo cuốn sổ tay hành động mà người khác coi là hiển nhiên, không thể đi theo đáp án mẫu cố định. Vì không thể đi theo nó, ông phải tự tạo ra một cái của riêng mình. Người không thể học cuốn sổ tay có sẵn thì không còn lựa chọn nào khác ngoài học cách suy nghĩ tự do và tự mình tạo ra điều mới.

Sự sáng tạo ấy có cái giá của nó. Để học và xử lý thông tin theo cách thông thường như người khác, Karp phải đổ mười phần công sức vào một việc mà một phần công sức vẫn không chịu nhúc nhích. Tâm trí ông phải chạy lượng tính toán gấp mười lần để tạo ra cùng một kết quả. Vì vậy ông buộc mình vào một đời sống kỷ luật cực kỳ nghiêm ngặt. Nếu ông rơi vào lộn xộn, ông sẽ không theo kịp. Chồng lên đó là rối loạn tăng động giảm chú ý, ADHD. Tập trung vào một việc tại một thời điểm là một nhiệm vụ lớn đối với ông. Ông thừa nhận rằng trước đây, hai phần ba một cuộc trò chuyện sẽ trôi vào mơ màng. Trong khi nghe người khác nói, tâm trí ông lại lang thang đến nơi khác. Thứ ông chọn để giữ lấy tâm trí tản mát ấy là thái cực quyền. Một kỷ luật hằng ngày, di chuyển cơ thể thật chậm và gom tâm trí vào một điểm. Về sau, ông được biết đến như một người lập dị say mê thiền và thái cực quyền, nhưng gốc rễ của việc ấy nằm trong cuộc chiến từ thời thơ ấu chống lại sự xao lãng.

Nhưng điểm yếu khắc nghiệt ấy bất ngờ cũng nuôi lớn một vũ khí. Karp phát triển cách xử lý thông tin của riêng mình. Những người thông minh trong gia đình ông thu thập dữ liệu phong phú rồi xây dựng logic từng bước trên đó để giải quyết vấn đề. Càng có nhiều tư liệu, họ càng mạnh. Karp thì ngược lại. Ông mạnh hơn ở những nơi dữ liệu ít ỏi hoặc vắng mặt, ở rìa của thông tin. Một vấn đề mà người khác phải vật lộn trọn hai ngày, ông có thể trực cảm từ vài manh mối và quyết định trong một phút. Ông yếu trong việc ghi nhớ kiến thức chuẩn hóa, nhưng khi phải đọc ra các mẫu hình trong những tình huống xa lạ với quá ít tư liệu và đưa ra phán đoán trước người khác nhiều năm, ông không thua ai. Đó là năng lực tìm đường trong sương mù. Trong khi mọi người nhìn chăm chăm vào bản đồ, ông tìm ra phương hướng ở nơi không có bản đồ.

Biết tận trong xương tủy điều mình không làm được cũng trở thành sức mạnh của ông. Một người biết chính xác điểm yếu của mình sẽ không đặt tay vào đó. Karp không đụng đến những

lĩnh vực nơi ông yếu. Ông đặt tất cả vào đúng một việc mình làm tốt nhất. Thay vì vật lộn với những gì mình không làm được, ông đẩy những gì mình làm được đi đến cùng. Đây là bản năng sinh tồn sinh ra từ điểm yếu. Khi điểm yếu của một người hiện rõ, điểm mạnh của người ấy cũng hiện rõ.

Bước ngoặt đến qua một con người. Trong những năm học tại Central High School, Karp đang theo học một trường tinh hoa nhưng chật vật vì cách học của ông khác với tất cả mọi người. Một cố vấn đã nhận ra ông. Bà cho ông làm bài kiểm tra trí thông minh. Sau khi xem kết quả, bà nói với ông: "Em đáng lẽ phải có điểm số tốt nhất trong trường này." Đó là khoảnh khắc một đứa trẻ bị chữ nghĩa chặn lại được phát hiện là có một tâm trí khác thường. Bà không dừng ở đó. Bà chủ động chăm nom ông và kéo ông tiến lên. Karp mang theo trải nghiệm này với lòng kính trọng sâu sắc trong suốt phần đời còn lại. Đó là bằng chứng rằng một người lớn có đôi mắt sáng có thể đổi hướng đường đời của một đứa trẻ. Với một đứa trẻ bị chữ cái giam lại, không thể nhìn thấy thứ ở bên trong mình, bà đã giơ lên một tấm gương.

Sự việc đưa bí mật ấy ra hẳn ngoài ánh sáng lại nhỏ đến bất ngờ. Một ngày nọ khi đã trưởng thành, trong lúc trò chuyện với một người bạn ở Đức, Karp buột miệng thú nhận: "Nhân tiện, tôi mắc chứng khó đọc." Đó là bí mật ông đã giấu suốt nhiều thập niên. Câu trả lời của người bạn rất ngắn. "Tôi hiểu. Anh đưa giúp tôi lọ muối được không?" Ngay khoảnh khắc đó, Karp hiểu ra. Không ai bận tâm cả. Sự thật mà ông đã dành cả đời để che giấu trong xấu hổ, với người khác, còn ít quan trọng hơn việc đưa lọ muối. Chỉ khi ấy ông mới thoát khỏi ánh nhìn của người đời và chấp nhận sự đa dạng thần kinh của mình đúng như nó vốn có. (Xét theo những lần Karp nhắc đến giai thoại này, khoảnh khắc công khai ấy có vẻ rơi vào khoảng cuối thập niên 2010.) Nhận định của ông về chứng khó đọc thô ráp và thật lòng. Nó "đã phá nát tôi, nhưng đồng thời cũng cho tôi đôi cánh để bay." Hai mặt của sự thật cùng nằm trong câu nói chưa được gọt giũa ấy. Nó đã làm ông tổn thương, và nó cũng đã khiến ông bay lên.

Về sau, Karp không còn gọi điểm yếu ấy là điểm yếu nữa. Ông nâng sự đa dạng thần kinh như chứng khó đọc thành một sức mạnh, rồi thành một vũ khí của thời đại. Đó là niềm tin rằng một bộ não nằm ngoài chuẩn mực sẽ nhìn thấy điều mà chuẩn mực không nhìn thấy. Một người không thể dùng cùng cuốn cẩm nang hành động như mọi người sẽ trở thành người chất vấn chính cuốn cẩm nang ấy. Karp giải thích sự đảo chiều này bằng một phép ví von tinh nghịch. Cứ như Odin hay Loki trong thần thoại Bắc Âu từ trên trời bước xuống và tuyên bố: "Karp, hồi nhỏ anh đã khổ nhiều rồi, đúng không? Bây giờ ta sẽ làm cho cả thế giới vừa khít với người mắc chứng khó đọc." Điểm yếu từng hành hạ ông thời thơ ấu đã trở lại với ông khi trưởng thành dưới hình dạng đôi mắt nhìn thế giới theo cách khác. Câu đùa rằng ban đầu ông muốn đặt tên sách là *The Revenge of the Dyslexic* cũng bắt nguồn từ đó. Cuộc trả thù của một đứa trẻ từng bị những con chữ đẩy ra ngoài. Những trang sau của cuốn sách này sẽ dần cho thấy cuộc trả thù ấy mang hình dạng nào. Lúc này, chỉ cần ghi nhận rằng hạt giống đã được gieo từ thời thơ ấu.

Ba lớp căn tính được chồng lên một đứa trẻ. Di sản lai giữa Do Thái và Black, con trai của một gia đình cấp tiến triệt để, và một học sinh mắc chứng khó đọc nặng. Cả ba đều đặt ông ra ngoài những chuẩn mực chính lưu của xã hội Mỹ. Ông đứng ngoài chủng tộc, ngoài chính trị, và ngoài cách học chuẩn. Chỉ một trong ba điều ấy cũng đã đủ khiến ông thành người ngoài cuộc, nhưng Karp mang cả ba cùng lúc. Vì thế, một giả định lắng xuống đáy tâm trí ông. Thế giới sẽ không vận hành vì ông, và cũng sẽ không bảo vệ ông. Một lớp phòng vệ trước sự sụp đổ có thể ập đến bất cứ lúc nào, một thói quen kiểm tra những điều kiện có thể biến ông thành mục tiêu bị. Đây không hẳn là bi quan, mà giống một tư thế để sống sót hơn. Một người tin rằng không có hàng rào nào bảo vệ mình sẽ bắt đầu nghĩ cách tự dựng hàng rào.

Có một phát biểu cho thấy tư thế ấy đã đi xa đến đâu. Trong một cuộc phỏng vấn năm 2023, Karp biến sự dễ bị tổn thương của mình thành ngôn ngữ lạnh gáy. "Tôi luôn nghĩ rằng nếu chủ nghĩa phát xít đến với thế giới này, người đầu tiên, hoặc có lẽ người thứ hai, bị bắn và treo lên tường sẽ là tôi." Ông mang theo phép tính rằng mình, với tư cách một người đàn ông Do Thái có di sản Black pha trộn, sẽ nằm ở đầu danh sách bị, không phải như một câu đùa mà như sự tự hiểu biết chính xác. Ông biết ai là người bị kéo đi trước. Dòng máu của ông nhớ trong lịch sử ai đã bị đặt trước bức tường trước tiên. Những vết nứt của nước Mỹ mà ông học được tại các địa điểm biểu tình thời thơ ấu đã lớn lên bên trong ông, khi trưởng thành, thành câu nói này.

Ở đây nằm hạt giống của nghịch lý chạy xuyên suốt cuốn sách này. Người đàn ông tự định nghĩa mình là người sẽ chết đầu tiên nếu chủ nghĩa phát xít xuất hiện, về sau lại trở thành người xây dựng những công cụ sẽ đáng sợ hơn hầu hết mọi thứ khác nếu rơi vào tay chủ nghĩa phát xít. Một người sợ bị rồi sẽ bán công nghệ giám sát. Nỗi sợ của Karp thời trẻ không ở lại như một vết thương thuần túy. Nó đổi hướng và trở thành niềm tin rằng pháp quyền và tự do trong xã hội phương Tây, một xã hội có thể chứa những người ngoài rìa, phải được bảo vệ bằng công nghệ quân sự áp đảo. Một xã hội nơi những người như ông, những người không thuộc về đâu cả, vẫn có thể sống; để bảo vệ một xã hội như thế, xã hội ấy phải mạnh hơn kẻ thù của nó. Nỗi sợ trở thành nhiên liệu của niềm xác tín. Khi về sau ông ca ngợi quân đội Mỹ là một thiết chế trọng dụng năng lực thực sự, thiết chế đầu tiên trong xã hội Mỹ đạt được hòa nhập chủng tộc, điều đó dường như cũng gắn với một tuổi thơ nhạy cảm trước sự loại trừ và phân biệt đối xử. (Mối liên hệ này gần với một cách diễn giải được rút ra bằng cách nối các phát biểu của Karp hơn là điều Karp từng nói thẳng.)

Niềm xác tín ấy đúng hay không, và những công cụ ông xây dựng đã bảo vệ người yếu thế hay tạo ra những nguy cơ mới, lại là chuyện khác. Câu hỏi ấy là điều cuốn sách này sẽ mang theo đến cuối. Ở đây có một điều rõ ràng. Điểm khởi đầu của toàn bộ những mâu thuẫn ấy là một ngôi nhà ở Philadelphia. Các điểm biểu tình và bàn Sabbath, một người mẹ Black và một người cha Do Thái, một con chó biết mở khóa và một đứa trẻ không đọc được chữ. Trong khung cảnh ấy, thế giới quan của một con người đã được rèn nên.

Đứa trẻ sinh ra ở New York năm 1967, một cậu bé lai chủng tộc từ một gia đình cấp tiến, lớn lên bằng cách biến cảm giác tuyệt đối rằng mình không thuộc về đâu cả thành bản năng sinh tồn. Vì tin rằng không có nhóm nào sẽ bảo vệ mình, ông nghĩ cách tự bảo vệ bản thân. Vì con đường chuẩn đã bị chặn, ông tự làm ra con đường của mình. Ông là một người ngoài cuộc hoàn toàn. Và người ngoài cuộc thường nhìn thấy điều mà người ở bên trong không thấy. Một người ngồi ở ngưỡng cửa nhìn thấy cả căn phòng bên trong lẫn thế giới bên ngoài. Điều Karp đã nhìn thấy, và hình dạng mà cách nhìn ấy bắt đầu mang lấy, khởi đi từ cuộc gặp gỡ của ông với triết học. Nơi một cậu bé đọc chậm tìm thấy thứ vũ khí ông sẽ cầm suốt đời là một trường đại học Quaker nhỏ ở Pennsylvania.

Chương 2 Chàng trai trẻ yêu triết học

Haverford, Pennsylvania. Đó là một thị trấn nhỏ, cách Philadelphia khoảng ba mươi phút lái xe về phía tây. Mùa thu năm 1985, Karp mười bảy tuổi đặt chân đến khuôn viên trường đại học ở đó. Haverford College là một trường nhỏ, mỗi khóa chỉ có khoảng ba trăm sinh viên. Được các tín hữu Quaker thành lập năm 1833, trường vẫn mang dấu vết đức tin sâu trong văn hóa học thuật. Bộ quy tắc danh dự của trường, theo đó sinh viên làm bài thi theo lương tâm của mình mà không có giám thị, vẫn còn được giữ. Các lớp học diễn ra như những seminar nhỏ, nơi giáo sư và sinh viên ngồi đối diện nhau, hỏi và trả lời. Đây không phải nơi có những bài giảng lớn, hàng trăm sinh viên ngồi trong hội trường rộng để chép bài, mà là một ngôi trường buộc từng người phải theo đuổi suy nghĩ của mình đến cùng. Với một đứa trẻ đọc chậm, khó có nơi nào hợp hơn.

Karp chọn triết học. Đó là một ngành học rất xa chuyện kiếm tiền. Nó không phải con đường trở thành bác sĩ, luật sư hay doanh nhân, mà là con đường dành cả đời ôm lấy những câu hỏi không có câu trả lời cuối cùng: con người nên sống thế nào, điều đúng là gì, xã hội vận hành ra sao. Có lẽ đó là kiểu lựa chọn khiến cha mẹ phải thở dài. Con trai của một bác sĩ không vào trường y, mà quay sang một lĩnh vực học thuật không đặt nổi một nắm đất vào tay mình. Nhưng với anh, lựa chọn ấy rất tự nhiên. Anh là đứa trẻ lớn lên trong một gia đình mà quanh bàn ăn, những cuộc tranh luận về việc phe bảo thủ đang phá hỏng nước Mỹ từng bùng lên dữ dội. Anh là đứa trẻ lần đầu học về những vết nứt của nước Mỹ dưới các lá cờ ở những nơi biểu tình. Với một đứa trẻ như thế, triết học không phải một ngoại ngữ xa lạ. Nó gần với tiếng mẹ đẻ được dùng trong nhà hơn.

Haverford làm cho thứ tiếng mẹ đẻ ấy trở nên chính xác hơn. Các lớp triết học ở một ngôi trường nhỏ không phải nơi để học thuộc lòng dỗi những tên tuổi lớn. Đó là nơi sáu, bảy sinh viên ngồi thành vòng tròn và dành cả học kỳ để vật lộn với những câu hỏi như Plato định nghĩa công lý ra sao, Kant đặt đạo đức ở đâu. Giáo sư không ban phát câu trả lời. Cấu trúc lớp học là sinh viên phải tự tạo câu trả lời của mình, mang đến lớp, rồi để những sinh viên khác đánh bật, thử thách. Karp thích cấu trúc bị thử thách ấy. Anh đọc chậm, nhưng một khi đã nắm được một khái niệm, không ai thắng được anh trong việc đẩy nó đến tận cùng. Đấu khẩu. Đó là vũ khí của anh. Anh không thể lật trang thật nhanh, nhưng có thể tranh luận về một câu suốt một giờ.

Chứng khó đọc cũng góp phần vào đó. Một đứa trẻ bị chặn lại bởi những cách học tiêu chuẩn đã sớm bắt đầu phát triển cách riêng để tiếp nhận thế giới qua những kênh khác. Đọc một cuốn giáo khoa từ đầu đến cuối, từng trang một, là cực hình với anh. Nhưng anh có một năng lực khác thường: xoay đi xoay lại một khái niệm trong đầu và nắm lấy toàn bộ cấu trúc của nó. Trong thế giới trừu tượng, sự chậm chạp trước con chữ không phải điểm yếu. Nó trở thành năng lực nhìn thấy bộ khung nằm dưới bề mặt văn bản, thay vì bị mắc kẹt trên bề mặt ấy. Triết học là sân chơi nơi năng lực đó có thể chạy tự do.

Ngay cả trong những lớp học nhỏ của Haverford, Karp vẫn không gạt được cảm giác rằng rốt cuộc mình là người ngoài. Về sau, anh sẽ nói điều tương tự về mọi định chế mà anh từng đi qua. Anh có thể học cách vượt qua nơi đó, nhưng không bao giờ thật sự trở thành một phần của nhóm. Haverford cũng không ngoại lệ. Anh hít thở bầu không khí của nó và học ngôn ngữ của nó, nhưng trong một góc tâm trí, anh luôn đứng lệch sang bên. Ánh mắt của người không thuộc về thường nhìn xa hơn. Người ngồi nơi ngưỡng cửa thường nhận ra trước những vết nứt trên tường mà người ở hẳn bên trong không thấy.

Nhiều năm sau, Karp từng xếp hạng những nơi anh học được nhiều nhất. Đứng đầu là Central High School ở Philadelphia, thứ hai là Haverford, rồi đến Stanford, và cuối cùng là Goethe University ở Frankfurt. Thứ tự ấy, đặt một trường trung học và một trường khai phóng nhỏ lên trước những đại học được tính vào nhóm hàng đầu thế giới, nói rất nhiều về anh. Với anh, việc học không tăng theo danh tiếng của trường. Thứ tạo nên anh không phải một định chế khổng lồ, mà là một nơi nhỏ bé gặp anh như một con người.

Bộ quy tắc danh dự của Haverford còn dạy anh thêm một điều. Nó đặt ra câu hỏi một người sẽ cư xử thế nào khi không ai nhìn. Trong phòng thi không có giám thị, sinh viên phải tự giám sát mình. Giữ hay phá vỡ quy tắc hoàn toàn thuộc về lương tâm. Đó là một ngôi trường nơi lòng tin đã trở thành định chế. Karp trẻ tuổi sống bốn năm trong bầu không khí tin cậy ấy. Khi nghĩ về con người mà anh trở thành sau này, một người sẽ dành cả đời bước trên ranh giới giữa giám sát và tin cậy, tự do và kiểm soát, bộ quy tắc lương tâm của ngôi trường Quaker nhỏ này đọc lên như một điều bí ẩn. Nhưng khi đó, anh không hề biết một màn giữ thăng bằng như thế đang chờ mình. Anh chỉ cảm thấy mình đã tìm được một ngôi trường hợp với mình.

Năm 1989, Karp nhận bằng cử nhân triết học tại Haverford. Anh hai mươi mốt tuổi. Giấc mơ trở thành một nhà lý thuyết xã hội đã lớn dần trong anh. Đó không phải giấc mơ trở thành doanh nhân hay kỹ sư, mà là trở thành người có thể giải thích xã hội chuyển động như thế nào. Niềm tin rằng muốn thay đổi thế giới thì trước hết phải hiểu thế giới vận hành ra sao. Dưới gốc rễ của niềm tin ấy là những cuộc tranh luận quanh bàn ăn và những cuộc tuần hành trên đường phố. Anh nói mình thừa hưởng từ phía mẹ một khí chất không chịu nổi bất công. Khi khí chất ấy gặp ngôn ngữ học thuật, nó lớn lên thành giấc mơ trở thành nhà lý thuyết xã hội. Có nhiều con đường dẫn đến giấc mơ ấy. Con đường đầu tiên anh chọn lại bất ngờ. Luật.

Karp đã đến California. Đến Stanford Law School.

Vì sao lại học luật? Không phải vì ông yêu bản thân luật pháp. Tính toán của ông là thế này: nếu có trong tay một bằng luật, ông thật sự có thể giúp người khác và thay đổi thế giới. Một người trẻ cấp tiến, tự xem mình là người theo chủ nghĩa xã hội, đã chọn luật như một vũ khí để đứng về phía người yếu thế và chống lại bất công. Đó là lựa chọn của một người duy tâm. Ông nhìn luật pháp như một cây cầu đưa triết học trong đầu mình thành thay đổi trong thế giới thật.

Sức nặng của lựa chọn này trở nên rõ hơn nếu nhìn vào trình tự. Ngay sau khi tốt nghiệp Haverford năm 1989, ông đi thẳng đến Stanford. Một người có bằng cử nhân triết học đã không học tiếp chương trình tiến sĩ, mà rẽ sang trường luật. Từ con đường học thuật sang con đường thực hành, từ thế giới sách vở sang thế giới phòng xử án. Ông muốn biến công lý, thứ trước đó chỉ tồn tại trong đầu, thành một thứ có thể chạm vào bằng tay. Ông tin đã đến lúc biến cơn giận học được bên bàn ăn và niềm tin học được ở các điểm biểu tình thành một nghề nghiệp. Bức tranh rất rõ: trở thành luật sư và đối mặt với những kẻ bất công trong tòa án.

Cây cầu ấy sụp đổ. Rất nhanh.

Thực tế Karp gặp tại Stanford Law School trái ngược với điều ông từng kỳ vọng. Bạn học của ông không phải là những người học luật để thay đổi thế giới. Mắt họ chỉ nhìn về một nơi. Được tuyển vào các hăng luật lớn tinh hoa, giành lấy danh vọng và tiền bạc. Không khí trong lớp học đặc quánh nỗi ám ảnh ấy. Ai đã có kỳ thực tập mùa hè ở hăng nào, ai sẽ làm thư ký cho thẩm phán nào. Những câu chuyện đó truyền từ miệng người này sang miệng người khác. Karp cảm thấy ngột ngạt trong bầu không khí ấy.

Stanford là nơi như thế nào? Đó là một trường nằm giữa Silicon Valley. Sinh viên tốt nghiệp từ đó đã xây dựng Google, Yahoo, và nhiều công ty xuất hiện sau này. Trên khắp khuôn viên ấy là một mạng lưới con người và công nghệ dày đặc hơn hầu hết mọi nơi khác trên thế giới. Nhưng vào khoảng năm 1990, Karp thậm chí không nhận ra mạng lưới đó đang tồn tại. Dưới chân ông là một mỏ vàng, và ông bước qua nó mà không nghĩ nhiều. Mắt ông đang nhìn sang nơi khác. Sách, ý tưởng, và những cuộc tranh luận không dứt.

Chủ nghĩa duy tâm ông mang theo đã vỡ rất nhanh. Ông đến học luật vì muốn giúp người khác, nhưng ở đó không ai quan tâm đến việc giúp những con người ấy. Các lớp học là chuỗi kỹ thuật ghi nhớ án lệ và phân tích đạo luật, còn câu hỏi những kỹ thuật ấy sẽ phục vụ ai thì không xuất hiện trong lớp. Karp nhận ra một sự thật lạnh lẽo. Không thể giúp người khác khi làm một công việc mà mình không có chút hứng thú nào. Khi trái tim ông không hướng về công việc, đôi tay ông cũng không chuyển động. Vì vậy, viễn cảnh trở thành một luật sư tốt và giúp người yếu thế ngay từ đầu đã là một bộ quần áo không vừa với ông.

Sau này, Karp nói những năm ở Stanford Law School là ba năm tệ nhất trong đời trưởng thành của ông. Ông gạt việc học sang một bên. Ông dành thời gian đọc sách và tranh cãi với người khác thay vì ngồi trong lớp. Và ông học được một bài học. Ông nhận ra mình là kiểu người không bao giờ có thể làm công việc mà mình không tin. Ngay cả khi đó là lao động tay chân, vịn một chiếc cờ lê, nếu trái tim ông không chuyển động, đôi tay ông cũng sẽ không chuyển động. Nhận ra điều này đã đẩy ông vào sự cô lập sâu hơn. Ông không thể đi con đường mà mọi người khác đang đi. Với ông, ba năm trường luật không phải là đào tạo học thuật. Chúng giống một bản án ba năm mà ông phải chịu trái với ý muốn của mình hơn.

Nổi bật trong ông hòa lẫn với không khí của thời đại. Các trường luật Mỹ đầu thập niên 1990 ép lên sinh viên một bức tranh duy nhất về thành công. Tốt nghiệp với điểm số cao, vào một hãng luật danh tiếng, rồi trong vài năm trở thành partner. Không ai nghi ngờ bức tranh ấy. Ít người hỏi đó có phải là đời sống đúng đắn không, hay nó có hợp với mình không. Ai cũng leo cùng một chiếc thang, với cùng một tốc độ, và người nào không bước lên chiếc thang đó thì bị xem là thất bại. Karp đứng bên dưới, ngẩng nhìn lưng các bạn học đang nối nhau leo lên. Ông không muốn leo. Ông cũng không leo nổi. Với ông, chính chiếc thang ấy đã vô nghĩa. Với một người mà đôi tay không thể đưa về phía công việc mình không tin, con đường mọi người cùng đi lại thành một con đường cô độc.

Nhưng ngay bên trong câu ấy, có một người đang chờ, người sẽ thay đổi cả cuộc đời Karp.

Cùng ký túc xá. Cùng lớp. Peter Thiel ở đó.

Hãy hình dung cảnh hai người lần đầu ngồi đối diện nhau. Một bên là một người cấp tiến mang gốc gác Do Thái và Da đen. Một thanh niên tin vào Marx và tự gọi mình là người xã hội chủ nghĩa. Đối diện anh là một người theo chủ nghĩa tự do cá nhân, lớn lên trong một gia đình nhập cư Đức. Một nhà tư bản, người từ thời học đại học ở Stanford đã lập ra tờ báo cánh hữu trong trường, Stanford Review, và trở nên khét tiếng trong khuôn viên đại học. Cánh tả và cánh hữu, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Khó tìm được hai người đứng xa nhau hơn thế.

Vậy mà họ trở thành bạn.

Điều gì buộc họ lại với nhau? Cả hai đều coi thường Stanford Law School. Cả hai đều không chịu nổi bầu không khí đồng dạng của những bạn học bị thành công nghề nghiệp che mắt. Sự khinh ghét ấy là sợi dây đầu tiên. Sợi dây thứ hai nằm sâu hơn. Cả hai đều yêu tranh luận. Không phải kiểu tranh luận lịch sự trao đổi ý kiến.

Một phòng ký túc xá lúc đêm muộn. Những quân cờ nằm trên bàn cờ, vài chai bia lăn bên cạnh. Hai thanh niên ngồi đối mặt. Trong khi các bạn học ngoài kia có lẽ đang vui đầu chuẩn bị phỏng vấn hãng luật, hai người trong căn phòng này đang cao giọng vì tên tuổi của những triết gia đã chết. Một người nhắc đến lao động bị tha hóa của Marx. Đó là ý tưởng rằng con người bị cắt lìa khỏi kết quả lao động của chính mình, và càng làm việc lại càng xa rời đời sống của chính mình. Một công nhân nhà máy quay như một bộ phận trong cỗ máy, không biết món đồ mình làm ra sẽ đi đâu. Karp nói, giọng cao dần, rằng mọi người quanh chúng ta đang sống như vậy. Ngay cả bạn học của họ ở trường luật này cũng đang xếp hàng bước lên bằng chuyên hãng luật mà không biết mình thật sự muốn gì. Thiel đáp trả. Đó chỉ là lời than phiền của một người không nhìn thấy sự dư dật mà chủ nghĩa tư bản đã tạo ra. Con người không bị đẩy đi; họ tự chọn, và thị trường chỉ là tổng số của những lựa chọn ấy.

Karp đưa Hegel vào cuộc. Biện chứng pháp của Hegel là một cách tư duy trong đó hai ý tưởng xung đột va vào nhau và chuyển tới một cấp độ cao hơn. Khi một mệnh đề và mệnh đề chống

lại nó đâm sầm vào nhau, bên này không đánh bại bên kia; một câu trả lời mới xuất hiện, chứa cả hai bên trong nó. Trong các ý tưởng ấy, điều Karp thích nhắc đến là biện chứng chủ nô. Người chủ có vẻ cai trị người nô lệ, nhưng người thật sự biết làm việc là nô lệ, và người làm thay đổi thế giới bằng đôi tay lấm đất cũng là nô lệ. Đó là nghịch lý. Theo thời gian, câu hỏi ai mới thật sự là chủ bị đảo ngược. Ai là người chủ thật sự? Karp ném câu hỏi ấy thẳng vào mặt Thiel. Ông biết, và thích thú vì biết, rằng chính logic ông đang triển khai cũng đang bắt chước biện chứng pháp của Hegel.

Thiel múc nước từ một giếng khác. Đó là Rene Girard. Girard là một nhà nhân học và triết gia người Pháp, người tin rằng ham muốn của con người không nảy sinh từ bên trong cái tôi, mà xuất hiện khi quan sát và bắt chước người khác. Ham muốn mô phỏng. Khi người bên cạnh tôi muốn một thứ gì đó, tôi cũng bắt đầu muốn nó. Và khi những ham muốn ấy va vào nhau, xung đột bùng nổ. Để làm dịu xung đột đó, Girard tin rằng xã hội chọn một người làm vật tế thần và trút cơn giận của mọi người lên người ấy. Thiel là người hâm mộ nhiệt thành dòng tư tưởng này.

Karp có một giếng khác. Martin Heidegger. Heidegger là một triết gia hiện sinh người Đức, người tin rằng con người sống cả đời mà bỏ lỡ câu hỏi căn bản: sống nghĩa là gì. Người ta sống như người khác sống, sống như thế giới bảo họ phải sống, rồi quên mất sự thật rằng mình đang thật sự sống. Đó là một thứ triết học chất vấn chính sự tồn tại. Karp chìm rất sâu vào Heidegger. Với ông, các bạn học ở trường luật chính là những con người hay quên ấy. Điểm tốt, hăng luật tốt, lương tốt. Những người đi trên một con đường đã định sẵn, không nghi ngờ, và chưa từng một lần hỏi vì sao mình sống. Theo ngôn ngữ của Heidegger, họ là những hữu thể tồn tại trong khi quên mất Tồn tại.

Niềm thú vị của chương này nằm ở đây. Hai người đàn ông ép nhau từ hai phía trái ngược. Thiel đứng cùng Girard, người nhìn ham muốn như thứ đến từ việc bắt chước người khác. Karp đứng cùng Hegel, người nhìn lịch sử tiến lên qua va chạm của các mâu thuẫn, và cùng Heidegger, người chất vấn ý nghĩa của tồn tại. Một người nhìn con người như những con vật biết bắt chước. Người kia nhìn con người như những hữu thể ôm lấy mâu thuẫn và đi tìm ý nghĩa. Qua cùng một chiếc bàn, không ai nhường ai một phân.

Karp tóm gọn những cuộc tranh luận ấy trong một câu. Chúng tôi đánh nhau như thú hoang. Đó không phải một cuộc thảo luận học thuật lịch sự. Đó là một cuộc chiến trong đó mỗi người lao thẳng không thương tiếc vào những lỗ hổng trong logic của người kia và cắn chặt bất cứ chỗ nào thấy sơ hở. Ký ức của Thiel cũng gần như vậy. Karp là một kẻ cánh tả điên rồ, còn ông là một kẻ cánh hữu điên rồ, vậy mà bằng cách nào đó, hai người lại hiểu đối phương đang nói gì.

Bàn cờ là sân khấu nhỏ cho cuộc chiến ấy. Cờ vua là chiến tranh được tiến hành bằng lời. Đó là trò chơi độc nước đi của đối thủ, đặt bẫy, và nhìn trước nhiều nước. Không phải ngẫu nhiên mà hai người đàn ông ấy đêm này qua đêm khác ngồi đối diện nhau qua một bàn cờ. Họ chơi ý

tưởng trong khi chơi cờ, và chơi cờ trong khi chơi ý tưởng. Khi một người đi quân, người kia chỉ ra điểm yếu trong nước đi đó. Khi một người trải ra một mạch lập luận, người kia đâm vào khoảng trống trong lập luận ấy. Ván cờ và cuộc tranh luận là một thân thể. Ai thắng không quan trọng. Điều quan trọng là bàn cờ chưa bao giờ kết thúc trước bình minh.

Thật lạ. Hai con người không thể xa nhau hơn về chính trị, vì sao họ không thể rời nhau? Câu trả lời có lẽ nằm ngay trong chính cường độ ấy. Giữa những bạn học khác bị thành công làm mờ mắt, hai người nhận ra nhau. Mỗi người đã gặp một người thật sự biết nghĩ. Một người đẩy niềm tin của mình đến tận cùng và cũng lắng nghe niềm tin của người kia đến tận cùng. Hai kẻ không chịu hòa vào khuôn mẫu bám lấy nhau giữa biển người thuận theo khuôn mẫu. Một người ghét cùng một thứ bằng ngôn ngữ của Marx; người kia ghét nó bằng ngôn ngữ của thị trường. Cả hai đều không chịu nổi cảnh con người di chuyển theo bầy đàn. Karp gọi đó là sự tha hóa tư bản chủ nghĩa, còn Thiel gọi đó là sự bắt chước của đám đông. Họ ghét cùng một mục tiêu, nhưng triết học dùng để giải thích sự căm ghét ấy lại trái ngược hoàn toàn. Vì thế, càng đánh nhau, họ càng gần nhau.

Cuộc chiến ấy không đưa hai người đến cùng một kết luận. Karp vẫn là người cánh tả đến cùng, và Thiel vẫn là người cánh hữu đến cùng. Nhưng cuộc chiến ấy mài sắc logic của cả hai như một con dao. Để chịu được những phản biện mà người kia ném vào mình, mỗi người phải làm cho suy nghĩ của mình cứng hơn, và trong quá trình đó, cả hai bỏ lại những khẩu hiệu thô sơ để chạm tới tư duy thật sự. Khó tìm được trường hợp nào hợp với câu nói kẻ thù nâng mình lên hơn thế này.

Một điều Karp nói về sau chỉ thẳng vào lỗi của giai đoạn ấy. Ông nói rằng biết cách tôn trọng một đối thủ trí tuệ, dù là miễn cưỡng, sẽ trở thành một lợi thế khổng lồ. Không bị cảm xúc và cơn giận cuốn đi, không rơi vào thứ tự mãn đạo đức kiểu "tôi đúng còn anh sai", mà học cách nhìn thẳng vào lập luận của người kia và chiến đấu với nó. Karp đã học điều đó trong căn phòng ký túc xá này.

Câu ấy đáng để lật đi lật lại mà nghĩ. Người ta thường ghét hoặc phớt lờ người bất đồng với mình. Họ quyết định rằng người kia sai, rồi bịt tai lại. Làm như vậy thì đầu óc nhẹ hơn. Nhưng điều Karp học được lại ngược hẳn. Người phản bác tôi gay gắt chính là người làm tôi lớn lên. Thiel không nương tay xé thủng logic cánh tả của Karp, và Karp mài sắc suy nghĩ của mình hơn nữa để lấp những lỗ thủng ấy. Họ là đá mài của nhau. Họ ghét nhau và bị gọt giũa; họ bị gọt giũa và trở nên sắc hơn. Họ là kẻ thù, và theo nghĩa đó, là thầy của nhau.

Kỹ năng chiến đấu với kẻ thù trong khi vẫn tôn trọng kẻ thù ấy. Nghề kỳ lạ đầy nghịch lý này về sau trở thành nền móng cho đời ông: lập công ty với những người ở phía chính trị đối lập, và ứng xử với những nhân vật quyền lực va chạm với mình. Điểm khởi đầu của Palantir, công ty được vận hành bởi cặp đôi lạ lùng gồm một CEO triết gia cánh tả và một chủ tịch tư bản cánh hữu, là bàn cờ trong căn phòng ký túc xá ấy. Lý do hai người có màu sắc chính trị đối nghịch có

thể cùng lãnh đạo một công ty trong gần ba mươi năm có lẽ là vì ngay từ đầu họ không gắn với nhau bằng sự đồng thuận. Trước hết, họ học cách tôn trọng nhau mà không cần đồng ý với nhau. Đối thủ tập luyện đầu tiên của ông là Peter Thiel. Đó là khởi đầu của một tình bạn kỳ lạ kéo dài hơn ba mươi năm.

Năm 1992, Karp tốt nghiệp Stanford Law School. Ông cầm trong tay tấm bằng Juris Doctor. Bản án ba năm mà ông ghét cay ghét đắng đã kết thúc.

Nhận bằng không biến một người thành luật sư. Muốn làm luật sư ở Hoa Kỳ, người ta phải vượt qua một kỳ thi luật sư riêng. Karp không dự kỳ thi ấy. Không một lần nào. Nhiều năm sau, trong một cuộc phỏng vấn, ông được hỏi có phải ông đã học ba năm ở trường luật mà vẫn chưa từng thi luật sư hay không. Ông trả lời chắc nịch. Không, hoàn toàn không. Ông nói mình chưa từng làm luật sư dù chỉ một lần, và ông vô cùng tự hào về điều đó.

Nghe như một niềm tự hào kỳ lạ. Đó là lựa chọn biến tấm bằng kiếm được sau ba năm thành một mảnh giấy. Chỉ một kỳ thi luật sư là xong. Với danh nghĩa một Juris Doctor của Stanford, nếu ông thêm vào đó một giấy phép hành nghề luật sư, bất kỳ hãng luật nào cũng sẽ nhận ông. Một đời sống an toàn nằm ngay bên kia một kỳ thi. Nhưng ông không bước vào phòng thi ấy. Không một lần nào.

Tôi thử cân sức nặng của lời từ chối ấy. Phần lớn mọi người sẽ nghĩ rằng mình đã đầu tư ba năm, ít nhất cũng phải thu lại thứ gì đó. Có một cụm từ: sunk cost. Nó chỉ thôi thúc tiếp tục đi trên con đường mình không thích, vì không chịu nổi việc lãng phí những gì mình đã đổ vào đó. Karp đi thẳng ngược lại thôi thúc ấy. Thay vì trở thành luật sư vì ba năm kia có vẻ quá quý để bỏ phí, ông chọn vứt bỏ trọn ba năm ấy và được tự do. Nhưng với Karp, bằng trường luật không phải là cánh cổng để trở thành luật sư. Nó là tín hiệu được thả ra, là bằng chứng rằng ba năm khủng khiếp đã kết thúc. Ở trường luật, ông học được rằng mình là kiểu người không thể làm công việc mà mình không tin. Ông biến nhận ra ấy thành hành động. Ông đá văng con đường an toàn mà ai cũng thêm muốn, con đường bước vào nghề luật.

Vậy ông sẽ đi đâu? Tâm trí ông quay lại với triết học. Giấc mơ ban đầu, trở thành một nhà lý thuyết xã hội, vẫn còn ở trong ông. Ông đã đi đường vòng ba năm qua trường luật, nhưng rốt cuộc điều gọi ông trở về là tiếng mẹ đẻ mà ông đã học ở Haverford. Dù vậy, ông không có ý định quay lại giới học thuật Mỹ. Trong mắt ông, vào một chương trình Ph.D. triết học ở Hoa Kỳ nghĩa là thêm ba năm học thuộc lòng. Lại bắt đầu bằng một chương trình thạc sĩ, mất thời gian nhai lại những tri thức người khác đã sắp xếp sẵn. Với một người cảm thấy mình đã bị nhốt ba năm bên trong Stanford, điều đó không thể chấp nhận được.

Điều ông từ chối là một thứ văn hóa trong giới học thuật Mỹ. Đi theo các thủ tục cố định theo đúng trật tự, làm vừa lòng người hướng dẫn, chỉ suy nghĩ trong lối hẹp mà thế giới học thuật công nhận. Đó là một chiếc thang khác, khá giống chiếc thang trường luật. Karp đã chán ngấy mọi kiểu thang. Điều ông muốn không phải là một tấm bằng. Đó là tư duy tự do. Một nơi ông có

thể theo đuổi những câu hỏi không có sẵn đáp án, đi xa đến đâu thì đi. Ông xét rằng một nơi như thế không tồn tại ở Mỹ. Ít nhất là không tồn tại dưới dạng mà ông có thể chịu đựng.

Ánh mắt ông hướng sang bên kia Đại Tây Dương. Nước Đức.

Karp từng bị cuốn hút sâu sắc bởi tư tưởng Đức sau chiến tranh. Hegel, người ông yêu thích, là người Đức. Heidegger cũng vậy. Để tìm kiếm tư tưởng tự do, ông quyết định vượt Đại Tây Dương. Ông từ chối một vị trí tại một hãng luật hàng đầu và rời sang Đức học triết học. Gần như mọi người quanh ông đều nghĩ đó là chuyện điên rồ. Một người có bằng J.D. Stanford hoàn hảo đang vứt bỏ tương lai ổn định để vượt biển theo đuổi triết học Đức, thứ chẳng hứa hẹn tiền bạc. Trong mắt bạn học, ông không còn tỉnh táo.

Chỉ có một người ủng hộ quyết định ấy. Peter Thiel.

Thiel, một nhà tư bản kiên định, cổ vũ người bạn đã chọn con đường rất xa tiền bạc. Ông nói với Karp rằng lấy bằng tiến sĩ triết học ở Đức sẽ thú vị hơn nhiều so với việc héo mòn trong một hãng luật lớn nhàm chán. Về chính trị, hai người không nhường nhau một bước. Nhưng khi nhìn con người, họ hiểu nhau. Thiel nhìn thấy bản chất của Karp. Ông thấy Karp không thể làm việc mà mình không tin, và nếu đã tin vào điều gì, Karp sẽ vượt cả đại dương để theo đuổi nó. Người đối thủ từng đấu với Karp như một con thú hoang đã trở thành người ủng hộ duy nhất của ông tại ngã rẽ đời mình.

Stanford Law School không trao cho Karp sự nghiệp luật sư. Thay vào đó, nó dạy ông một cách rõ ràng tuyệt đối rằng ông không bao giờ có thể trở thành kiểu người nào. Xếp hàng để thăng tiến. Lao động cho công việc mình không tin. Thuận theo con đường mọi người đều đi. Tại nơi ấy, Karp xác nhận rằng ông là người bác bỏ tất cả những điều đó. Và ông gặp một đồng chí đi cùng cả đời. Nếu cân những gì ông mất với những gì ông được, phần ông được lớn hơn nhiều.

Người thanh niên trong chương này vẫn chưa phải con người mà chúng ta biết. Alex Karp năm 1992 chưa phải CEO của một công ty bán công nghệ giám sát. Ông là một sinh viên triết học cánh tả, người hô vang về lao động bị tha hóa của Marx và đấu với người bạn tư bản của mình như một con thú hoang. Nếu khi ấy có ai nói với ông rằng công ty ông xây dựng về sau sẽ cung cấp công cụ phân tích dữ liệu cho các cơ quan tình báo chính phủ, có lẽ ông đã khịt mũi. Con đường khiến một thanh niên tự định nghĩa mình là người sẽ đứng đầu hàng bị bắn nếu chủ nghĩa phát xít xuất hiện, rồi cuối cùng lại làm ra những công cụ có thể trở nên đáng sợ trong tay phát xít, vẫn còn ở rất xa phía trước. Nhưng hạt giống của mâu thuẫn mà cuốn sách này sẽ giữ đến tận cuối đã được gieo trong căn phòng ký túc xá ấy. Một người ghét thể giới di chuyển theo bầy đàn rồi sẽ xây dựng công cụ cho những đội quân di chuyển theo bầy đàn. Khoảng cách ấy lớn đến đâu, và ông đã vượt qua nó thế nào, là câu chuyện phía trước.

Con tàu hướng về phía đông. Frankfurt đang chờ ông. Đó là quê hương của lý thuyết phê phán, thành phố của Frankfurt School. Đó là thành phố của những học giả đã dành cả đời hỏi vì sao xã hội được huấn luyện để phục tùng quyền lực, và con người đánh mất suy nghĩ của chính mình như thế nào. Với một sinh viên triết học cánh tả, không có điểm đến nào phù hợp hơn. Ông sẽ gặp ai ở đó với tư cách người thầy, cuộc gặp ấy sẽ đi chệch hướng ra sao, và bằng cách nào một sinh viên triết học cánh tả sẽ đi qua đời sống của một nhà quản lý tài sản ở London trước khi trở thành CEO Silicon Valley, chuyện đó thuộc về chương sau. Có một điều rõ ràng. Bản án ba năm mang tên Stanford Law School đã lấy đi tương lai luật sư của Karp, nhưng để lại cho ông hai thứ. Một ý thức sắc bén về những việc ông không bao giờ có thể làm, dù mạng sống của ông phụ thuộc vào nó. Và một người bạn mà ông sẽ tranh đấu cùng, rồi cùng bước đi suốt phần đời còn lại. Đó là một bản án mà phần ông được lớn hơn phần ông mất.

Chương 3 Nhà lý thuyết xã hội của Frankfurt

Năm 1992, một chàng trai trẻ vừa nhận bằng Juris Doctor (J.D.) từ Stanford Law School cởi áo choàng tốt nghiệp, rồi đi không phải đến phòng ôn thi luật sư, mà ra sân bay. Điểm đến của anh là Frankfurt, Đức. Giới luật Hoa Kỳ đang chờ anh. Mức lương khởi điểm của một hãng luật lớn, bộ vest, tấm danh thiếp, một chiếc thang nghề nghiệp đã dựng sẵn. Anh quay lưng với tất cả. Sau này, Karp tóm tắt quyết định ấy một cách lạnh lùng. Ông không thể sống cả đời bằng một công việc mà mình không tin. Một người cầm trong tay bằng luật đã từ chối trở thành luật sư, mua vé máy bay và băng qua Đại Tây Dương.

Tại sao lại là Frankfurt? Câu trả lời nằm ở một nhóm tư tưởng gia. Đầu thế kỷ 20, một truyền thống trí thức mang tên lý thuyết phê phán, *Kritische Theorie*, đã lớn lên tại thành phố ấy. Đó là Trường phái Frankfurt, một nhóm học giả nghiên cứu cách chủ nghĩa tư bản, văn hóa đại chúng và chủ nghĩa chuyên chế rèn nắn tâm trí con người. Theodor Adorno, Max Horkheimer và Herbert Marcuse đứng trong dòng mạch đó.

Trường phái ấy mang theo một lịch sử đau đớn. Trong thập niên 1930, khi Đức Quốc xã giành quyền lực, phần lớn họ rời Đức sang lưu vong tại Hoa Kỳ vì họ là người Do Thái. Những học giả đã dành cả đời để hỏi vì sao chủ nghĩa phát xít có thể chiếm lấy tâm trí người bình thường lại bị chính chủ nghĩa phát xít ấy xua đuổi. Trong lưu vong, họ nghiên cứu nhân cách chuyên chế, rồi sau chiến tranh, một số người trở lại Frankfurt. Một chàng trai sinh ra trong bối cảnh Do Thái pha trộn, lớn lên với niềm tin rằng "nếu chủ nghĩa phát xít xuất hiện, tôi sẽ là người đầu tiên bị bắn", đã đi đến căn cứ của những người lưu vong từng dành cả đời mổ xẻ chính chủ nghĩa phát xít đó. Sức hút ấy quá mạnh để coi là tình cờ.

Một người đứng đó như kẻ sống sót của truyền thống ấy và là một trong những triết gia hàng đầu của thời đại mình. Jürgen Habermas. Habermas thừa hưởng nỗi bi quan của thế hệ thầy mình, nhưng đi thêm một bước. Ông tin rằng dân chủ bắt rễ trong đối thoại, nơi con người đạt được đồng thuận vì bị thuyết phục không phải bởi vũ lực hay dối trá, mà bởi lập luận tốt hơn, nói cách khác, là thảo luận không cưỡng ép. Karp nhìn thấy cái tên ấy và đi sang Đức.

Một người học xong trường luật mà không trở thành luật sư là chuyện hiếm. Từ điểm đó rẽ sang triết học, lại làm việc ấy bên kia đại dương bằng tiếng Đức, còn hiếm hơn. Nhìn từ xa, lý lịch của Karp có vẻ trơn tru. Bằng cử nhân Haverford năm 1989, Stanford J.D. năm 1992, rồi Đức. Nhưng nhìn gần, giữa mỗi chặng đều có những vết gãy. Đây là lựa chọn của một người nhìn thấy con đường cao tốc bằng phẳng của nghề luật trước mặt mình, rồi bẻ lái sang một con đường chưa rải nhựa. Con đường ổn định càng kéo ông mạnh, ông càng chạy xa khỏi nó.

Sự bất mãn của Karp với triết học Hoa Kỳ rất rõ. Theo ông, triết học trong thế giới nói tiếng Anh hoặc đang cắt ngôn ngữ thành những mảnh rất nhỏ để phân tích, hoặc đang xoay vòng trong vấn đề cũ mà Descartes để lại: cái tôi đang nhìn, tức chủ thể, gặp thế giới được nhìn thấy,

tức khách thể, như thế nào. Ông thấy căn phòng hẹp ấy ngột ngạt. Thay vào đó, ông bị cuốn vào dòng chảy lớn của tư tưởng Đức, từ Kant đến Hegel, đến Marx, rồi đến Niklas Luhmann và Martin Heidegger. Ông say mê nhân học triết học, ngành cố gắng suy nghĩ về con người như một toàn thể, thân thể, tâm trí và xã hội cùng một lúc. Không phải thứ triết học giải các câu đố nhỏ, mà là thứ triết học hỏi về cả thế giới. Đó là điều ông vẫn đi tìm.

Khi Karp đến Frankfurt, ông tìm được chỗ trong Kolloquium của Habermas, một seminar sau đại học nơi một nhóm nhỏ tụ họp để thảo luận. Vài năm đầu là cuộc vật lộn với tiếng Đức. Ông phải đọc Hegel và Kant bằng một ngôn ngữ không phải tiếng mẹ đẻ, trình bày suy nghĩ của mình bằng ngôn ngữ ấy, rồi trả lời phản biện của các bậc thầy cũng bằng chính ngôn ngữ ấy. Karp chịu đựng những năm đó, mài sắc cả tiếng Đức lẫn luận án của mình.

Kolloquium là một đấu trường tư tưởng đang sống. Karp tận mắt chứng kiến Habermas và Karl-Otto Apel va chạm trong tranh luận. Hai người là bạn, đồng thời là đối thủ trí tuệ suốt đời. Về chân lý là gì và đạo đức tìm nền tảng ở đâu, hai triết gia già va vào nhau mà không ai nhường một phần. Ông cũng ngồi cùng bàn với một người khổng lồ khác, Niklas Luhmann. Luhmann suy nghĩ về xã hội từ một hướng đối lập trực tiếp với Habermas. Một nghiên cứu sinh vô danh từ Hoa Kỳ đã trao đổi ngay cùng bàn với những người chống đỡ lý thuyết xã hội thế kỷ 20. Ở đó, Karp xác nhận một điều. Ông có trí tuệ để ngồi cùng phòng với những người khổng lồ ấy và theo một cuộc tranh luận học thuật đến tận cùng. Một người lớn lên với cảm giác mình chưa bao giờ thật sự thuộc về nơi nào đã bắt đầu đo vị trí của mình giữa những bộ óc hàng đầu.

Thời gian ở bên những người khổng lồ cũng dạy cho Karp sự vỡ mộng. Ông chán nản khi thấy các cuộc tranh luận học thuật dường như có quá ít sức nặng trong thế giới bên ngoài. Một cuộc tranh luận gay gắt tiêu tốn cả học kỳ sẽ chẳng thay đổi gì ngay khi người ta bước ra khỏi lớp học. Các học giả có thể tranh cãi suốt nhiều tháng về một chú thích duy nhất, nhưng chú thích ấy không làm rung chuyển đời sống của dù chỉ một người ngoài phố. Sự thật đó gặm nhấm ông. Ông cũng hiểu rằng những học giả được gọi là giỏi nhất thế giới lại có tính khí khiến việc làm việc cùng họ trở nên khó khăn. Trí tuệ của họ phi thường, nhưng họ không phải là những người thật sự xây dựng thứ gì. Theo cách Karp tự diễn đạt, họ không có khí chất của một 'builder'. Họ giỏi đọc văn bản và đáp lại chúng bằng những văn bản khác, nhưng ít quan tâm đến việc xây dựng bất cứ điều gì trong thế giới thật từ những suy nghĩ ấy. Họ biết cách tháo rời thế giới trên bàn làm việc, nhưng không biết cách lắp ráp nó bằng đôi tay mình. Khoảng cách này về sau trở thành một chìa khóa để hiểu Karp.

Mối quan hệ ấy kết thúc bằng một lá thư. Tháng 8 năm 2000, Habermas gửi cho Karp một lá thư đánh máy dài ba trang. Ông nói rằng ông sẽ không còn làm người hướng dẫn luận án cho Karp nữa. Theo các tường thuật, về đại ý, Habermas nói với Karp rằng những nhà phê bình văn học và nhà lý thuyết nổi bật đã viết về chủ đề Karp đang xử lý, và Karp sẽ khó cạnh tranh với họ. Đó là thông báo chia tay từ một bậc thầy gửi cho một học trò. Karp về sau nhiều lần kể lại

chuyện này. Ký ức bị từ chối rất cay đắng, nhưng ông gấp nỗi cay đắng ấy vào một cảnh trong câu chuyện của chính mình. Câu chữ chính xác của lá thư và chi tiết lý do từ chối dựa vào hồi ức của Karp và các bài báo; tài liệu gốc chưa được công bố.

Có một sự thật khác nhau tùy nguồn cần được chỉnh lại tại đây. Nhiều bài viết mô tả Karp là "học trò của Habermas". Điều đó chỉ đúng một nửa. Đúng là Karp đã dành nhiều năm trong Kolloquium của Habermas và học dưới ảnh hưởng của ông. Nhưng người hướng dẫn thật sự đưa luận án đến hoàn tất và giúp ông nhận bằng không phải Habermas. Đó là Karola Brede. Sau khi Habermas rút lui, Brede, một nhà tâm lý học xã hội, tiếp quản luận án của Karp. Vì vậy, cách kể chính xác là thế này: cảm hứng đến từ Habermas, còn sự hướng dẫn đến từ Brede. Bản thân Karp nhận bằng không phải từ một khoa của Goethe University gắn với Habermas, mà từ một đơn vị khoa học xã hội khác với Institute for Social Research, Institut für Sozialforschung, nơi Habermas thuộc về.

Brede là một kiểu học giả khác với Habermas. Nếu Habermas xử lý diễn ngôn lớn, lý tính và các cấu trúc phổ quát của giao tiếp, thì Brede đưa phân tâm học của Freud vào xã hội học và khảo sát cách vận hành của tâm trí cụ thể. Bà gắn bó với cả khoa xã hội học tại Goethe University và Sigmund Freud Institute. Một chân đặt trong ngành nghiên cứu xã hội, chân kia đặt trong ngành nghiên cứu tâm trí. Sự kết hợp này rất hợp với Karp.

Với một thanh niên từng chỉ trôi nổi trên bầu trời trừu tượng, Brede trao cho ông mặt đất vững dưới chân. Bên Habermas, Karp bàn về lý tính phổ quát của nhân loại. Bên Brede, ông xử lý những xung năng sôi lên trong tâm trí một con người. Một câu hỏi quá lớn để nắm bắt được thu nhỏ lại thành một thước đo cụ thể: ham muốn của một người và ngôn ngữ của một thời đại. Bà là người dẫn ông rời khỏi lý thuyết lớn để đi về một hiện tượng cụ thể, theo đuổi đến cùng và hoàn tất thành luận án. Với một thanh niên muốn trở thành builder, Brede ít nhất đã dạy ông cách xây dựng một luận án cho đến tận điểm cuối.

Có một cảnh nói lên nhiều điều trong quan sát của Brede về Karp. Bà khuyên ông rằng nếu muốn, ông có thể viết luận án bằng tiếng Anh thay vì tiếng Đức. Với một nghiên cứu sinh nước ngoài, đó là một sự ưu ái lớn. Karp từ chối. Ông nói rằng để nắm bắt được chất liệu của tư tưởng mà ông muốn xử lý, luận án phải được viết bằng tiếng Đức. Đứng trước con đường dễ hơn bằng tiếng mẹ đẻ, ông vẫn khẳng định chọn con đường khó hơn bằng một ngoại ngữ. Một người sẵn sàng từ bỏ sự thoải mái để đổi lấy độ chính xác. Sự bướng bỉnh này là một dự báo nhỏ về khuynh hướng mà ông sẽ thể hiện suốt đời.

Brede cũng ghi lại một mặt khác của Karp. Đó là gương mặt của một thanh niên nhạy bén về chính trị, liên tục đổi vị trí khi tranh luận. Karp trẻ tuổi bị cuốn hút bởi đảng tự do của Đức, Free Democratic Party, hay FDP. Nhưng Michel Friedman của Christian Democratic Union, hay CDU, sống trên cùng những con phố Frankfurt. Karp sẽ bám lấy ông ta và cố thuyết phục rằng ông ta đã chọn sai đảng. Một sinh viên nước ngoài tranh luận với một chính trị gia gặp trên phố, bảo

ông ta đối đẳng. Chỉ một cảnh ấy đã cho thấy ông là kiểu người nào. Sự linh hoạt của ông, không bị đóng đinh vào một phe phái nào và đi qua đi lại trong khi tận hưởng chính việc tranh luận, dường như có liên hệ với hành trình dài mà về sau ông đi từ khuynh hướng cấp tiến sang chủ nghĩa hiện thực an ninh.

Dưới cảm hứng ban đầu từ Habermas và sự hướng dẫn thực tế của Brede, cuối cùng Karp nhận bằng tiến sĩ triết học tại Goethe University năm 2002, về lý thuyết xã hội tân cổ điển. Trường thường được gọi là University of Frankfurt, nhưng tên chính thức là Johann Wolfgang Goethe University, hay Goethe University Frankfurt. Bằng cử nhân tại Haverford năm 1989, bằng Juris Doctor tại Stanford năm 1992, rồi bằng tiến sĩ triết học tại Goethe năm 2002. Ba tấm bằng xếp chồng lên nhau trong mười ba năm. Đó là khoảng thời gian cần thiết để một thanh niên lẽ ra có thể trở thành luật sư trở thành một nhà lý thuyết xã hội.

Nhan đề của luận án dài và khó. Đó là Aggression in the Lifeworld: The Extension of Parsons's Concept of Aggression Through the Description of the Relationship Between Jargon, Aggression, and Culture, hay trong tiếng Đức, Aggression in der Lebenswelt: Die Erweiterung des Parsonsschen Konzepts der Aggression durch die Beschreibung des Zusammenhangs von Jargon, Aggression und Kultur. Chỉ đọc nhan đề thì chưa thấy rõ ý nghĩa. Tôi sẽ gỡ từng lớp của nó.

Hãy bắt đầu từ thuật ngữ lifeworld. Lifeworld, Lebenswelt, là một thuật ngữ triết học Đức chỉ sân khấu đời thường nơi chúng ta sống tự nhiên như thở. Lời chào trên đường đi làm, câu chuyện ở bàn ăn, lời đùa trong phòng họp, chuyện phiếm bên ly rượu. Thế giới bình thường mà chúng ta sống qua mà không tách nó ra thành lý thuyết, đó là lifeworld. Câu hỏi của Karp bắt đầu từ đó. Sự hung hăng ẩn trong con người lặng lẽ được cho phép và được biện minh trên sân khấu bình thường của đời sống hằng ngày như thế nào? Kênh nào làm cho việc ấy xảy ra? Câu trả lời của ông là ngôn ngữ. Chính xác hơn, đó là jargon.

Ở điểm xuất phát của luận án là nhà xã hội học Mỹ Talcott Parsons. Parsons là một nhà lý thuyết lớn, người giải thích xã hội gắn kết và tiếp tục vận hành ra sao. Bức tranh của ông như thế này. Một đứa trẻ mới sinh ra như một bó bản năng và xung động, nhưng khi lớn lên, đứa trẻ học luật lệ và nhận vai trò để giành được tình yêu của người mẹ. Xung động thô được uốn thành những động cơ mà xã hội có thể hiểu. Ngay cả sự hung hăng cũng được thuần hóa qua quá trình ấy và được đưa vào bên trong trật tự. Đó là bức tranh về xã hội hóa như một băng chuyền trơn tru, xử lý con người thô ráp thành một công dân bóng bẩy.

Karp cho rằng bức tranh này quá sạch sẽ. Mô hình của Parsons giải thích tốt cách xã hội được tích hợp, nhưng phê bình của Karp là nó đã làm mềm quá mức sức mạnh thật của những xung động phá hủy mà Freud mô tả. Bên trong tâm trí con người, những ham muốn cấm kỵ và thắng với quy tắc xã hội, những xung động tối không thể nói thành lời, đang sôi lên. Băng chuyền của Parsons không xử lý được sự sôi sục ấy. Karp lập luận rằng va chạm và căng thẳng giữa chuẩn

mức xã hội và ham muốn bị cấm của cá nhân phải được đặt vào trong lý thuyết. Nếu không, xã hội sẽ co lại thành tổng số những cá nhân ngoan ngoãn, biết vâng lời. Đó là một lời cảnh báo: nếu vẽ con người quá tốt, ta sẽ bỏ lỡ mối nguy trong họ.

Người mà Karp đưa vào để lấp khoảng trống Parsons bỏ lại là Theodor Adorno. Chính xác hơn, đó là cuốn sách *The Jargon of Authenticity* của Adorno. Adorno thấy con người hiện đại bám vào một loại jargon nào đó để lấp đầy mối liên kết và sự xa lạ mà họ đã đánh mất. Karp đẩy ý nghĩ này đi thêm một bước. Ông hỏi: Vì sao lời nói không chạm tới logic, thậm chí không ăn khớp với nhau, lại lan giữa con người một cách sốt sắng đến vậy?

Câu trả lời của Karp rất sắc. Jargon trao cho người dùng nó hai thứ cùng lúc. Một là ảo tưởng thuộc về. Ngay khoảnh khắc tôi dùng cùng một jargon, tôi trở thành một người trong "chúng ta", một người thật sự thuộc về. Thứ kia là sự miễn tội. Jargon bọc ham muốn tối muốn đẩy xa và tấn công người ngoài, người lạ, như thể ham muốn ấy là chính đáng. Nó buộc bên trong lại và đánh vào bên ngoài bằng cùng những từ ngữ. Khi đặt jargon vào miệng mình, con người có thể xả sự hung hăng bị nén trong lòng theo một cách hợp lệ, trong khi bề ngoài vẫn không phá vỡ chuẩn mực xã hội. Một cách cắt vào người khác chỉ bằng những lời lịch sự, không cần một câu chửi, không cần túm cổ áo ai. Đó chính là jargon.

Đáng dừng lại ở đây để nhìn vào tâm trí Karp. Hãy nghĩ về ông khi còn là một đứa trẻ. Một cậu bé sinh ra từ người cha Do Thái và người mẹ Da đen, không thể thuộc trọn vẹn về bất kỳ nhóm nào. Một người tin rằng không có nhóm nào nói "Chúng tôi hòa hợp với nhau" mà bao gồm cả mình. Chủ đề mà một người như thế tình cờ đào sâu trong luận án tiến sĩ là cách ngôn ngữ vận hành khi nó buộc "phe ta" lại và đẩy "phe kia" ra xa. Một người đã sống cả đời bị đánh từ bên ngoài bằng bạo lực của lời nói chia bên trong với bên ngoài đã vẽ bản thiết kế của bạo lực ấy như một công trình học thuật. Ông giơ con dao từng cắt mình lên và xem xét lưỡi dao của nó. (Mối liên hệ này không được chính Karp nói rõ; đây là một cách diễn giải đặt những nhận xét của ông về thời thơ ấu bên cạnh chủ đề luận án của ông.)

Karp thêm vào đó một lớp nữa. Đó là *The Belated Nation* của Helmuth Plessner. Plessner hỏi: Vì sao lại là Đức, trong tất cả các nơi? Ngay giữa cùng một châu Âu, vì sao Đức trượt vào chủ nghĩa phát xít? Lời giải thích của ông là thế này. Đức là một quốc gia nơi các thiết chế dân chủ bén rễ muộn. Trong khi Anh và Pháp sớm học nền chính trị của công dân, Đức đến muộn ở ngôi trường ấy. Thêm vào đó là "lòng mộ đạo thể tục" và "tính hướng nội" sâu xa chảy ra từ thần học của Martin Luther. Đó là một khí chất đặt linh hồn bên trong cao hơn chính trị bên ngoài. Đó là một văn hóa xem việc chìm vào nội tâm của mình là cao quý hơn tranh luận ở quảng trường. Plessner nhìn chính mảnh đất này như điểm mù xã hội nơi chủ nghĩa quyền uy và chủ nghĩa phát xít có thể nảy mầm. Khi chính trị bị coi là thấp kém, sự man rợ chính trị lén vào từ phía kia. Karp không nghĩ chẩn đoán này đã kết thúc như một chuyện của quá khứ. Ông cố chỉ ra cách những xung động phi dân chủ và loại trừ vẫn giành được sức mạnh ngầm bên trong lifeworld

của nước Đức.

Tên của ba con người đan vào nhau trong một luận án. Từ Parsons, Karp mượn cách xã hội thuần hóa con người; từ Adorno, cách ngôn ngữ bọc lấy bóng tối; từ Plessner, loại đất nào làm cho bóng tối ấy lớn lên tốt nhất. Rồi ông thối trở lại vào đó sức mạnh thật của các xung năng mà Freud đã mô tả. Ông xâu bốn mạch lý thuyết rời rạc dưới một câu hỏi và đặt chúng lên cùng một màn hình. Điều đó giống một cách kỳ lạ với việc công ty mà sau này ông xây dựng sẽ làm: xâu những mảnh thông tin rải rác lên một màn hình và làm cho chúng hiện ra.

Một luận án không thể chỉ đứng trên lý thuyết. Karp đưa vào luận án của mình một sự kiện có thật có thể chứng minh khung phân tích của ông. Đó là sự kiện đã làm nước Đức rung chuyển trong thời gian ông viết luận án tiến sĩ. Ở đây tài của ông hiện ra: đặt lý thuyết trừu tượng lên một cảnh sống. Tháng 10 năm 1998, tại Paulskirche ở Frankfurt, nhà văn Martin Walser nhận Giải Hòa bình của Ngành Sách Đức. Paulskirche không phải một tòa nhà rỗng nghĩa. Đó là nơi quốc hội toàn quốc đầu tiên của Đức họp năm 1848, gần như đồng nghĩa với biểu tượng của nền dân chủ Đức. Trong một thánh đường của dân chủ, một nhà văn đã phóng thích xung động ngược lại trong khi khoác bên ngoài chiếc áo dân chủ. Trong bài phát biểu nhận giải, Walser chĩa lưỡi dao vào những trí thức không ngừng nhắc lại Holocaust và đòi hỏi sự ăn năn. Ông gọi sự buộc tội bất tận ấy là một "nghĩ lễ ký ức tàn nhẫn," và tuyên bố rằng ông không thể sống mãi trong tư thế đứng trước họng súng của thứ đạo đức ấy. Ngồi trong khán phòng khi đó có Ignatz Bubis, chủ tịch Hội đồng Trung ương người Do Thái tại Đức.

Phân tích của Karp lạnh và sắc. Ông thấy tuyên bố của Walser rõ ràng là sai trước lịch sử, một lập luận gượng ép. Nhưng ông chỉ ra rằng hiệu ứng do những lời sai ấy tạo ra lại vô cùng lớn. Walser lấy từ "dân tộc chúng ta" (das Volk) làm của mình và buộc chính ông cùng khán giả thành một khối. Ông nói thay cho điều người ta giữ sâu trong lòng nhưng không thể nói thành tiếng vì đó là điều cấm kỵ: sự mệt mỏi với Holocaust và cơn giận vì bị đối xử như những kẻ tội lỗi không có hồi kết. Ngôn ngữ của Walser vận hành như một thứ biệt ngữ giáo khoa về tính chân thực. Bên trong thứ ngôn ngữ ấy, thủ phạm và nạn nhân lặng lẽ đổi chỗ cho nhau. Những trí thức và người Do Thái đòi hỏi sự tự xét lại lại biến thành thủ phạm. Qua biệt ngữ của Walser, khán giả xả ra sự gây hấn mà họ đã đè nén và có được một sự nhẹ nhõm tâm lý. Một thứ ngôn ngữ biện minh cho thù địch với người khác trong khi vẫn giữ nguyên chiếc áo dân chủ bên ngoài. Karp coi đó là ví dụ hoàn hảo cho lý thuyết của mình. Một luận án tiến sĩ đã thọc tay vào giữa cuộc tranh luận nóng bỏng của thời đại nó.

Trong lúc viết luận án, Karp không chỉ ngồi ở bàn làm việc. Ông làm nghiên cứu viên tại Viện Sigmund Freud ở Frankfurt. Đó là một trong những trung tâm của phân tâm học. Những đêm ở đó khác với giảng đường. Karp ngồi cùng các nhà phân tâm học, hút xì gà và tranh luận suốt đêm về "tiềm thức có ý thức." Họ nói về điều một người biết mà không biết rằng mình biết, và điều một người biết nhưng giả vờ như không biết. Các nhà phân tích không ngừng tháo mở

cách bệnh nhân suy nghĩ và cách họ hành động. Karp ngồi bên cạnh lắng nghe. Trong đầu ông, những tư liệu về phần tối bên trong bản tính con người, về lừa dối, ham muốn và động cơ thật, cứ thế chồng lên nhau.

Về sau, Karp để lại một đánh giá đáng chú ý về giai đoạn này. Kinh nghiệm nhìn vào sự lừa dối, ham muốn và động cơ của con người tại Viện Freud là nền giáo dục có giá trị duy nhất mà ông nhận được cho kinh doanh trong cả đời mình. Không phải lý thuyết xã hội. Không phải luật. Đó là một phòng thảo luận đặc khổi thuốc của các nhà phân tâm học. Con mắt đọc được người ta muốn gì trong khi giả vờ là không muốn, và họ tự lừa mình ra sao. Điều đó trở thành vốn liếng cho cách Karp quản lý Palantir sau này, khi ông dịch chuyển và giữ lại cùng nhau những kỹ sư thiên tài nổi tiếng khó điều khiển. Sinh viên từng mổ xẻ tâm trí con người trở thành nhà quản lý biết dịch chuyển tâm trí con người.

Đến khi nhận bằng tiến sĩ, Karp đã hòa lẫn vào thành phố Frankfurt. Sau khi sang Đức, ông sống ở thành phố đó cho đến năm 2001. Với ông, một người ngoài cuộc, truyền thống văn hóa Đức trở thành nơi trú ẩn không ngờ. Một nền văn hóa không rải từ tình yêu một cách cầu thả, và khi không đồng ý thì nói thẳng: "Tôi không đồng ý." Karp thấy dễ chịu với sự thẳng thắn ấy, với việc nó thiếu những lời rỗng và lớp trang trí xã giao. Một người chưa từng thật sự thuộc về nơi nào dường như lần đầu tiên đã tìm thấy một chỗ để ở lại. Có lúc, ông thậm chí đã nghĩ đến việc định cư hẳn ở Đức.

Sự thẳng thắn của Đức rất hợp với bản tính Karp. Với một người lớn lên trong cảm giác mình không thuộc về đâu, khoảng cách thành thật dễ chịu hơn kiểu giao thiệp Mỹ giả vờ thân gần. Ở nơi người ta nói không đồng ý khi họ không đồng ý, ít nhất không có sự nhập nhằng về việc ai thật sự đứng về phía mình và ai không. Với một người đã sống cả đời trong hoài nghi về cảm giác thuộc về, sự rõ ràng ấy là một nơi trú ẩn.

Đó là những năm tháng túng thiếu. Một câu chuyện sinh ra từ cảnh nghèo ấy nắm bắt được thời kỳ Frankfurt của ông. Một ngày nọ, Karp đùa với đồng nghiệp. Ông nói đùa gọi Mỹ quá mạnh đến mức đã làm tóc ông xoắn và phá hỏng nó. Vì vậy ông sẽ kiện công ty dầu gội và kiếm một khoản tiền nhỏ. Ai cũng có thể nhận ra đó là chuyện vô lý. Nhưng mái tóc bù xù và lối hành xử kỳ quặc của Karp khiến câu chuyện nghe vừa đủ có vẻ thật, đến mức khá nhiều trí thức trong trường đại học tin rằng lời tuyên bố phi lý ấy là nghiêm túc. Một mẫu chuyện nhỏ ấy cho ta biết ông đã để lại ấn tượng như thế nào.

Hãy nghĩ lại về lá thư từ chối của Habermas. Một du học sinh bình thường có lẽ đã gục ngã trước lá thư ấy. Khoảnh khắc nhà triết học hàng đầu của thời đại nói rằng ông rút lui, chương trình tiến sĩ gần như đã coi như kết thúc. Karp không gục ngã. Với một người từ nhỏ đã tin rằng mình không hoàn toàn thuộc về bất cứ nơi nào, sự từ chối của một bậc thầy lớn có lẽ chỉ là một biến thể nữa của trải nghiệm quen thuộc. Đó chỉ là thêm một nhóm không chịu chấp nhận ông. Ông chuyển đến Brede và đẩy luận án đi đến cuối cùng. Thói quen không dừng lại ở nơi bị từ

chối, rồi tự mở một con đường khác, có cùng gốc rễ với cậu bé mắc chứng khó đọc từng tự nghĩ ra cách của riêng mình mỗi khi con đường chuẩn bị chặn lại.

Ở Stanford từng có một thanh niên thiên tả, say mê các cuộc tranh luận hệ tư tưởng. Người xuất hiện sau gần mười năm ở Đức không còn là con người cũ. Ông đã trở thành người nhìn rất kỹ vào sự điên rồ và sức phá hoại của con người. Ông nghiên cứu việc con người dễ dàng biện minh cho bạo lực bên trong mình bằng những mảnh khóe ngôn ngữ ra sao, và thứ man rợ nào ẩn sau những lời lẽ lịch sự. Ở cuối cái nhìn ấy, ông tiến gần đến một kết luận. Thiện ý và lời nói dịu dàng không đủ để ngăn sự man rợ. (Bản thân Karp không trình bày sự thay đổi này như một chuỗi nhân quả rõ ràng; đây là cách diễn giải được rút ra khi nối con đường học thuật của ông với những phát biểu sau này.)

Ngôn ngữ, sự gây hấn và văn hóa đan vào nhau như thế nào để định hình một xã hội? Câu hỏi Karp đặt ra trong những năm làm tiến sĩ không kết thúc trong lớp học. Về sau, nó trở thành mặt đất vững dưới chân ông khi ông suy nghĩ về công nghệ, dân chủ và sự sống còn của thế giới phương Tây.

Đường nét của mặt đất ấy xuất hiện muộn hơn nhiều trong cuốn sách ông xuất bản năm 2025, *The Technological Republic*. Ở đó, mượn ý từ nhà khoa học chính trị Samuel Huntington, Karp đưa ra một mệnh đề lạnh. Văn minh phương Tây trỗi dậy không phải vì tư tưởng hay tôn giáo của nó ưu việt hơn, mà vì nó có "năng lực bạo lực có tổ chức" lớn hơn. Người sinh viên từng đọc ra thứ bạo lực ẩn sau những lời lịch sự trong bài diễn văn của Walser, nhiều thập niên sau, đã trở thành người nhìn thẳng vào bạo lực và hỏi phải xử lý nó như thế nào.

Một người hiểu bạo lực được biện minh sâu trong tâm trí con người ra sao sẽ đặt câu hỏi khác về thứ có thể chặn bạo lực ấy. Kết luận của người đã tin rằng lời mềm mỏng không ngăn được sự man rợ nghiêng về phía dùng sức mạnh áp đảo để đè sự man rợ xuống. Một người lớn lên trong nỗi sợ rằng mình có thể là kẻ đầu tiên bị đàn áp, ở cuối nỗi sợ ấy, đã quyết định dựng lên một tấm khiên cứng hơn bất kỳ ai khác. Kết luận ấy đúng hay không là câu hỏi cuốn sách này phải theo đến cuối. Người thanh niên từng mổ xẻ sự gây hấn ở Frankfurt rồi sẽ xây dựng thứ gì, điều đó bắt đầu thành hình trong chương tiếp theo, khi một cuộc điện thoại gọi đến cho ông.

Chương 4 Từ triết gia đến CEO tỷ phú

Khi điện thoại reo, Alex Karp đang ở London. Đó là một ngày trong năm 2003. Giọng nói ở đầu dây bên kia là của Peter Thiel, một bạn học cũ ở Stanford Law School, người từng sống cùng dãy hành lang ký túc xá với ông. Hai người từng tranh luận suốt đêm về chính trị và triết học. Karp nghiêng về cánh tả, còn Thiel là người theo chủ nghĩa tự do cá nhân. Họ không nhường nhau một tấc, nhưng cuộc tranh luận thú vị đến mức không ai rời đi được cho đến khi trời sáng. Họ bất đồng gần như về mọi thứ. Cách họ nhìn thị trường khác nhau, cách họ nhìn nhà nước và bản tính con người cũng khác nhau. Vậy mà họ chịu được nhau. Không, còn hơn cả chịu được. Mỗi người dùng trí tuệ của người kia như một hòn đá mài để làm sắc thêm suy nghĩ của chính mình.

Thiel đề nghị ông cùng xây dựng một công ty phần mềm mới. Ông đề nghị Karp trở thành đồng sáng lập và đảm nhận vị trí giám đốc điều hành.

Karp không viết nổi một dòng mã. Ông chưa từng học khoa học máy tính, cũng chưa từng tham gia lớp quản trị chính quy nào. Những gì ông có là bằng tiến sĩ về lý thuyết xã hội tại Goethe University ở Đức và bản năng ông có được khi quản lý tiền của người khác tại London. Đó không phải là bản lý lịch của một người được định sẵn để ngồi vào ghế chủ tịch của một công ty phần mềm quân sự tiên tiến. Không phải chủ tịch. Đó là kiểu lý lịch có thể mắc kẹt ngay ở câu hỏi phỏng vấn đầu tiên. Ông không thể giải thích hệ điều hành là gì hay cơ sở dữ liệu vận hành ra sao.

Vậy mà Karp nói "đồng ý" ngay tại chỗ. Ông không hỏi kỹ lương sẽ là bao nhiêu, sẽ nhận bao nhiêu cổ phần, thậm chí công ty sẽ làm ra thứ gì. Ông chấp nhận ngay qua điện thoại. Đó là cách ông nhớ lại. Cảnh này, lao vào mà không cân đo điều kiện, về sau trở thành câu chuyện Karp thích kể trong nhiều cuộc phỏng vấn. Dù đó là sự thật, hay là sự thật được phủ thêm màu kịch tính, một điều vẫn rõ ràng. Cuộc điện thoại ấy đã đổi hướng đi của một người vốn đang bước trên con đường triết gia.

Để hiểu mối gắn bó giữa hai người đàn ông này, cần quay lại Stanford đầu thập niên 1990 trong chốc lát. Karp và Thiel là bạn học ở trường luật. Họ sống trong cùng một tòa nhà và va chạm nhau về chính trị và triết học. Karp ở bên cánh tả, còn Thiel khi ấy đã mang màu sắc tự do cá nhân rất rõ. Thường thì hai người như vậy sẽ tránh nhau. Hai người này thì ngược lại. Cả hai đều thấy thích thú khi va vào người có lối nghĩ khác mình nhất. Những cuộc tranh luận trong những năm ấy trở thành nền móng của một công ty hơn mười năm sau. Một công ty có CEO và chủ tịch đứng ở hai cực chính trị đối lập. Gốc rễ của cặp đôi lạ lùng ấy nằm trong hành lang của một trường luật.

Trước khi cuộc điện thoại ấy đến, cần nhìn xem Karp đã ở đâu và đang làm gì.

Năm 2002, Karp nhận bằng tiến sĩ từ Goethe University ở Frankfurt. Người hướng dẫn của ông là Karola Brede, và phía trên bà là cái tên khổng lồ Jürgen Habermas. Ông tham dự colloquium của Habermas và dành thời gian với các học giả như Niklas Luhmann và Karl-Otto Apel. Lý thuyết xã hội mà ông nghiên cứu thuộc loại lĩnh vực có lẽ chỉ khoảng ba mươi người trên thế giới, nhiều nhất có thể là bốn mươi người, thật sự hiểu đúng.

Ở đỉnh cao ấy, Karp nhận ra một điều. Ông thuộc nhóm những người được giáo dục nhiều nhất trên trái đất, đồng thời cũng thuộc nhóm kiếm được ít tiền nhất. Hai cực đoan chồng lên nhau trong cùng một con người. Nỗi vỡ mộng sâu hơn nằm ở chỗ khác. Những cuộc tranh luận học thuật chỉ thú vị với người ở bên trong chúng, trong khi gần như không thay đổi gì ở thế giới bên ngoài. Cái giá phải trả quá nhỏ. Người ta có thể tranh luận nhiều năm về một bài viết, và cuộc tranh đấu ấy sẽ không làm đổi đời dù chỉ một người bên ngoài. Khi quan sát các triết gia tầm cỡ thế giới ở cự ly gần, Karp cũng nhận thấy họ thiếu đôi tay để thật sự làm ra một thứ gì đó. Lời lẽ của họ sắc bén, nhưng họ không phải là những người xây dựng. Họ diễn giải thế giới. Họ không xây dựng nó.

Sau này, Karp nói rằng kinh doanh gần với sự thật hơn giới học thuật. Nói thẳng ra là thế này. Giới học thuật là nơi tụ họp của những người không tạo ra tác động gì, chỉ tức giận vì thế giới không chịu nghe họ. Còn kinh doanh là nơi bạn chỉ sống sót khi chứng minh được, bằng sản phẩm mình làm ra, rằng điều mình nói là thật. Sản phẩm chính là bằng chứng. Nếu nó không bán được, nó sai.

Lật ngược lại, câu ấy nghe như một lập luận lạ. Thương mại, thứ xử lý tiền bạc, lại gần với sự thật hơn học thuật, thứ xử lý chân lý sao? Nhưng logic của Karp là thế này. Trong một buổi seminar triết học, không ai buộc phải thừa nhận lời mình nói là sai. Lời nói có thể được đáp lại bằng thêm lời nói, và cuộc tranh luận có thể kéo dài mãi. Thị trường thì khác. Trên thị trường, khách hàng trả lời bằng cách mở ví hoặc giữ ví đóng lại. Một sản phẩm sai sẽ không bán được, và nếu không bán được, công ty sẽ chết. Phép thử ấy không khoan nhượng. Karp bị cuốn hút bởi sự không khoan nhượng đó. Với một người chưa từng thật sự thuộc về nơi nào, một thế giới được phán xét bằng kết quả thay vì quyền uy của ngôn từ, nếu nhìn kỹ, lại có vẻ công bằng.

Sau khi rời giới học thuật, số vốn trong tay Karp là 12.000 USD thừa kế từ ông nội bên cha. Đó là điều chính Karp nói. Với số tiền ấy, ông thử cổ phiếu và startup, rồi ông nói rằng mình bất ngờ phát hiện ra bản thân có năng khiếu kiếm tiền. Dựa trên thành công đó, ông nói mình đã lập một công ty quản lý tài sản ở London. Công ty mang tên Caedmon Group. Cái tên này đến từ tên đệm của ông, Alexander Caedmon Karp. Caedmon cũng là tên của vị tu sĩ được cho là từng chăn bò tại Whitby Abbey ở Anh thế kỷ thứ sáu, trước khi để lại bài thơ tiếng Anh đầu tiên.

Ở đây, chúng ta phải thành thật để ngỏ khoảng trống giữa câu chuyện do Karp kể và các hồ sơ đã được kiểm chứng. Karp nhớ rằng mục tiêu của ông khi ấy khá khiêm tốn. Ông muốn gom khoảng 250.000 USD, nếu thuận lợi thì có thể là 1 triệu USD, rồi quay lại Berlin, đọc và viết như

một nhà phê bình nghiệp dư, ăn hamburger, và sống một đời buông thả. Ông nói đó là mục tiêu duy nhất của đời mình. Đó là một bức chân dung tự họa nghe khiêm nhường, nhưng lại đầy kịch tính.

Dù vậy, các hồ sơ, kể cả Wikipedia, không giải thích gọn ghẽ được việc ông đã xây dựng một công ty quản lý tài sản ở London, thu hút các nhà đầu tư giàu có của châu Âu gần như chỉ sau một đêm, chỉ với 12.000 USD vốn ban đầu như thế nào. 12.000 USD là quá ít để lập một công ty quản lý tài sản. Câu chuyện rằng ông ngay lập tức bắt đầu quản lý tiền cho các nhà đầu tư lớn đã bỏ qua vài bước. Theo một cuộc điều tra trực tuyến lần theo thông tin đăng ký doanh nghiệp tại Anh, ngày thành lập chính thức của Caedmon Group có vẻ là năm 2005. Mốc này muộn hơn, hoặc trùng lẩn với giai đoạn 2003 đến 2004, khi Thiel đề nghị Karp cùng đồng sáng lập Palantir. Năm đăng ký này và cuộc điều tra đứng sau nó dựa trên các hồ sơ theo dõi không chính thức, nên vẫn cần kiểm tra thêm. Cũng cuộc điều tra ấy ghi nhận rằng một số người được liệt kê cùng Caedmon Group hiện giữ vai trò chủ chốt tại Palantir. Nếu điều đó đúng, Caedmon có thể không hẳn là một công ty quản lý tài sản lớn độc lập, mà giống một kênh để các khoản đầu tư ban đầu và mạng lưới quan hệ của Karp chảy vào Palantir hơn. Nhưng đây cũng là cách diễn giải dựa trên hồ sơ theo dõi, nên tôi sẽ không trình bày nó như sự thật chắc chắn. Dù vậy, có một điểm cần nói rõ. Câu chuyện Caedmon mà Karp kể là một tự sự cá nhân đã đi qua chính miệng ông, và câu chuyện thành công lấp lánh ấy không giống với sự thật đã được kiểm chứng. Karp có thói quen kịch tính hóa đời mình. Chúng ta phải lắng nghe với thói quen ấy trong đầu.

Trong giai đoạn này, khi đang quản lý tiền ở London, Karp lại trở nên thân thiết với Thiel. Năm 2002, Thiel đã bán PayPal cho eBay và kiếm được một khoản tiền khổng lồ. Với số tiền đó, ông điều hành một quỹ phòng hộ và công ty đầu tư mạo hiểm tên là Clarium Capital. Karp giúp Thiel huy động vốn đầu tư cho Clarium thông qua mạng lưới tài chính mà ông đã xây dựng ở châu Âu. Hai người từng va chạm về chính trị và triết học trong ký túc xá trường luật nay lại bắt tay nhau, lần này với tiền bạc ở giữa. Một bên quản lý quỹ, bên kia đưa các nhà đầu tư nhiều tiền của châu Âu đến để cung cấp vốn cho các quỹ ấy. Quan điểm chính trị của họ hoàn toàn đối lập, nhưng chính khác biệt đó khiến các cuộc trò chuyện của họ sắc hơn. Karp thuộc cánh tả, còn Thiel là người theo chủ nghĩa tự do cá nhân. Trong kinh doanh, khoảng cách ấy không phải khuyết điểm. Nó là lợi thế. Mỗi người bù vào điểm mù của người kia.

Điều Karp học được ở London không phải là cách đọc báo cáo tài chính.

Tài năng thật sự mà ông phát hiện nơi mình là khả năng xử lý con người. Theo chính lời ông, câu chuyện diễn ra như sau. Ông nói mình có năng khiếu kiếm tiền, nhưng lại kém trong việc nhận được mức thù lao xứng đáng. Vì thế, ông đi tìm những người kỳ lạ giống mình, những người có học thức, kiếm tiền giỏi nhưng không nhận được giá trị công bằng cho công việc của họ. Ông dạy họ cách xây dựng doanh nghiệp, cách kiếm tiền nhanh hơn, và cách được trả công công bằng.

Những bộ óc xuất sắc nhưng kém kỹ năng xã hội. Những thiên tài lập dị. Khả năng biến tài năng của họ thành tiền thật, trong khi vẫn giữ họ tự lại ở một nơi. Đó là điều Karp có. Thiel nhìn thấy khả năng ấy.

Thiel đã có sẵn một ý tưởng trong đầu. Ông muốn lấy phương pháp PayPal từng dùng để bắt gian lận trên mạng và áp dụng nó vào việc theo dõi khủng bố. Trong những năm ở PayPal, Thiel và các đồng nghiệp đã chiến đấu không ngừng với những kẻ gian lận rút tiền qua tài khoản giả và thẻ bị đánh cắp. Khối lượng quá lớn, con người không thể bắt từng vụ một. Vì vậy, họ để máy móc chọn ra các mẫu hình trong những giao dịch đáng ngờ. Đó là một cách nhìn bằng con người và máy móc cùng lúc. Thiel tin rằng ý tưởng ấy có thể được chuyển sang một chiến trường khác. September 11 là bối cảnh. Sau buổi sáng tháng 9 năm 2001 ấy, các cơ quan tình báo của Mỹ phải nhận nhiệm vụ tìm tín hiệu đe dọa trong những núi dữ liệu rời rạc. Khủng bố là một mối đe dọa bất đối xứng. Đồng cỏ khô thì khổng lồ, còn cây kim thì nhỏ. Những phương pháp cũ không thể tìm ra cây kim ấy. Dữ liệu có ở khắp nơi, nhưng bị khóa riêng trong hàng chục cơ quan và hàng trăm ngăn chứa. Đó là sự thật đau đớn lộ ra trong các cuộc điều tra sau September 11. Các manh mối đã có sẵn. Chúng chỉ chưa được gom về một nơi.

Để biến ý tưởng này thành một công ty thật, Thiel chỉ định Karp làm CEO. Ý tưởng đưa một triết gia không biết viết mã trở thành gương mặt của một công ty phần mềm quân sự nghe có vẻ lạ. Nhưng tính toán của Thiel rất kỹ.

Thiel cho rằng nếu muốn bán phần mềm mới cho những quan chức Washington khép kín và bảo thủ, một nhân viên bán hàng bình thường trong bộ vest bình thường sẽ không đủ. Triết lý bán hàng của ông mang tính nghịch lý. Muốn bán được thứ gì đó, bạn phải giống đối phương đủ để họ tin bạn, đồng thời khác họ đủ để họ tin rằng bạn có thứ họ không có. Nếu bạn quá giống họ, bạn chỉ là một nhà cung cấp nữa. Nếu bạn quá khác, họ sẽ xem bạn như một kẻ điên. Người bán được hàng là người đứng đúng trong khoảng hẹp giữa hai phía ấy. Karp, người từng quản lý tiền cho giới tinh hoa châu Âu ở London và mang theo một luận án tiến sĩ khó đọc viết bằng tiếng Đức, là người phù hợp để gieo vào đầu các quan chức cứng nhắc cảm giác về một thiên tài xa lạ mà họ không thể đo lường. Khi một lãnh đạo từ nhà thầu quốc phòng bước vào trong bộ vest chỉnh tề, các quan chức hiểu phép tính của người đó. Họ biết ông ta đến để bán gì và phải mặc cả xuống ra sao. Nhưng trước người đàn ông tóc tai rối bù, mặc đồ thể thao, nói về Hegel và Habermas này, phép tính thường ngày không còn chạy nữa. Không thể định cỡ ông ta. Chính sự không thể định cỡ ấy là vũ khí của Karp.

Ở đây cần tách bạch. Việc cá nhân Karp không biết viết mã và lý do công ty này được thành lập là hai chuyện khác nhau. Sự bất lực của Karp trong lập trình là giới hạn cá nhân. Động cơ thành lập Palantir là nhiệm vụ lịch sử về chống khủng bố sau September 11. Nếu gộp hai chuyện ấy lại và đọc thành "một người thậm chí không biết viết mã bằng cách nào đó lại trở thành CEO", thì ta sẽ bỏ lỡ vấn đề mà công ty này sinh ra để giải quyết.

Palantir được thành lập năm 2003. Hoạt động chính thức bắt đầu năm 2004, và Karp giữ vị trí đồng sáng lập kiêm CEO vào năm 2004.

Có năm nhà sáng lập. Peter Thiel, Alex Karp, Joe Lonsdale, Stephen Cohen và Nathan Gettings. Gettings là kỹ sư từ PayPal, còn Lonsdale và Cohen là những người trẻ từ Stanford. Cohen là kỹ sư chủ chốt đã xây dựng sản phẩm ban đầu của công ty, còn Lonsdale là người đã lọt vào mắt Thiel khi làm thực tập sinh tại PayPal. Bốn trong năm người biết viết mã. Chỉ Karp là không. Ông là người xa mã nguồn nhất trong số họ, đồng thời là người sẽ trở thành gương mặt của công ty. Cấu trúc rất rõ. Bốn người sẽ xây dựng. Karp sẽ bán hàng và dẫn dắt.

Tên công ty lấy từ tiểu thuyết The Lord of the Rings của Tolkien. Nó chỉ palantir, viên đá nhìn xa xuất hiện trong câu chuyện. Đó là viên đá cho phép người ta nhìn thấy các sự kiện ở những nơi xa xôi. Các nhà sáng lập muốn phần mềm của họ trở thành một thấu kính có thể nhìn xuyên qua những mối đe dọa ẩn giấu của thế giới.

Thứ cứu công ty lúc ban đầu không phải là vốn mạo hiểm từ Silicon Valley. Các nhà đầu tư lần lượt quay lưng, vì họ nhìn phần mềm cho khách hàng chính phủ như một mảnh hoặc không có lãi, hoặc chỉ toàn rắc rối. Khoảng trống ấy được CIA lấp vào. Chính xác hơn, không phải bản thân CIA, mà là In-Q-Tel, nhánh đầu tư mạo hiểm của CIA, đã bước vào với tư cách nhà đầu tư sớm. Sự phân biệt này quan trọng. Palantir không phải là công ty do một cơ quan tình báo tạo ra. Đó là một công ty tư nhân nhận tiền ban đầu từ công ty con chuyên đầu tư của một cơ quan tình báo.

Số tiền In-Q-Tel rót vào khoảng 2 triệu USD. Trong thế giới đầu tư mạo hiểm, đó không phải là khoản lớn. Nhưng giá trị thật của khoản đầu tư không nằm ở con số. Nó nằm ở việc Palantir có thể thử phần mềm của mình trong lúc xử lý dữ liệu thật từ các cơ quan tình báo hàng đầu của Hoa Kỳ. Hơn cả tiền, một cánh cửa đã mở ra. In-Q-Tel mở ba dự án thử nghiệm: một với FBI, một với CIA, và một với một đơn vị mật bên trong Department of Defense. Trong số đó, công việc với Defense Department đã cho công ty một chỗ đứng lớn. Khi ấy, quân đội Hoa Kỳ đang chật vật ở Afghanistan và Iraq vì không xác định được các thiết bị nổ tự chế, hay IED, đã được chôn ở đâu. Một ụ đất ven đường, một chiếc xe bị bỏ lại, cả hai đều có thể là bom. Mỗi lần binh sĩ đi qua những con đường ấy, họ đánh cược mạng sống của mình. Nếu họ nhìn thấy ai đang mua vật liệu trong một khu vực nhất định, và ai cứ đi qua một tuyến đường nhất định, một mẫu hình có thể hiện ra. Thông tin ấy bị rải rác khắp nơi. Báo cáo trinh sát nằm ở một chỗ, liên lạc bị chặn nằm ở chỗ khác, tin báo địa phương lại ở nơi khác nữa. Khi dữ liệu rời rạc từ nhiều cơ quan được đưa lại gần nhau, những sợi chỉ đầu tiên bắt đầu lộ ra.

Một người không biết lập trình đã lãnh đạo một công ty vận hành bằng mã lệnh như thế nào?

Câu trả lời nằm trong một trực giác mà Karp mang theo từ triết học. Để hiểu điều đó, trước hết ta phải quen với một từ: ontology.

Trong triết học, ontology có nghĩa là nghiên cứu về tồn tại. Nó hỏi cái gì tồn tại, và những thứ ấy gắn với nhau ra sao. Nghe có vẻ khó, nhưng bên trong Palantir, tác dụng của từ này có thể được nhìn thấy bằng mắt.

Hãy hình dung như thế này. Máy tính của một phòng ban có danh sách số điện thoại. Một phòng ban khác có hồ sơ biển số xe. Ở nơi khác có lịch sử giao dịch ngân hàng, và bên cạnh đó là hồ sơ nhập cư tách riêng. Mỗi loại bị nhốt trong chiếc hộp riêng của nó, không biết gì về phần còn lại. Không ai có thể nhìn một cái là thấy ai sở hữu một số điện thoại nào đó, người ấy lái xe gì, gửi tiền vào tài khoản nào, hay đã qua biên giới khi nào. Các mảnh dữ liệu nằm rải ra xa nhau.

Việc ontology làm là xâu những mảnh rải rác ấy lại với nhau và hiển thị chúng trên một màn hình. Nó nối một số điện thoại với một con người, con người ấy với một chiếc xe, và chiếc xe ấy với các hồ sơ giao dịch. Những con số trong các trường dữ liệu được dựng lại thành các thực thể ngoài đời thật và các mối quan hệ giữa chúng. Khi một nhà phân tích bấm vào một cái tên, mạng quan hệ quanh người đó mở ra ngay trước mắt. Bản thiết kế để dệt nên mạng ấy chính là ontology.

Nếu nhìn như một cảnh cụ thể, nó giống thế này. Một màn hình sáng lên trước mặt nhà phân tích. Một chấm ở giữa chỉ vào một người. Khi anh bấm vào chấm ấy, các đường nối vươn ra ngoài. Một đường dẫn tới một số điện thoại, một đường tới một chiếc xe, và một đường tới một tài khoản mà người đó thường gửi tiền. Khi nhà phân tích bấm vào chấm của tài khoản ấy, một người khác xuất hiện, và người này mang theo hồ sơ từng qua biên giới vài ngày trước đó. Những sự kiện cho đến hôm qua còn bị khóa trong năm phòng ban riêng biệt, giờ đang nắm tay nhau trên cùng một màn hình. Nhà phân tích lần theo các mối quan hệ ấy với một tay đặt trên chuột. Đây là khung cảnh của phần mềm được xây trên ontology. Cụm từ "cấu trúc hóa dữ liệu" phải được xử lý trong đầu, nhưng màn hình này, nơi các chấm và đường dường như chuyển động như có sự sống, thì mắt nhìn là hiểu.

Karp nhận ra rằng triết học và lập trình có những góc nhìn giống nhau đến kỳ lạ. Nói cách dễ hiểu, cách giải thích của ông là thế này. Theo thước đo đời thường, triết học trông có vẻ vô dụng, nhưng khi đi sâu vào, nó xử lý những khác biệt rất nhỏ mà sau cùng lại quyết định kết quả. Nó liên tục tách bạch từ này khác từ kia ra sao, ranh giới giữa khái niệm này và khái niệm kia nằm ở đâu. Lập trình cũng vậy. Nó xử lý những khác biệt kỹ thuật trông có vẻ nhỏ, nhưng lại tạo tác động lớn lên thế giới. Câu hỏi là phải tách dữ liệu này khỏi dữ liệu kia như thế nào, và nối chúng với nhau ra sao.

Theo Karp, một người có kiểu tư duy đủ sức chịu đựng và kiểm soát những khác biệt tinh vi giữa các khái niệm phức tạp cũng có thể kiểm soát một cấu trúc nơi vô số dòng mã và dữ liệu đan vào nhau rồi cùng vận hành. Bản thân ông không viết mã. Thay vào đó, ông đặt hướng cho việc dữ liệu phải được nối với nhau và được diễn giải như thế nào, quyền con người phải được

bảo vệ ra sao trong quá trình ấy, để những ý tưởng này được khắc vào khung sâu của phần mềm. Ông không phải kỹ sư. Ông là người đặt ra triết lý của thiết kế. Chúng ta xây công cụ này để làm gì? Nó tuyệt đối không được làm điều gì? Ông đứng ở nơi những câu hỏi ấy phải được trả lời.

Đây là lúc sự bướng bỉnh của Karp với tư cách một triết gia hiện rõ. Ông muốn đưa tự do công dân vào phần mềm như một công nghệ.

Sau 9/11, Karp rất bất an trước cách nhà nước, dưới khẩu hiệu truy bắt khủng bố, bắt đầu thu gom dữ liệu công dân không phân biệt. Niềm tin của ông rất rõ. Nếu các giá trị dân chủ và quyền tự do công dân bị tổn hại để thắng cuộc chiến chống khủng bố, thì ngay cả chiến thắng trong cuộc chiến ấy cũng là thất bại. Nỗi sợ của cậu bé từng nghĩ rằng nếu chủ nghĩa phát xít xuất hiện, mình sẽ là một trong những người đầu tiên bị xếp hàng trước bức tường, nay đổi dạng thành một nguyên tắc thiết kế.

Vì vậy, ông cố định hai điều vào phần mềm.

Một là phương thức tìm kiếm. Ông bác bỏ cách rà quét dữ liệu như thể giăng lưới lên tất cả mọi người, và chọn cách chỉ kiểm tra những mục tiêu chính xác có căn cứ pháp lý. Đó không phải là cào dữ liệu bừa bãi. Đó là chỉ nhắm vào mục tiêu có lý do rõ ràng. Cách này được gọi là tìm kiếm dựa trên predicate. Nói dễ hiểu, anh không xem toàn bộ hồ sơ cuộc gọi của cả một thành phố cùng lúc. Anh chỉ truy vấn đúng số điện thoại của người được nêu trong lệnh. Hệ thống bị ràng buộc sao cho trước khi bất kỳ ai được xem, phải có lý do để xem. Một tấm lưới ném ra mà không có lý do sẽ đung vào các vách ngăn ngay từ đầu và không thể đi qua.

Điều còn lại là ghi nhật ký. Ông khiến hệ thống để lại nhật ký bất biến về việc ai đã xem dữ liệu nào và vào lúc nào, từng dấu chân một. Những cấu trúc phức tạp như serialization và deserialization, phân nhánh, và pipeline nâng đỡ các bản ghi đó. Thuật ngữ thì khó, nhưng kết quả rất rõ. Nếu ai đó cố xâm phạm quyền của công dân, chính hành vi ấy sẽ còn lại trong hệ thống như bằng chứng. Quốc hội hoặc luật sư bào chữa có thể gọi bản ghi đó lên và chất vấn.

Karp tự hào khi nói rằng sản phẩm của Palantir là phần mềm khó dùng nhất thế giới cho các hành vi xâm phạm quyền con người. Một bộ quy tắc đạo đức viết trên giấy có thể bị xé bỏ. Những quy tắc được gắn vào mã thì không thể bị xé bỏ. Lập luận của ông là ông đã biến niềm tin của mình không phải thành một quy tắc ứng xử, mà thành một cái khung.

Trước khi chấp nhận niềm kiêu hãnh ấy theo đúng vẻ bề ngoài của nó, cũng phải nhìn thấy cái bóng phía sau với cùng một sức nặng. Một người xây dựng công cụ giám sát nói rằng công cụ ấy được thiết kế để không thể bị dùng tùy tiện. Nhưng công cụ vẫn là công cụ. Khung kiểm soát ấy giữ được đến đâu còn tùy bàn tay nào nắm lấy nó. Ngay cả nhật ký bất biến cũng có thể bất lực trước một quyền lực không có ý chí xem xét chúng. Nói rằng thiết kế của Karp là chân thành không giống với nói rằng thiết kế ấy đã ngăn được mọi sự lạm dụng. Cuốn sách này giữ

nguyên khoảng cách giữa hai câu nói đó.

Trong quản trị cũng vậy, Karp không đi theo kịch bản có sẵn của Silicon Valley.

Ông nặn công ty thành một cộng đồng nghệ sĩ. Ông tin rằng kiểm soát quan liêu và thứ bậc đè nặng lên sức sáng tạo của những kỹ sư xuất sắc. Ông tập hợp những người khó hòa vào chuẩn mực của thế giới nhưng có tài năng bẩm sinh, những người có khác biệt thần kinh và những kẻ lạc loài. Ông cho họ một nơi để có thể gần như ám ảnh một cách bệnh lý với công việc họ làm giỏi nhất. Trong các cuộc phỏng vấn, điều ông cố nhìn không phải là hàng dài tên trường học hay chức danh. Đó là liệu người này có thể bị một vấn đề cuốn lấy rồi đào sâu vào nó hay không. Một cộng đồng của những thiên tài khó tính. Karp định nghĩa công ty như vậy. Một người lớn lên cùng chứng khó đọc, một người tin rằng bộ não nằm ngoài chuẩn mực có thể thấy điều mà chuẩn mực không thấy, đã xây một không gian cho những người giống mình. Kẻ đứng ngoài ở Chương 1 giờ tập hợp những kẻ đứng ngoài và lập nên một công ty.

Chưa từng có công ty nào như thế. Các startup ở Silicon Valley thường hướng tới người tiêu dùng. Mục tiêu là tìm kiếm nhanh hơn, mua sắm dễ hơn, ứng dụng giải trí hơn. Khách hàng đầu tiên của Palantir không phải người tiêu dùng mà là các cơ quan tình báo. Những người xây dựng nó, những người mua nó và những nơi dùng nó đều lệch khỏi nhau. Các kỹ sư mặc quần jeans xây sản phẩm, các quan chức mặc vest mua nó, và binh sĩ trên chiến trường dùng nó. Ba thế giới ấy hầu như không biết nhau. Karp đóng vai người phiên dịch nối chúng lại.

Những cảnh ban đầu thật phi lý. Karp và một nhóm kỹ sư lập dị trông như những cậu bé mười hai tuổi đến gặp các quan chức ở Washington. Họ nói sẽ dùng phần mềm của mình để giải các bài toán phân tích chống khủng bố mà những ngân sách hàng tỷ đô la chưa giải được. Các quan chức nhìn nhóm người này như nhìn quái vật Frankenstein. Họ không biết giống loài kỳ lạ nào đã lặn từ đâu tới.

Chính Karp cuối cùng đã phá được sự nghi ngờ ấy. Đây không phải là sự thuyết phục của một người bán hàng mặc vest, mà là của một triết gia từng viết lý thuyết xã hội bằng tiếng Đức. Ông không liệt kê tính năng. Thay vào đó, ông đặt câu hỏi. Dữ liệu các ông có đã đủ rồi. Vấn đề là dữ liệu không thể gặp nhau. Chúng tôi sẽ gỡ các vách ngăn đang chặn cuộc gặp ấy. Nó có chất khác hẳn những bài chào hàng mà các quan chức đã nghe suốt đời. Đây là khoảnh khắc nghịch lý mà Thiel nhắm tới bắt đầu phát huy tác dụng. Một người giống họ, nhưng có thứ họ thiếu. Karp vừa khít với vị trí đó.

Ở đây phải coi chừng cảm dỗ làm đẹp câu chuyện. Câu chuyện một triết gia không biết viết mã chinh phục Washington rất dễ trượt thành truyện anh hùng. Nhưng ta cũng phải nhìn thứ đứng ở cuối cuộc thuyết phục ấy. Thứ Karp bán là một lăng kính có thể nhìn xuyên qua các mối đe dọa, và lăng kính ấy chĩa vào con người. Quyền lực trải ra trên một màn hình ai kết nối với ai có thể được dùng để bắt khủng bố, và cũng có thể được dùng để soi vào những công dân bình thường không làm gì sai. Karp hiểu lưỡi dao hai mặt ấy hơn bất cứ ai. Vì vậy ông cố nhúng

quyền tự do dân sự vào mã. Nỗ lực ấy chân thành, đó là sự thật. Công cụ ấy nguy hiểm, đó cũng là sự thật. Xóa đi một trong hai điều, ta sẽ không thấy đúng con người Karp.

Một người đàn ông nói rằng mình bắt đầu với 12.000 đô la của ông ngoại đã đi từ vị trí quản lý quỹ ở London đến chỗ lãnh đạo một trong những công ty dữ liệu bí mật và quyền lực nhất thế giới. Bắt đầu với 12.000 đô la, về sau ông trở thành một CEO có mức lương hằng năm cao gấp hàng chục nghìn lần số tiền ấy, và là người dẫn dắt một công ty trị giá hàng trăm tỷ đô la. Số tiền khởi đầu có đúng như ông nói hay không thì khó biết. Nơi ông đã tới thì rõ ràng.

Một cuộc điện thoại vào năm 2003 là điểm khởi đầu. Đúng lúc một triết gia không biết viết mã trả lời "có" mà thậm chí không hỏi điều kiện, một người đàn ông từng đứng ngoài giới hàn lâm đã bước thẳng vào một trong những ngành nặng nề và nguy hiểm nhất của thế kỷ XXI: giám sát và phân tích dữ liệu.

Người đàn ông từng tự định nghĩa mình là người sẽ thuộc nhóm chết đầu tiên nếu chủ nghĩa phát xít xuất hiện đã nhận lấy công việc xây dựng một công cụ có thể trở nên đáng sợ hơn hầu hết mọi thứ khác nếu rơi vào tay chủ nghĩa phát xít. Ông nói mình đã gắn một ổ khóa vào công cụ đó để bảo vệ các quyền tự do dân sự. Ổ khóa ấy mạnh đến đâu sẽ tùy thuộc vào người đứng trước cánh cửa. Câu trả lời vẫn chưa đến.

Người đàn ông rời bỏ triết học không hề bỏ rơi triết học. Ông khắc ý tưởng của mình vào mã thay vì giảng đường. Một người có thể thuyết phục ba mươi người bằng một cuốn sách đã chuyển sang làm lay động các cơ quan tình báo của một quốc gia bằng phần mềm. Với người đàn ông rời giới hàn lâm vì cảm thấy mức cược ở đó quá nhỏ, giờ đây mức cược là mạng người và các quyền tự do dân sự. Đó là sức nặng mà ông từng muốn. Liệu ông có quyền gánh sức nặng ấy hay không, các chương tiếp theo sẽ kể lại câu chuyện đó.

Chương 5 Tấm khiên của nền dân chủ tự do

Một ngày mùa xuân năm 2022, một người đàn ông Mỹ bước vào một tòa nhà ở Kyiv. Đó không phải là một chuyến đến chính thức qua sân bay. Xe tăng Nga vừa tiến đến cách thủ đô ba mươi kilômét, còn các lãnh đạo doanh nghiệp phương Tây đang rời khỏi Ukraine. Đi ngược dòng người ấy, Alex Karp bước vào. Ông có mái tóc xoăn, mặc quần áo rộng, và như thường lệ, dáng vẻ không hề nghi thức. Ngồi đối diện ông là Tổng thống Volodymyr Zelenskyy. Trong số các tổng giám đốc của những công ty công nghệ lớn phương Tây, Karp là người đầu tiên đích thân đến Kyiv trong thời chiến.

Hình thức của thỏa thuận được lập ở đó là từ thiện. Palantir cung cấp phần mềm cho quân đội Ukraine mà không thu tiền. Lý do công ty nêu ra rất rõ. Họ sẽ giúp David đứng vững trước Goliath. Nhưng khi nhìn vào việc phần mềm miễn phí ấy thật sự làm gì trên chiến trường, chữ từ thiện không giải thích hết cảnh tượng này. Một công ty Mỹ đã bước vào cuộc chiến của một nước khác và bắt đầu vận hành một cỗ máy phân loại xem ai nên bị giết.

Hãy bắt đầu từ việc cỗ máy ấy làm gì. Chiến trường tràn ngập thông tin. Trên cao, vệ tinh chụp ảnh, drone truyền video, còn dưới mặt đất radar bắt tín hiệu. Liên lạc vô tuyến bị chặn thu, trinh sát nộp báo cáo, và các số điện thoại mà đối phương dùng bị thu giữ. Vấn đề là những mảnh này nằm rải rác. Ảnh vệ tinh ở một bộ phận, thông tin liên lạc bị chặn ở bộ phận khác, báo cáo trinh sát nằm trên một bàn khác nữa. Cho đến khi có người ghép các mảnh ấy lại bằng tay, chúng chỉ là những đồng dữ liệu.

Phần mềm của Palantir xâu những mảnh rời rạc ấy lên một màn hình duy nhất. Công ty mô tả việc này là đặt mọi thứ "từ không gian đến bùn đất" lên một bản đồ. Những gì vệ tinh nhìn thấy và những gì trinh sát dưới mặt đất nhìn thấy chồng lên nhau trên cùng một màn hình. Một số điện thoại mà đối phương dùng được nối với vị trí của một vụ tấn công vài ngày trước và với chuyển động của một chiếc xe được chụp ảnh hôm qua. Những mẫu hình không thể nhìn thấy khi các mảnh còn rời rạc xuất hiện ngay khi chúng được gom về một nơi. Ai đặt bom, làng nào chịu trách nhiệm cho các vụ tấn công, tuyến tiếp tế của đối phương đi qua đâu, những điều đó hiện ra theo cách ấy.

Điều xảy ra ở vùng Sinjar của Iraq cho thấy cơ chế này vận hành ra sao. Phân tích của Palantir rà qua khối lượng dữ liệu khổng lồ và chọn ra một mẫu hình. Phần lớn các vụ tấn công và nguồn tài chính trong vùng ấy đang do một nhóm cụ thể sống trong một ngôi làng xử lý. Một mối liên hệ mà mắt người có thể không nhìn thấy sau hai tuần quan sát, cỗ máy vẽ thành các đường trên màn hình.

Ở Ukraine, quy mô và tốc độ của công việc này đã lên một mức mới. Palantir kết hợp các mô hình ngôn ngữ lớn với hệ thống MetaConstellation của mình, hệ thống phân tích dữ liệu vệ tinh. Thông tin từ vệ tinh, liên lạc và các nguồn mật được hợp nhất thành một dòng duy nhất, và hệ

thống vẫn tiếp tục hoạt động trên một chiến trường khắc nghiệt, nơi gây nhiều liên tục cắt đứt liên lạc. Có nguồn nói rằng lực lượng Ukraine đã tăng tốc độ nhằm mục tiêu hơn hai mươi lần nhờ dùng hệ thống này. Time gọi Ukraine là một "phòng thí nghiệm cho chiến tranh AI." Cách nói ấy lịch sự, nhưng thứ được thử nghiệm trong phòng thí nghiệm đó là cách tìm và tấn công con người hiệu quả hơn. Hồ sơ cũng cho thấy nhân sự Palantir đã được triển khai cùng binh sĩ Ukraine trên chiến trường để hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp.

Cần nói rõ một điều ở đây. Khó có thể xem quyết định cung cấp phần mềm miễn phí cho Ukraine chỉ là thiện chí thuần túy. Với Palantir, đó cũng là một sân khấu để sản phẩm của họ chứng minh sức mạnh trong chiến tranh hiện đại thật sự, diễn ra trực tiếp trước quân đội và chính phủ các nước trên thế giới. Niềm tin mà quảng cáo không thể mua đã được xây ở đó. Từ thiện và bán hàng được gộp vào cùng một quyết định. Khó nói rằng chỉ một trong hai điều ấy là đúng.

Karp không che giấu sự thật rằng Palantir ngay từ đầu đã là một công ty được xây cho chiến tranh. Ông tự hào về điều đó. Công ty được thành lập năm 2003, sau các vụ tấn công ngày 11 tháng 9 năm 2001, với sứ mệnh xây dựng công nghệ có thể chống khủng bố mà không làm tổn hại quyền tự do dân sự của phương Tây. Công ty bắt đầu hoạt động chính thức năm 2004. Karp mô tả sứ mệnh này bằng một so sánh với The Lord of the Rings của Tolkien: "cứu Shire." Đó là câu chuyện trong đó có người phải đi vào bóng tối để bảo vệ một ngôi làng nhỏ yên bình.

Có lẽ không phải ngẫu nhiên khi phần mềm cốt lõi được xây dựng cho an ninh quốc gia mang tên Gotham. Gotham là thành phố Batman bảo vệ, một nơi sôi sục bóng tối và tội phạm. Ngay trong cái tên ấy đã có sẵn một thế giới quan: tìm ra những mạng lưới tội phạm ẩn giấu và hạ gục chúng cùng một lúc. Cách đọc tên gọi này gần với một diễn giải nổi tính chất của sản phẩm với tên của nó hơn là một điều công ty từng chính thức tuyên bố.

Bàn đạp ban đầu có tính quyết định cho tăng trưởng là Central Intelligence Agency. CIA không trực tiếp lập ra công ty. Điểm khởi đầu là khoản đầu tư khoảng 2 triệu USD từ In-Q-Tel, nhánh đầu tư mạo hiểm của CIA. Nhưng điều quan trọng hơn tiền là cơ hội đi kèm với nó. Dựa vào khoản đầu tư của In-Q-Tel, Palantir có thể chạy các dự án thí điểm bằng dữ liệu thật tại ba nơi: FBI, CIA và các đơn vị mật của Department of Defense. Một công ty nhỏ vừa mới ra đời đã bước được vào phần sâu bên trong thế giới tình báo Mỹ.

Ở Iraq và Afghanistan, vấn đề khiến quân đội Mỹ đau đầu đầu trong thời gian dài là improvised explosive devices, những quả bom chôn bên vệ đường. Không ai biết chúng được chôn ở đâu. Phần mềm của Palantir gom các mảnh dữ liệu rải rác qua nhiều cơ quan. Bản quét vân tay, số điện thoại bị thu giữ, báo cáo từ người cung cấp tin, địa điểm các vụ tấn công trước đó. Khi những dữ liệu ấy được nối lại với nhau, các tuyến di chuyển an toàn hơn hiện ra, và đường nét của những kẻ chế tạo bom dần lộ diện. Xác suất binh sĩ trở về nhà tăng lên. Karp đặt ý nghĩa của công việc ở đây. Đưa những người lính chấp nhận rủi ro trở về nhà an toàn, đó là trách

nhiệm cao quý của công ty.

Khi Navy SEALs truy tìm và tiêu diệt Osama bin Laden năm 2011, tin đồn lan ra rằng phần mềm của Palantir đã đóng vai trò quyết định. Karp không xác nhận cũng không phủ nhận. Thay vào đó, ông nói thế này: "If you get a reputation for blabbing about what the pope said when you met the pope, you'll never meet the pope again." Bằng sự im lặng, ông cho thấy quan hệ của công ty với các cơ quan tình báo được đặt trên nền im lặng.

Không chỉ có chiến trường. Palantir làm việc với Citizen Lab, một nhóm nghiên cứu của Canada, và phát hiện mạng nội bộ của Dalai Lama đã bị một mạng lưới mạng quy mô lớn có liên hệ với một chính phủ nước ngoài xâm nhập. Cùng một công nghệ xâu chuỗi dữ liệu, lần này, được dùng để bảo vệ phía bị theo dõi. Đây cũng là một câu chuyện công ty thích nhắc tới khi giải thích bản sắc của mình.

Sự hỗn loạn tại sân bay Kabul vào tháng 8 năm 2021, khi lực lượng Mỹ rút khỏi Afghanistan, cũng thuộc danh sách ấy. Sau khi nhận một cuộc gọi khẩn từ Department of Defense, Palantir trong vài ngày đã xây dựng một hệ thống nối dữ liệu từ quân đội và các cơ quan dân sự. Trong mười bảy ngày, khoảng 125.000 người đã rời đi qua sân bay đó. Công việc gom các danh sách, vị trí và lịch trình rải rác lên một màn hình, chính công nghệ từng tìm kẻ thù trên chiến trường, đã được dùng để sơ tán con người.

Trên con đường đi vào trung tâm ngành công nghiệp quốc phòng của Palantir, có một khoảng trống do một công ty khác để lại. Năm 2018, nhân viên Google đứng lên phản đối. Họ nói mình không thể giúp dùng trí tuệ nhân tạo cho việc giết chóc quân sự, và yêu cầu công ty rút khỏi "Project Maven" của Defense Department. Google đứng về phía nhân viên và rút lui.

Palantir có thể bước vào khoảng trống đó vì trước đó công ty đã đánh một trận. Thị trường mua sắm vũ khí của Mỹ bị trói bởi những thói quen cũ. Các nhà thầu quốc phòng lớn, dù chưa chứng minh được năng lực, vẫn bước vào với những bộ PowerPoint dài 30.000 trang và giành hợp đồng. Năm 2016, Palantir nộp một vụ kiện chưa từng có tiền lệ chống lại U.S. Army để phá bỏ cách làm ấy, và thắng cả hai lần. Một startup đã thắng quân đội trong vụ kiện đòi được cạnh tranh bằng năng lực thật. Chiến thắng đó trở thành bước ngoặt, và các hợp đồng với Defense Department bắt đầu tăng vọt.

Karp bước vào khoảng trống ấy mà không chút do dự. Maven là một hệ thống tích hợp cảm biến chiến trường và dữ liệu vệ tinh, rồi tự động nhận diện mục tiêu địch, giống như tìm kim trong đồng rơm. Máy móc phân tích video và ảnh để phân biệt xe của đối phương với lực lượng đối phương. Công việc con người phải mất nhiều ngày mới làm xong được máy hoàn tất trong vài giây. Chính công việc mà nhân viên Google đã rời bỏ vì lương tâm, Karp gọi là nghĩa vụ đạo đức.

Khi nhìn vào cách hai công ty rẽ đôi tại ngã rẽ này, hình ảnh Karp hiện rõ hơn. Một bên là Silicon Valley, nơi đã vạch một ranh giới trước công nghệ sát thương. Bên kia là Karp, người tin rằng bước qua ranh giới ấy chính là trách nhiệm. Tạm gác lại chuyện ai đúng. Điều Karp thu được từ lựa chọn ấy đã hiện lên qua các con số.

Hợp đồng Maven phình ra với tốc độ bùng nổ. Tháng 5 năm 2024, hợp đồng “Maven Smart System” của Palantir với Bộ Quốc phòng có giá trị 480 triệu USD. Khoảng một năm sau, vào tháng 5 năm 2025, Bộ Quốc phòng mở rộng hợp đồng lên 1,275 tỷ USD. Từ 480 triệu USD lên 1,275 tỷ USD. Trong một năm, khoảng 800 triệu USD được bổ sung. Lý do Bộ Quốc phòng đưa ra là “nhu cầu tăng lên”. Điều đó có nghĩa là người dùng quân sự đang đổ xô dùng phần mềm này nhiều hơn. Tháng 4 năm 2025, NATO ký hợp đồng để đưa Maven Smart System vào sử dụng. Maven hiện đã được hơn 20.000 người dùng tại 35 tổ chức quân sự sử dụng.

Các con số chung của công ty cũng đi theo cùng một đường cong. Trong quý I năm 2026, doanh thu của Palantir tăng 85 phần trăm so với cùng kỳ năm trước, lên 1,633 tỷ USD. Riêng doanh thu từ mảng chính phủ Hoa Kỳ tăng 84 phần trăm, lên 687 triệu USD. Công ty nâng dự báo doanh thu cả năm 2026 lên khoảng 7,6 tỷ USD. Một công ty khởi đầu bằng 2 triệu USD từ In-Q-Tel sau vụ 9/11 đã trở thành công ty kiếm được 1,6 tỷ USD chỉ trong một quý. Giá trị vốn hóa thị trường của công ty vượt 270 tỷ USD trong năm 2026.

Cuộc đua tốc độ trong phần cứng cũng nằm trên cùng đường chạy. Xe tải “TITAN” được Lục quân Hoa Kỳ đưa vào sử dụng là phương tiện chở hệ thống của Palantir. Theo các báo cáo vào tháng 3 năm 2025, chiếc xe đi từ thiết kế đến bàn giao cho Lục quân trong 90 ngày. Đó là tốc độ hiếm thấy trong lịch sử phần cứng quân sự. Bên trong xe, binh sĩ không còn phải tự tay so sánh từng luồng hình ảnh từ drone với radar. Hệ thống tự tìm mục tiêu, theo dõi mục tiêu, thậm chí gợi ý nên dùng loại vũ khí nào. Phần việc của con người đã thu lại. Phán đoán của máy đã lớn lên.

Chính lời của Karp cho thấy ý nghĩa của thay đổi này rõ hơn bất cứ điều gì khác. Khi được hỏi cách tốt nhất để ngăn chiến tranh là gì, ông trả lời như sau: hãy khiến kẻ thù, từ lúc họ thức dậy buổi sáng cho đến khi ngủ thiếp đi ban đêm, vừa tức giận vừa sợ hãi đến tận xương tủy trước sức mạnh áp đảo của nước Mỹ. Vai trò răn đe mà vũ khí hạt nhân từng đảm nhiệm trong Chiến tranh Lạnh nay sẽ do AI đảm nhiệm. Quyền lực khiến đối phương không dám khiêu khích. Đó là bản chất của thứ Karp bán.

Ở gốc rễ niềm tin ấy là một cuốn sách. Tháng 2 năm 2025, Karp xuất bản The Technological Republic cùng đồng nghiệp Nicholas Zamiska. Trong sách, ông viện dẫn lời của nhà khoa học chính trị Samuel Huntington. Phương Tây thống trị thế giới không phải vì tư tưởng, giá trị hay tôn giáo của họ ưu việt hơn, mà vì họ vượt trội “trong việc áp dụng bạo lực có tổ chức”. Đó là một câu khó nghe. Karp không né tránh sự khó chịu ấy. Ông ôm lấy nó trực diện.

Lập luận của ông chạy trên một đường thẳng. Những quyền phương Tây như tự do biểu đạt được Hiến pháp bảo đảm, chế độ trọng dụng người có năng lực và quyền riêng tư không tự nhiên được trao miễn phí. Chúng được bảo vệ bằng sức mạnh. Trung Quốc, Nga và Iran không trao cho công dân của họ những quyền như vậy. Trật tự thế giới trong tương lai sẽ được quyết định bởi quốc gia nào có thể triển khai AI tốt hơn trên chiến trường. Nếu phương Tây mất lợi thế áp đảo trong cuộc đua này, dân chủ và pháp quyền sẽ sụp đổ. Vì thế Silicon Valley có nghĩa vụ đạo đức phải bỏ lại những mảng kinh doanh mỏng như ứng dụng chia sẻ ảnh và thuật toán giao đồ ăn, để phục vụ quốc phòng.

Nếu nhớ lại niềm tin này nối với tuổi thơ mà chúng ta đã thấy ở Chương 1 như thế nào, một bức tranh sẽ hiện ra. Một cậu bé Do Thái, lai chủng tộc, từng nói rằng nếu chủ nghĩa phát xít trỗi dậy, cậu sẽ nằm trong số những người đầu tiên bị xếp hàng trước một bức tường và bị xử bắn. Nỗi sợ của cậu bé ấy lớn dần thành niềm tin rằng tự do và pháp quyền của một xã hội có thể che chở cho những người ngoài lề như cậu phải được bảo vệ bằng sức mạnh áp đảo. Lời ca ngợi của ông dành cho quân đội Hoa Kỳ như định chế đầu tiên thật sự trọng dụng theo năng lực ở Mỹ đạt được hòa nhập chủng tộc cũng nằm trong bối cảnh này. (Mối liên hệ này không phải là điều Karp tự mình trình bày thành một câu, mà là cách diễn giải được rút ra khi đặt các phát biểu của ông cạnh nhau.)

Nếu đi theo câu chuyện đến đây, câu chuyện của Karp có nguy cơ được đọc như một thiên anh hùng ca. Một triết gia lớn lên như người ngoài cuộc đã tạo ra một chiếc khiên để bảo vệ thế giới tự do. Nhưng chiếc khiên ấy còn có mặt khác. Tùy cùng một công nghệ được hướng vào ai, chiếc khiên có thể biến thành tấm lưới.

Gaza phơi bày rất rõ mặt kia ấy. Ngày 7 tháng 10 năm 2023, 1.200 người Israel thiệt mạng trong cuộc tấn công của Hamas. Không lâu sau, Karp tuyên bố trên một quảng cáo toàn trang của New York Times: “Palantir stands with Israel.” Đây không phải nơi dành cho kiểu lưỡng lự đứng giữa hai phía. Ông đã chọn phe rất rõ. Ông tổ chức họp hội đồng quản trị tại Tel Aviv cùng Peter Thiel và ký một hợp đồng quân sự với Bộ Quốc phòng Israel. Ông cũng đích thân tới thăm kibbutz Kfar Aza, nơi xảy ra vụ thảm sát. Phần mềm của Palantir được dùng để nhận diện và theo dõi các con tin mất tích, và các nhà phân tích độc lập đánh giá rằng công nghệ của Palantir cũng được dùng khi Israel bắn hạ một cuộc tấn công quy mô lớn bằng tên lửa và drone của Iran chỉ trong vài phút vào tháng 4 năm 2024.

Vấn đề xuất hiện ngay sau đó. Một cuộc tranh cãi đạo đức dữ dội bùng lên quanh việc AI trên chiến trường đối xử với sinh mạng con người ra sao. Ở trung tâm cuộc tranh cãi là một hệ thống AI chỉ định mục tiêu của Israel có tên “Lavender.” Theo các báo cáo, binh sĩ Israel chỉ được cho 20 giây để rà soát và quyết định đối với mỗi mục tiêu. Mỗi ngày có hàng chục mục tiêu được xử lý, còn con người chỉ còn việc đóng dấu phê chuẩn lên các quyết định do máy tạo ra. Máy lập danh sách. Người bấm nút chấp thuận. Cuộc tranh cãi về các vụ sát hại dân thường hàng loạt ở

Gaza, kéo dài hơn 18 tháng, đồn quanh những chỉ trích đối với hệ thống này.

Karp đi trên một sợi dây căng. Ông tự hào nói rằng Palantir đang góp sức cho cuộc chiến của Israel chống Hamas, nhưng lại mơ hồ về việc sản phẩm của công ty ông có phải chính là hệ thống Lavender ấy hay không. Công ty vạch ranh giới, nói rằng phần mềm của mình không liên quan gì đến các hệ thống chỉ định mục tiêu như Lavender hay Gospel được dùng trong các vụ ném bom ở Gaza. Những người chỉ trích không chấp nhận lời phủ nhận đó. Họ cho rằng Palantir, khi đóng vai trò xương sống tích hợp dữ liệu cho các danh sách mục tiêu, đã trực tiếp hoặc gián tiếp gắn với quá trình giết chóc tự động hóa. Chính Karp từng thừa nhận trong một cuộc phỏng vấn: sản phẩm của chúng tôi, có lúc, được dùng để giết người. Cùng lúc đó, ông lập luận rằng công nghệ này thật ra có thể giảm tổn hại cho dân thường, và bảo vệ tỷ lệ thương vong giữa dân thường và chiến binh của Israel như một tỷ lệ tốt chưa từng có trong lịch sử loài người. Hai câu từ cùng một miệng nói ra. Câu nào gần sự thật hơn phụ thuộc vào đôi mắt của ai được dùng để nhìn đồng hồ cát ở Gaza.

Cảnh chiếc khiên biến thành tấm lưới không chỉ tồn tại trên chiến trường nước ngoài. Nó xảy ra ngay trong nước Mỹ, trên đời sống hằng ngày của công dân.

Năm 2018, một chương trình ở New Orleans bị phanh phui. Cảnh sát dùng phần mềm của Palantir để phân tích mạng xã hội của công dân, theo dõi tiền sử phạm tội, và vẽ bản đồ mạng lưới liên hệ với thành viên băng nhóm. Với dữ liệu đó, AI dự đoán liệu một người cụ thể có khả năng gây bạo lực, hay có khả năng trở thành nạn nhân của bạo lực hay không. Đánh dấu một người trước khi tội phạm xảy ra, cái gọi là "pre-crime." Chương trình này, do cố vấn của Palantir và nhà chiến lược chính trị Đảng Dân chủ James Carville dẫn dắt, đã vận hành bí mật trong nhiều năm. Người dân New Orleans, thậm chí cả các quan chức chủ chốt ở tòa thị chính, cũng không biết nó tồn tại. "Operation LASER" của Sở Cảnh sát Los Angeles cũng tương tự. Nó thu thập hồ sơ phạm tội và dữ liệu quan hệ xã hội, chấm điểm những người phạm tội kinh niên, rồi đánh dấu một số cá nhân để giám sát tập trung.

Cuộc tranh cãi dữ dội nhất đến từ hợp đồng với Immigration and Customs Enforcement (ICE). Palantir đã cung cấp phần mềm cho ICE từ năm 2016, dưới thời chính quyền Obama. Sự hợp tác đó tiếp tục xuyên qua các chính quyền Trump và Biden. Tháng 4 năm 2025, ICE trả cho Palantir 30 triệu USD để xây dựng một hệ thống có tên "ImmigrationOS." Tháng 9 cùng năm, một hợp đồng khác trị giá khoảng 29,9 triệu USD được bổ sung, và tổng giá trị các hợp đồng của ICE với Palantir trong năm 2025 được báo cáo là khoảng 287 triệu USD. Palantir trở thành nhà cung cấp công nghệ giám sát lớn nhất của ICE.

Việc hệ thống này làm có thể được tóm lại bằng một thao tác trên màn hình. Khi một nhân viên ICE vẽ một hình tròn hoặc hình chữ nhật trên bản đồ, những người mục tiêu bên trong vùng đó hiện lên dưới dạng các ghim. Những ghim ấy đến từ đâu? Dữ liệu thuê từ Internal Revenue Service, hồ sơ Social Security, hộ chiếu, máy đọc biển số xe và thông tin nơi làm việc

được hợp nhất theo thời gian thực. Công nghệ xâu những mảnh dữ liệu rải rác của chính phủ lên một màn hình, chính công nghệ từng tìm kẻ thù trên chiến trường, nay tìm người đang sống bên trong Hoa Kỳ. Kết quả là các chiến dịch trực xuất cường bức nhắm vào hàng chục nghìn người.

Sự chỉ trích bùng lên dữ dội. Người biểu tình tụ tập bên ngoài trụ sở Palantir, và từ "technofascism" bị ném về phía Karp cùng công ty. Họ nói đó là một cỗ máy nhắm vào người nghèo vô tội và các nhóm thiểu số. Những vết nứt cũng xuất hiện bên trong công ty. Một số kỹ sư lên tiếng, hỏi rằng việc xây dựng các công cụ cho phép giám sát đại trà mà không có đủ kiểm soát có phải đã vượt qua một ranh giới nguy hiểm hay không. Sau nhiều tuần chịu sức ép từ nhân viên, Karp phải trả lời trực tiếp trong một video nội bộ.

Câu trả lời của ông không phải là lùi bước. Tháng 2 năm 2026, Karp nói điều này trong một buổi phát sóng gửi tới những người đang phản đối ICE. Họ nên biểu tình để yêu cầu chính phủ dùng Palantir nhiều hơn. Lập luận của ông là như vậy. Theo ông, chính phần mềm ấy cũng có thể được dùng hiệu quả để ngăn nhà nước xâm phạm quyền riêng tư của công dân trái với Hiến pháp. Đó là một tuyên bố đảo ngược: công cụ giám sát cũng là công cụ có thể chặn giám sát. Một người cấp tiến từng lớn lên quanh các điểm biểu tình thời thơ ấu nay lại nói với những người biểu tình tụ tập bên ngoài công ty của chính mình rằng họ hãy đòi thêm giám sát.

Karp chưa bao giờ rút lại việc hợp tác với ICE. Điều tương tự cũng xảy ra khi các cáo buộc và biểu tình dồn dập xuất hiện quanh việc dùng phần mềm của công ty ông trong chính sách chia cắt gia đình theo đường lối không khoan nhượng của chính quyền Trump nhiệm kỳ đầu. Lý do của ông vẫn giữ nguyên. Theo ông, kiểm soát biên giới nghiêm ngặt là cần thiết để bảo vệ an ninh và sự thịnh vượng của phương Tây. (Không có tuyên bố rõ ràng nào từ chính Karp xác nhận rằng niềm tin này là động cơ trực tiếp và duy nhất để duy trì hợp đồng. Đây là cách diễn giải được suy ra từ các phát biểu công khai của ông.)

Tấm lưới ấy cũng lan khắp châu Âu. National Police của Đan Mạch đưa hệ thống của Palantir vào sử dụng, còn National Health Service (NHS) của Vương quốc Anh ký một hợp đồng bảy năm trị giá 330 triệu bảng Anh cho một nền tảng tích hợp dữ liệu. Dự án nhằm kết nối hồ sơ bệnh viện để bệnh nhân được chăm sóc tốt hơn, nhưng đã vấp phải phản ứng dữ dội vì một công ty tình báo Hoa Kỳ sẽ xử lý hồ sơ y tế của công dân Anh. Ở Đức, bắt đầu từ bang Hesse, Bavaria và North Rhine-Westphalia đưa vào một hệ thống dựa trên Gotham gọi là "Hessen Data." Đó là công cụ có thể kết nối xe cộ, hồ sơ điện thoại và các mối liên hệ của một nghi phạm chỉ bằng một nút bấm, rồi vẽ ra bản đồ quan hệ. Sau đó Federal Constitutional Court của Đức đã chặn hệ thống này lại. Tòa án kết luận hệ thống vi hiến vì nó cho phép cả dữ liệu của những công dân vô tội, không có nghi vấn rõ ràng chống lại họ, bị so sánh một cách không phân biệt. Tòa án đặt thời hạn sửa đổi và yêu cầu thay đổi luật. Sức mạnh của công nghệ xâu dữ liệu lại với nhau đã quay trở lại dưới dạng một câu hỏi hiến pháp: công nghệ ấy được phép nhìn sâu đến đâu vào

đời sống con người?

Trước mọi chỉ trích ấy, Karp lặp lại một lời biện hộ. Ông nói phần mềm của Palantir chứa các biện pháp bảo vệ quyền riêng tư nghiêm ngặt đến mức ít sản phẩm nào trên thế giới sánh được. Ông nhấn mạnh rằng mình đã bác bỏ việc thu thập dữ liệu bừa bãi ngay từ những ngày đầu của công ty. Thay vào đó, theo ông, Palantir đã áp dụng "predicate-based search." Nói dễ hiểu, nghĩa là trước khi bất kỳ ai được nhìn vào một người nào đó, trước hết phải có cơ sở pháp lý. Hệ thống được thiết kế không phải để gom dữ liệu của cả một dân số theo cách mơ hồ, mà để người dùng chỉ được nhìn vào những mục tiêu có lý do đã được xác định.

Trên nền đó còn có một thiết bị khác. Hệ thống để lại các nhật ký bất biến về việc ai đã truy cập dữ liệu và vào lúc nào. Các thuật ngữ kỹ thuật như serialization, deserialization và branching xuất hiện, nhưng cốt lõi thì rõ ràng. Ai đã xem thông tin gì sẽ được giữ lại vĩnh viễn, để sau này toàn bộ có thể được kiểm toán mà không có khoảng trống. Karp chỉ vào điều này và tự hào rằng mình đã xây dựng "sản phẩm khó bị lạm dụng nhất thế giới." Ông đưa ra bằng chứng là lần một tổ chức tư nhân của Hoa Kỳ yêu cầu Palantir xây dựng một cơ sở dữ liệu về người Hồi giáo, và công ty đã kiên quyết từ chối.

Đến đây, đó là lập luận của ông. Nhưng Michael Steinberger, bạn học Haverford và là người viết tiểu sử của ông, bình tĩnh chỉ ra cách lập luận ấy bắt đầu lung lay theo thời gian. Điểm trung tâm trong cuốn tiểu sử *The Philosopher in the Valley* của Steinberger là như sau. Trên thực tế, Palantir không trực tiếp giám sát hay kiểm soát ai dùng phần mềm của mình và dùng như thế nào.

Vấn đề không nằm ở khoảng trống công nghệ, mà nằm ở cấu trúc quyền lực. Quyền quyết định ai được tiếp cận dữ liệu bên trong hệ thống, và các giới hạn ấy sẽ được tuân thủ nghiêm đến mức nào, rốt cuộc không nằm trong tay Palantir mà nằm trong tay khách hàng. Những khách hàng ấy là chính phủ, quân đội và cơ quan điều tra. Dù nhật ký truy cập được lưu cẩn thận đến đâu, khách hàng cũng là bên quyết định ai kiểm tra những nhật ký ấy và ai phải chịu trách nhiệm. Nếu bên nắm công cụ là một chính phủ xem nhẹ nhân quyền hoặc dùng quyền lực theo lối độc đoán, những nhật ký tưởng như kín kẽ ấy sẽ chẳng còn là lời hứa với ai cả. Chiếc chìa khóa của ổ khóa được thiết kế để ngăn lạm dụng không nằm trong tay nhà sản xuất, mà nằm trong tay người dùng.

Nhìn sang lựa chọn khác của một công ty khác, ta sẽ thấy sự đối chiếu rõ ràng. Công ty AI Anthropic đã vạch ra những lằn ranh đỏ rõ rệt, từ chối để Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ dùng chatbot Claude của mình cho việc giám sát dân sự hoặc vũ khí sát thương tự động. Cũng trong thời gian ấy, Karp, người từng tự gọi mình là một người tân Marxist và cấp tiến khi nói về bảo vệ dữ liệu và quyền công dân, đã bước thẳng vào khoảng trống trong Maven mà Google để lại vì lý do lương tâm. Một bên vạch ranh giới, một bên bước qua ranh giới. Cuốn sách này không phán quyết bên nào đúng. Nhưng cần ghi lại tấm khiên đạo đức mà Karp dựng lên lúc ban đầu đã đi

đâu khi nó đối mặt với các dự án an ninh quốc gia khổng lồ và lợi nhuận ở mức thiên văn. Điều đó bao gồm cả việc tiểu sử do Steinberger viết từng bị phê phán là một cuốn "tiểu sử tô hồng" một chiều. Nếu Karp chỉ được vẽ như một anh hùng, hoặc chỉ như một kẻ phản diện, cả hai bức chân dung đều bỏ lỡ con người ông.

Hãy quay lại căn phòng ấy ở Kyiv. Karp đang bán thứ gì khi ngồi trước Zelensky? Đó là một tấm khiên bảo vệ thế giới tự do, hay là một sân khấu để chứng minh sức mạnh sản phẩm của chính ông? Đó là công nghệ đã cứu binh sĩ Ukraine, hay cũng chính là công nghệ đưa con người vào một danh sách ở Gaza chỉ trong 20 giây? Những người hiện lên như các điểm ghim bên trong vòng tròn mà một đặc vụ ICE vẽ trên bản đồ khác bao nhiêu so với những mục tiêu bị truy bức mà Karp từng sợ hãi khi còn nhỏ?

Những câu hỏi ấy không cho ra câu trả lời gọn ghẽ. Chính Karp cũng sống mà không đóng kín chúng lại. Ông tin rằng chỉ sức mạnh áp đảo mới có thể bảo vệ pháp quyền và tự do, trong khi ông hiểu rõ hơn ai hết nguy cơ sức mạnh ấy bị dùng sai. Ông thừa nhận sản phẩm của mình được dùng để giết người, đồng thời lập luận rằng chúng cứu được nhiều sinh mạng hơn. Ông tự định nghĩa mình là người mà chủ nghĩa phát xít sẽ giết đầu tiên, nhưng ông lại xây dựng những công cụ sẽ trở nên đáng sợ hơn hầu hết mọi thứ khác nếu chủ nghĩa phát xít nắm được chúng. Tấm khiên và tấm lưới là hai khuôn mặt của cùng một công nghệ. Karp biết không thể tách chúng ra, và ông đã chọn tấm khiên. Lựa chọn ấy đúng hay sai sẽ tùy thuộc vào việc công nghệ này tiếp theo được nhắm vào ai.

Chương 6. Tuyên ngôn về Cộng hòa Công nghệ và lời phê phán Silicon Valley

Ngày 18 tháng 2 năm 2025, một cuốn sách bìa đen xuất hiện trên bàn sách mới ở các hiệu sách. Tựa sách là *The Technological Republic: Hard Power, Soft Belief, and the Future of the West*. Nhà xuất bản là Crown Currency, còn tác giả là hai người: Alex Karp, CEO của Palantir, và Nicholas W. Zamiska, cố vấn pháp lý kiêm người phụ trách công việc doanh nghiệp của công ty. Ngay khi ra mắt, cuốn sách đã vươn lên vị trí số 1 trong danh sách bestseller của New York Times. Đó là lời tuyên chiến với Silicon Valley, do một tiến sĩ triết học không viết nổi một dòng mã lập trình chấp bút.

Câu đầu tiên của cuốn sách không vòng vo. Silicon Valley đã lạc đường. Cả cuốn sách được viết ra để mở rộng đúng một câu ấy.

Karp có giống kiểu người sẽ xuất bản một cuốn sách như vậy không? Không. Trong các cuộc phỏng vấn, ông thường nói về chính trị và triết học còn nhiều hơn về sản phẩm của công ty mình. Trên sân khấu, ông có lúc biểu diễn vài động tác thái cực quyền, có lúc xuất hiện với mái tóc bù xù khiến người ta khó hiểu. Vậy mà ông đã ngồi vào bàn cùng Zamiska, gọt giũa từng câu thành một bản tuyên ngôn. Chủ đề không phải kết quả kinh doanh quý của công ty, mà là số phận của văn minh phương Tây. Sức nặng của bìa sách tương xứng với sức nặng của điều ông muốn nói.

CEO xuất bản sách không phải chuyện hiếm. Thường thì đó là câu chuyện thành công. Công ty đã lớn lên ra sao, đã học được bài học gì, một câu chuyện nhằm an ủi và truyền cảm hứng cho độc giả. Cuốn sách của Karp từ chối thể loại ấy. Ông không ngồi vào bàn để khoe khoang về công ty mình. Ông ngồi xuống để viết một bản cáo trạng nhắm vào chính ngành của mình. Ông viết thẳng vào Silicon Valley, nơi ông thuộc về, rằng tài năng ở đó đang bị lãng phí vào những việc rỗng tuếch. Ông gọi đích danh những người trong khu phố của mình. Ông biết khoảnh khắc cuốn sách được mở ra, ông sẽ có thêm nhiều kẻ thù. Dù vậy, ông vẫn cầm bút.

Lập luận của Karp bắt đầu từ lịch sử. Trước hết, ông kéo ra một sự thật mà nhiều người đã quên. Silicon Valley ngày nay bắt đầu bằng tiền của chính phủ và quân đội. Từ thập niên 1940, chính phủ liên bang đã tài trợ cho tên lửa liên lục địa, vệ tinh trinh sát và các nghiên cứu sau này trở thành hạt giống của trí tuệ nhân tạo. Fairchild Camera and Instrument, thành lập ở Mountain View, đã chế tạo thiết bị cho máy bay trinh sát của CIA vào cuối thập niên 1950. Trong một thời gian sau Thế chiến II, mọi tên lửa đạn đạo mà Hải quân Hoa Kỳ sử dụng đều được sản xuất tại Santa Clara County, California. Manhattan Project. Chương trình Apollo đưa con người lên Mặt Trăng. ARPANET của DARPA, tổ tiên của internet. Tất cả những thứ đó ra đời khi mục tiêu quốc gia và tham vọng kỹ thuật gặp nhau ở cùng một nơi. Ngay từ đầu, chip của Silicon Valley đã lớn lên bên cạnh tên lửa.

Nhưng Silicon Valley ngày nay lại xấu hổ về dòng dõi ấy. Chẩn đoán của Karp sắc bén. Ông cho rằng các công ty công nghệ ngày nay đã rơi vào ảo tưởng rằng họ tự tay xây dựng mọi thứ, rồi đẩy gốc rễ an ninh quốc gia của mình vào một quá khứ khó chịu. Ông hỏi những bộ óc xuất sắc của thời đại này đang xây dựng gì. Ứng dụng chia sẻ ảnh, thuật toán giao đồ ăn, thậm chí cả bạn gái AI. Ông gọi đó là "sự chuyên chế của các ứng dụng" và kêu gọi nổi loạn chống lại nó. iPhone có thật sự là sáng tạo lớn của nền văn minh chúng ta không? Karp trả lời thế này. Có, nó đã thay đổi đời sống của chúng ta, nhưng giờ đây nó giam hãm cả cảm giác của chúng ta về những gì mình có thể đạt được. Ở nơi một thế hệ kỹ sư từng phóng tên lửa, thế hệ tiếp theo lại bị cuốn vào việc giữ cho con người nhìn chăm chăm vào màn hình lâu hơn.

Tại đây, ông gọi tên từng người. Đây không phải lời phê phán mơ hồ, mà là phê phán bằng tên thật. Ông nói đổi mới mà Steve Jobs đạt được rốt cuộc chỉ là những "phần mở rộng của cái tôi", đeo trên cổ tay và nằm trong túi. Đó là một cuộc cách mạng riêng tư và cá nhân, không quan tâm đến bất kỳ dự án quốc gia lớn hơn nào. Ông xem Mark Zuckerberg là đại diện cho một thế hệ kỹ sư bị cuốn vào chính hành vi làm ra đồ vật, nhưng không có thể giới quan lớn hay dự án chính trị nào. Với khẩu hiệu cũ của Google, "Don't be evil", ông còn gay gắt hơn. Phía sau câu phủ định đó, ông nói, là một "chủ nghĩa hư vô được che đậy mỏng manh". Không phải lời cam kết làm điều gì đó, mà là lời cam kết không làm điều gì đó. Trong đó, ông nhìn thấy một khoảng trống.

Rồi ông nhắc đến một cảnh trong năm 2018. Năm ấy, hàng nghìn nhân viên tại trụ sở Google đã ký một kiến nghị nội bộ. Họ phản đối việc công ty tham gia Project Maven, chương trình trí tuệ nhân tạo nhận diện mục tiêu của Bộ Quốc phòng. Lập luận của họ là công nghệ do họ tạo ra không nên được dùng để nhắm vào con người. Dưới áp lực từ nhân viên, ban lãnh đạo Google từ bỏ việc gia hạn hợp đồng. Một số người hoan nghênh đó là quyết định giữ gìn sự trong sạch đạo đức. Với Karp, đó là một chiếc ghế bỏ trống. Và công ty ngồi vào chiếc ghế bỏ trống ấy là Palantir. Ở nơi Google đã rời đi, Palantir tự nguyện chọn xây dựng trí tuệ nhân tạo sát thương cho binh sĩ Mỹ trên chiến trường. Trước cùng một công nghệ, một công ty rút tay lại. Công ty kia vươn tay ra. Karp không xấu hổ về sự tương phản ấy. Ông tự hào về nó.

Nếu tách hai cụm từ trong nhan đề ra, tư duy của Karp hiện lên ngay. Hard power nghĩa là quân đội, vũ khí, và thứ quyền lực thực sự di chuyển con người, đe dọa con người. Soft belief nghĩa là niềm tin mà một xã hội giữ về chính mình, niềm xác tín rằng xã hội ấy tồn tại để làm gì. Luận điểm của Karp là hai thứ đó không được vận hành tách rời nhau. Nếu có sức mạnh quân sự lớn nhưng không có niềm tin để dùng nó, anh vẫn bất lực. Nếu có niềm tin cao đẹp nhưng không có sức mạnh để bảo vệ nó, anh chỉ còn cái vỏ rỗng. Theo ông, phương Tây đã đánh mất niềm tin của mình, còn Silicon Valley thì đang dùng sức mạnh vào sai chỗ. Nổi lại hai dòng chảy đó chính là điều ông gọi là tái dựng nền cộng hòa công nghệ.

Đó là một nửa cuốn sách. Nửa còn lại nặng hơn.

Karp tuyên bố rằng thời đại đã đổi khác. 'Thời đại răn đe nguyên tử' từng nâng đỡ Cold War đã kết thúc, và một thời đại răn đe mới dựa trên artificial intelligence đã đến. Ông nhiều lần trích một câu của nhà khoa học chính trị Samuel Huntington. Văn minh phương Tây trở dậy không phải vì tư tưởng, giá trị hay tôn giáo của nó ưu việt hơn, mà vì 'sự vượt trội trong việc áp dụng bạo lực có tổ chức'. Đó là một câu nghe không dễ chịu. Karp nói chính sự khó chịu ấy là sự thật mà chúng ta đã né tránh. Hard power thực sự của thế kỷ này không thể không được xây trên software, và nếu America cùng phương Tây không giữ được ưu thế áp đảo bằng các hệ thống vũ khí AI trên chiến trường, ưu thế ấy sẽ chuyển sang China, Russia và Iran.

Vì vậy, ông nói thẳng. Câu hỏi thật sự không phải là vũ khí AI có được chế tạo hay không, mà là ai sẽ chế tạo chúng và để làm gì. Trong khi phương Tây do dự nhân danh việc giữ gìn sự thuần khiết đạo đức, ông cảnh báo, các quốc gia đối địch đang tiến lên mà không cần bất kỳ màn tranh luận sâu sắc nào. Theo ông, U.S. Constitution hứa hẹn những quyền do God trao: tự do biểu đạt, quyền mang vũ khí, bảo vệ đời tư. Các nhà nước độc tài không cho người dân của chính họ những điều đó. Vậy sức mạnh để bảo vệ các quyền ấy đến từ đâu? Câu trả lời của Karp lạnh lùng. Nó không đến từ lời kêu gọi đạo đức hay hùng biện, không đến từ soft power, mà đến từ sức mạnh thực tế có thể chống đỡ cho những lời kêu gọi ấy.

Nếu hỏi logic này đến từ đâu, chúng ta phải quay lại những năm ông đi học. Karp nhận bằng tiến sĩ về social theory tại Goethe University ở Frankfurt, Germany. Ông học dưới ảnh hưởng của Jürgen Habermas, và luận án của ông do Karola Brede hướng dẫn. Habermas tin rằng xã hội đi tới nơi tốt hơn thông qua đối thoại và tranh luận lý tính. Đó là niềm tin rằng khi con người tự do trao đổi lời nói, cuối cùng họ sẽ đi đến một kết luận đúng hơn. Nhưng trong The Technological Republic, Karp chỉ ra giới hạn của niềm tin ấy. Đối thoại làm được gì khi kẻ thù không chịu ngồi vào cuộc thảo luận? Một học giả được rèn trong đối thoại lý tính kết luận rằng cần đến sức mạnh khi đối mặt với một đối thủ không đáp lại đối thoại. Điều ông sợ suốt đời là fascism, và từ lịch sử Germany ông học được rằng fascism không bị thuyết phục bằng tranh luận. Ông là người đã đọc, bằng chính ngôn ngữ của đất nước ấy, cách một xã hội có học thức sụp xuống thành man rợ.

Ông giải thích vì sao giới tinh hoa công nghệ phải dấn thân vào quốc phòng bằng ngôn ngữ của món nợ. Các công ty và kỹ sư không giàu lên trong khoảng không trống rỗng. Họ mắc một 'món nợ đạo đức' sâu nặng với nhà nước dân chủ tự do đã khiến thành công của họ thành khả năng. So sánh của Karp rất rõ. Nếu một U.S. Marine yêu cầu một khẩu súng trường tốt hơn, đương nhiên chúng ta nên chế tạo nó. Software cũng vậy. Rồi ông bắn một câu thẳng vào Silicon Valley. 'Free email is not enough.' Đưa free search và free email ra thế giới không có nghĩa là họ đã trả xong món nợ với quốc gia.

Đến đây, cuốn sách đi vào vùng gây tranh cãi hơn. Karp phê phán một xã hội đẩy gánh nặng quốc phòng lên vai một số ít binh sĩ. Ông đề xuất rằng universal national service cần được bàn

nghiêm túc. Chỉ khi mọi người cùng chia sẻ rủi ro và chi phí của chiến tranh, cuộc chiến tiếp theo mới được quyết định thận trọng. Logic của ông là khi những người bị đưa ra chiến trường chỉ là con cái của người khác, xã hội sẽ coi nhẹ chiến tranh. Ông không dừng lại ở đó. Ông còn cho rằng việc làm Germany và Japan mất năng lực quân sự sau chiến tranh cần được đảo ngược. Ông nói việc giải giáp Germany là một phản ứng sửa sai quá mức, và Europe hiện đang phải trả giá đắt; còn chủ nghĩa hòa bình của Japan có thể làm lung lay cân bằng quyền lực ở Asia. Luận điểm của ông là cả hai nước phải được vũ trang trở lại bằng hard power mạnh mẽ và trở thành trụ cột của một liên minh phương Tây lấy công nghệ làm trung tâm. Với một thể hệ được dạy nhìn chủ nghĩa hòa bình như một đức hạnh, đó là lời nói gây bức bối. Karp chấp nhận sự bức bối ấy.

Ông nhắm thẳng vào cultural relativism và political correctness bên trong phương Tây. Ông bác bỏ một thời đại trong đó ngay cả phán đoán giá trị rằng một số nền văn hóa đã đạt được phát triển đáng kể, trong khi một số nền văn hóa khác lạc hậu và gây hại, cũng đã trở thành điều cấm kỵ. Ông không chấp nhận giáo điều mới rằng mọi nền văn hóa đều bình đẳng, nên không được phê bình hay phán xét. 'Inclusion into what?' ông hỏi ngược lại. Kêu gọi inclusion trong khi bác bỏ chính ý niệm về một national culture cần được định nghĩa thì chỉ là thứ pluralism rỗng ruột.

Ở đây, một nhãn phân loại dễ hiểu hiện ra trong đầu. Người đàn ông này thuộc cánh hữu. Nhưng nhãn đó là một kết luận khép kín được đưa ra trước khi đọc xong cuốn sách.

Trong chính cuốn sách ấy, Karp khiển trách các chính trị gia đã để tội phạm bạo lực tiếp diễn. Ông nói họ đã từ bỏ những thử nghiệm cấp bách có thể cứu mạng người, vì họ còn mãi nhìn cử tri và các nhà tài trợ. Ông nói các chính trị gia trên khắp nước Mỹ đã nhún vai và đầu hàng trước tội phạm bạo lực. Ông lập luận rằng công chức được trả lương quá thấp đến mức người giỏi rời khỏi chính quyền, và hệ thống lương trong khu vực công phải được sửa. Ông nhận xét gay gắt rằng nếu một công ty tư nhân trả lương cho nhân viên ở mức chính phủ liên bang trả cho công chức, công ty đó sẽ không thể tồn tại. Ông than phiền rằng dư luận, thứ đào bới không thương tiếc đời tư của các nhân vật công chúng và hạ bệ bất cứ ai cố làm một việc khác ngoài kiếm tiền, rốt cuộc đang đẩy những người tử tế ra khỏi công vụ. Đây không chỉ là ngôn ngữ của cánh hữu. Từ cùng một miệng nói ấy cũng vang lên mối lo cho đời sống người lao động, bốn phần công và sự an toàn của những người yếu thế. Mọi nỗ lực ghim Karp vào một từ đều vỡ ra ở trang kế tiếp của cuốn sách.

Lý lịch của ông cũng hiện ra trong cách ông phê phán công vụ. Ông nói công chức không cần phải là các linh mục của chúng ta. Đòi hỏi rằng chỉ những người hoàn hảo về đạo đức mới được bước vào chức vụ công rất cuộc đẩy những người bình thường có năng lực ra khỏi chính quyền. Đó là một chẩn đoán rằng sự khó tính đạo đức sinh ra sự kém cỏi. Ông tin vào các tổ chức tuyển người theo năng lực và đánh giá theo năng lực. Điều này cùng mạch với lời ca ngợi của ông ở

Chương 1 dành cho quân đội Mỹ, như định chế thật sự trọng dụng tài năng đầu tiên trong xã hội Mỹ đạt được hội nhập chủng tộc. Ở một nơi con người được xếp hạng theo kết quả làm việc, chứ không theo xuất thân hay bối cảnh, một người đàn ông chưa từng hoàn toàn thuộc về bất cứ nơi đâu cuối cùng đã nhìn thấy sự công bằng.

Chất liệu của cuốn sách lại hiện ra một lần nữa khi ông ca ngợi Elon Musk. Ông nêu tên Musk như một người cố xây dựng thứ gì đó ở nơi thị trường đã khựng lại, và phê phán một văn hóa chế giễu trí tò mò rộng lớn của ông ấy, như thể một tỷ phú không nên làm gì ngoài việc kiếm tiền. Ông muốn cổ vũ cuộc gặp giữa tham vọng kinh doanh và quy hoạch quốc gia. Và điều Karp đưa ra như câu trả lời cho tất cả những chẩn đoán ấy không phải là hệ tư tưởng, mà là phương pháp. Ông nói chính phủ phải tiếp nhận “tư duy kỹ thuật” của Silicon Valley. Thay vì tranh luận trên ghế bành và bộ máy quan liêu kém hiệu quả, chính phủ nên nhìn vào kết quả, đối diện trực tiếp với vấn đề, thất bại hết lần này đến lần khác, rồi tìm ra đường đi. Ông đưa vào phương pháp “five whys”, hỏi đi hỏi lại cho đến khi nguyên nhân gốc thật sự xuất hiện; chuyển động của một bầy đàn tự tìm ra lời giải tốt nhất mà không cần mệnh lệnh trung tâm; và so sánh của Karl Popper giữa đồng hồ và đám mây. Hãy chuyển động như một đám mây linh hoạt, không như một chiếc đồng hồ cứng nhắc. Điều ông nhấn mạnh nằm ở cuối. Đối mới thật sự không đến từ sự tuân phục, mà đến từ nổi loạn, và chúng ta phải xây dựng một văn hóa khuyến khích “bất tuân mang tính xây dựng”, tức hành động thách thức quyền uy. Phương pháp này không chỉ là một câu chuyện trong cuốn sách. Nó là quy tắc thật sự theo đó Palantir vận hành. Khi một khách hàng phàn nàn về một vấn đề, nhân viên Palantir hỏi điều gì gây ra triệu chứng ấy, rồi lại hỏi điều gì gây ra nguyên nhân ấy. Họ đào xuống cho đến khi chạm tới gốc rễ, chứ không dừng ở sự khó chịu trên bề mặt. Bên trong công ty, thay vì một chuỗi mệnh lệnh chặt chẽ từ trên xuống dưới, có một cấu trúc lỏng, trong đó người hiểu vấn đề rõ nhất nắm quyền ra quyết định vào khoảnh khắc đó. Giống như một bầy đàn tìm thấy mật mà không cần mệnh lệnh của thủ lĩnh, ông muốn công ty chuyển động theo cách ấy. Đứa trẻ mắc dyslexia, cậu bé phải tự mở đường vì con đường đáp án mẫu đã bị chặn, giờ đã biến sự bất tuân ấy thành một triết lý quản trị.

Nhưng trong cuốn sách này, phía hứng nhiều mũi tên nhất không phải là cánh hữu. Đó là những người mà chính Karp đã bỏ phiếu cho suốt đời mình, Democratic Party.

Để hiểu sức nặng của lời phê phán này, chúng ta phải thấy ông bắt đầu từ đâu. Karp từng tự gọi mình là một Marxist và một nhà neo-socialist. Trong những năm ở Stanford Law School, ông là một người trẻ cánh tả đã va chạm dữ dội, gần như một con thú hoang, với Peter Thiel theo chủ nghĩa tự do cá nhân về hệ tư tưởng chính trị. Ông ủng hộ Democratic Party trong một thời gian dài, bỏ phiếu cho Hillary Clinton trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2016, và từ năm 2020 đến năm 2024 là một nhà tài trợ lớn cho các chiến dịch của Joe Biden và Kamala Harris. Muộn đến khoảng năm 2017, ông vẫn công kích Trump, nói rằng ông không tôn trọng điều gì ở người đàn ông đó và sẽ khó mà tưởng tượng ra một nhân vật kém hấp dẫn hơn. Cho đến gần đây,

ông vẫn tự gọi mình là một “card-carrying progressive.” Ông nhiều lần nói rằng ông muốn đời sống của tất cả người nghèo được cải thiện.

Giờ đây, người đàn ông ấy trút những lời sắc lạnh về phía chính phe của mình. Lời phản đối của ông có thể nén lại trong một câu. Ông không rời bỏ cánh tả; cánh tả đã rời bỏ ông. Karp đã nói điều tương tự với Michael Steinberger, người xuất bản tiểu sử của ông năm 2025. “Tôi không thay đổi chính trị của mình.” Chẩn đoán của ông là chủ nghĩa cấp tiến đã đánh mất ý nghĩa của tiến bộ. Chủ nghĩa cấp tiến thật sự có nghĩa là bảo đảm người lao động ngày mai sống khá hơn hôm nay, nhưng phe cấp tiến hiện nay, theo ông, dung túng “open borders” không kiểm soát và kéo giá lao động xuống. Nếu biên giới được mở ra và mất kiểm soát, tiền lương sụp xuống, cực hữu lớn lên bằng cách ăn vào cơן giận ấy, và một khi cực hữu bước vào, sẽ không thể đẩy nó ra nữa, ông cảnh báo. Vì vậy với ông, kiểm soát biên giới nghiêm ngặt không phải là chính sách bảo thủ. Đó là chính sách cấp tiến bảo vệ người lao động.

Niềm tin này không dừng ở lời nói. Nó dẫn tới các hợp đồng của công ty. Khi Palantir cung cấp phần mềm cho U.S. Immigration and Customs Enforcement, ICE, các cuộc phản đối dữ dội nổ ra quanh việc dùng công nghệ để trục xuất người nhập cư bất hợp pháp và tội phạm nghiêm trọng. Người ta tụ tập trước công ty. Ngay cả nhân viên cũng thấy bất an. Karp không lùi bước. Ông bảo vệ hợp đồng đến cùng, nói rằng chính sách biên giới nghiêm ngặt là không thể thiếu đối với an ninh quốc gia. Một đứa trẻ từng lớn lên trong cảnh nắm tay cha mẹ tại các điểm biểu tình, giờ đối diện các cuộc biểu tình bên ngoài chính công ty mình mà vẫn không đổi lập trường.

Ông còn đi xa đến mức gọi tâm thế mang tên 'woke' là một mối nguy cốt lõi đe dọa cả công ty lẫn nước Mỹ nói chung. Có lần ông gọi công nghệ của Palantir là 'anti-woke'. Việc một CEO tự định nghĩa sản phẩm của mình bằng ngôn ngữ của các phe phái chính trị là chuyện hiếm. Doanh nghiệp thường tránh chính trị. Họ tính toán để không mất khách hàng ở cả hai phía. Karp bác bỏ phép tính đó. Ông tin rằng việc cho thấy rõ màu sắc của công ty chính là bản sắc của công ty. Dù lựa chọn ấy khiến một số nhân tài rời đi và kéo theo vài cuộc phản đối, ông vẫn sẵn sàng trả giá.

Ông phê phán tầng lớp trí thức trong Đảng Dân chủ và các định chế đại học tinh hoa vì đã biến truyền thống trí tuệ của phương Tây thành đối tượng của sự tự căm ghét và chế giễu. Theo ông, họ bị mắc kẹt trong chính trị bản sắc và những cuộc tranh luận bất tận về thân phận nạn nhân, trong khi không giúp được người nghèo, các nhóm thiểu số và công nhân da Đen đang đối mặt với tội phạm thật sự và sự sa sút kinh tế. Trường hợp ông thường nêu là Đức. Ông đã sống một nửa đời trưởng thành ở Đức và lấy bằng tiến sĩ tại Goethe University Frankfurt. Ông chỉ ra rằng Đảng Xanh Đức, dù chỉ là một đảng thiểu số với 15 đến 20 phần trăm phiếu bầu, đã dùng ưu thế đạo đức như một vũ khí để đóng dấu chính cuộc tranh luận về nhập cư thành tội ác cực hữu, và cuối cùng lại lèo lái toàn bộ chính sách nhập cư. Theo ông, kết quả là một thảm họa, trong đó những công dân bình thường giận dữ chuyển sang đảng cực hữu Alternative for

Germany, AfD. Ông gọi đây là 'sản phẩm' của hệ tư tưởng mù quáng của ai đó. Và ông tin chắc rằng nếu Đảng Dân chủ của Mỹ đi theo con đường này, họ sẽ hoàn tất một 'điều nhảy tự sát' tự siết cổ mình.

Có một ngày mọi cơn giận ấy tụ lại ở một điểm. Ngày 7 tháng 10 năm 2023. Vào ngày Hamas tấn công Israel, theo tiểu sử do Steinberger viết, Karp bắt đầu nhìn vấn đề nhập cư không chỉ là một gánh nặng bầu cử đối với phe Dân chủ. Ông đi đến phán đoán rằng đó là một mối đe dọa gần trực tiếp với sự sống còn về thân thể của người Mỹ gốc Do Thái. Sự kiện này trở thành bước ngoặt khiến ông dứt khoát rời khỏi Đảng Dân chủ. Ngay sau cuộc tấn công, ông tổ chức một cuộc họp hội đồng quản trị Palantir tại Tel Aviv cùng Peter Thiel, ký hợp đồng công nghệ quân sự với Bộ Quốc phòng Israel, và tuyên bố Palantir ủng hộ Israel trong một quảng cáo nguyên trang trên New York Times. Hãy nhớ lại điều Karp thời trẻ đã nói ở Chương 1. Câu nói rằng nếu chủ nghĩa phát xít xuất hiện, ông sẽ là người đầu tiên bị xếp vào hàng trước bức tường và bị bắn. Ngày 7 tháng 10 đã kéo nỗi sợ cũ ấy từ tầng trừu tượng xuống thực tại.

Giờ đây ông tự định nghĩa mình là một người 'độc lập', không gắn vô điều kiện với bất kỳ đảng nào. Ông nói mình sẵn sàng ủng hộ bất cứ ứng viên nào cam kết kiểm soát biên giới mạnh mẽ và bảo toàn đầy đủ năng lực răn đe của Mỹ. Người từng ghét phẩm chất con người của Trump hơn hầu như bất kỳ ai nay công khai khen Trump vì đã làm được, ít nhất ở hai việc: kiểm soát nhập cư và tái thiết năng lực răn đe mạnh. Nhưng ông không phải người ủng hộ Trump vô điều kiện. Ông vẫn nói rằng mình chưa bao giờ từ bỏ chủ nghĩa tiến bộ. Trong mùa bầu cử 2024, ông công khai nói rằng ông hoàn toàn không hài lòng với hướng đi của Đảng Dân chủ, đồng thời cũng nói rằng ông sẽ bỏ phiếu chống Trump. Không phe nào có thể hoàn toàn nhận ông là người của mình.

Những người muốn buộc sự biến đổi của ông vào một từ gọi ông là 'techno-nationalist'. Họ nói rằng một sinh viên triết học tiến bộ, từng bàn về lao động tha hóa của Marx trong thập niên, đã đối diện thực tế lạnh lẽo và tàn bạo của cạnh tranh địa chính trị rồi trở thành một người tin gần như mang màu sắc tôn giáo vào ưu thế của Mỹ trong thời đại trí tuệ nhân tạo. Nhưng ngay cả từ đó cũng không chứa hết được ông. Ông kêu gọi ưu thế của Mỹ, trong khi nói rằng ưu thế ấy tồn tại để bảo vệ một xã hội có thể đón nhận người ngoài. Ông bảo vệ một quân đội mạnh, đồng thời ca ngợi quân đội ấy là nơi đầu tiên đạt được hòa nhập chủng tộc. Chủ nghĩa dân tộc của ông không xuất phát từ sự thuần khiết huyết thống. Nó xuất phát từ mong muốn bảo vệ một trật tự nơi những người lai chủng và các nhóm thiểu số như chính ông có thể sống sót.

Một kẻ dị giáo mắc chứng khó đọc, là người Do Thái da Đen, lai chủng, từng tin rằng mình sẽ là người đầu tiên trong hàng ngũ bị đàn áp, nay lại tin chắc rằng việc duy trì ưu thế phương Tây bằng vũ khí trí tuệ nhân tạo sát thương, nghe như nghịch lý, chính là con đường bảo vệ tự do và đa nguyên. Một người từng sợ bị đàn áp nay đứng ở vị trí bán công nghệ giám sát và nhắm mục tiêu. Một người tự gọi mình là tiến bộ lại lớn tiếng quát vào phe tiến bộ.

Số phận của cuốn sách tách làm hai. Độc giả thì hào hứng. Sau khi xuất bản, nó lên thẳng vị trí số 1 trong danh sách bán chạy của New York Times, và National Public Radio, NPR, chọn nó là một trong những cuốn sách của năm. Người ta bàn về nó ở cả Silicon Valley lẫn Washington. Trái lại, một số nhà phê bình lại lạnh nhạt. Các bài điểm sách, trong đó có một bài trên tờ The Independent của Anh, đánh giá gay gắt rằng cuốn sách không có chủ đề rõ ràng và bị tản mạn. Một bài còn viết rằng đó là cuốn sách gây thất vọng nhất mà người điểm sách đã đọc trong năm ấy. Cùng một cuốn sách, một phía gọi là tuyên ngôn của thời đại, phía kia gọi là mớ tạp ghi rỗng. Chính sự chia đôi ấy là phiên bản thu nhỏ của những phán xét vây quanh Karp.

Cuốn sách rõ ràng đầy mâu thuẫn. Nhưng những mâu thuẫn ấy có lẽ không hẳn là khuyết điểm, mà chính là hình dạng của Karp. Ông bảo vệ quân đội bằng ngôn ngữ của cánh hữu, trong khi lo cho người lao động bằng ngôn ngữ của cánh tả. Ông khinh miệt chính trị bản sắc, trong khi tự định nghĩa mình là người Do Thái và lai chủng. Ông chế nhạo sự bất lực của những lời kêu gọi đạo đức, trong khi cả cuốn sách lại là một lời kêu gọi đạo đức khổng lồ. Thử buộc ông vào phe bảo thủ, một câu văn tiến bộ liền bật ra. Thử buộc ông vào phe tiến bộ, chủ nghĩa quân sự lại chặn đường.

Người nhìn thấy mâu thuẫn ấy gần hơn ai hết là một bạn học đã quen biết ông hơn 30 năm. Michael Steinberger xuất bản cuốn tiểu sử đầu tiên về Karp vào tháng 11 cùng năm. Đó là cuốn sách dựa trên hàng chục giờ trò chuyện với chính Karp và các nhân viên Palantir. Cuốn sách lần theo cách một triết gia chưa từng học kinh doanh hay khoa học máy tính đã xây dựng một công ty công nghệ khổng lồ, và cách ông vật lộn với sức nặng đạo đức của những việc công ty mình làm. Một nhật báo Anh đăng bài điểm sách về công ty này với nhan đề "All your data are ours." Việc người viết tiểu sử là bạn của Karp trở thành con dao hai lưỡi đối với cuốn sách. Sự gần gũi ấy cho phép ông nhìn sâu, nhưng cũng chính sự gần gũi ấy kéo theo lời cáo buộc rằng ông đã lãng mạn hóa nhân vật của mình.

Ông đúng là, như nhan đề cuốn tiểu sử xuất bản năm đó đã nói, triết gia ở Silicon Valley. Nhan đề Michael Steinberger đặt cho cuốn sách là The Philosopher in the Valley: Alex Karp, Palantir, and the Rise of the Surveillance State. Tác giả là bạn học của Karp tại Haverford College. Một người học triết học lại bán vũ khí. Một người từng sợ bị đàn áp lại làm ra công cụ giám sát. Một người tự gọi mình là người cấp tiến lại quở trách những người cấp tiến. Câu hỏi Karp đặt ra không khép lại khi trang cuối của cuốn sách được gấp lại. Ai sẽ xây dựng nó, và để làm gì? Khi đối diện với sự thật rằng người đặt câu hỏi ấy lại chính là người đang xây dựng nó, độc giả khó có thể dễ dàng quyết định mình đứng về phía nào.

Chương 7 Đời sống thường ngày của một người khác thường

Trong khu rừng ở Lyman, New Hampshire, một người đàn ông lướt xuống con đường hẹp, nơi tuyết chất cao tới đầu gối. Cơ thể ông tựa trên hai ván trượt băng đồng mảnh, hai cây gậy lần lượt cắm xuống tuyết rồi đẩy ông tiến về phía trước. Hơi thở bốc lên thành làn trắng trong không khí. Ông mặc bộ đồ tập của đội tuyển trượt tuyết quốc gia Na Uy. Đây là một người không có quan hệ huyết thống với Na Uy, cũng không có mối liên hệ quốc tịch nào với nước này. Quãng đường ông đi hôm đó khoảng 19 kilômet. Ngày hôm sau cũng gần như vậy. Ngày kế tiếp nữa cũng thế. Với ông, việc này giống một nghi thức mở đầu ngày mới hơn là tập thể dục.

Người đàn ông ấy là Alex Karp. Ông là đồng sáng lập kiêm CEO của Palantir, người chỉ riêng trong năm 2024 đã nhận 6,8 billion dollars tiền thù lao. Quy ra tiền Hàn Quốc, con số đó vượt quá 9 trillion won. Quân đội, lực lượng cảnh sát và các cơ quan tình báo trên khắp thế giới dùng phần mềm do công ty của ông làm ra. Vậy mà người đàn ông ấy lại trượt tuyết một mình giữa khu rừng vắng. Khi các tỷ phú Silicon Valley khác phô bày sự giàu có qua du thuyền khổng lồ, bộ sưu tập nghệ thuật và những bữa tiệc xa hoa, Karp đi theo hướng ngược lại. Tài sản của ông được cất ở những nơi khác, không phải trong xe hơi, biệt thự hay hàng xa xỉ.

Nên bắt đầu từ những ngôi nhà. Karp có nhà ở nhiều nơi trên thế giới. Tùy nguồn, con số là eleven hoặc twenty. Nếu xem như đầu tư bất động sản, chúng khá lạ. Phần lớn là những cabin trống, được chọn vì một lý do duy nhất: chúng gần các đường trượt tuyết băng đồng, chứ không phải vì đó là nơi tốt để sống. Có người mua nhà bên biển. Có người mua penthouse trong thành phố. Karp mua những cabin trống gần đường tuyết. Thước đo mà ông dùng để đánh giá một căn nhà bắt đầu bằng một đơn vị khác với mọi người.

Nơi ở chính của ông là một căn nhà kiểu Áo trong khu rừng ở Lyman. Trên cửa trước treo một mezuzah. Đó là chiếc hộp nhỏ mà các gia đình Do Thái gắn lên khung cửa. Bên trong gần như không có đồ đạc. Trống đến mức có thể gọi là rỗng. Khi được hỏi vì sao, ông trả lời rằng khi xung quanh có quá nhiều đồ vật, ông thấy bị bó buộc và hơi mắc kẹt. Một tỷ phú chọn sống trong căn nhà trống để khỏi cảm thấy mình bị đồ vật giam giữ. Ông gọi căn nhà ở New Hampshire này là thiên đường cho người hướng nội. Có thể lịch sự mời người khác đến chơi, nhưng chẳng ai đến. Nghe như chuyện đùa, nhưng trong đó có sự thật. Ông là người thích ở một mình.

Ở nhà, ông để điện thoại trong lồng Faraday. Đó là chiếc hộp dùng lưới kim loại để chặn sóng vô tuyến. Tín hiệu không thể đi vào, cũng không thể đi ra. Nếu muốn gọi đó là bệnh nghề nghiệp của một người điều hành công ty làm việc với an ninh quốc gia và tình báo, thì đúng là như vậy. Có lần ông nói rằng nếu China không tìm cách nghe lén điện thoại của ông, điều đó

mới là chuyện điên rồ. Đây là đời sống hằng ngày của một người xem nghe lén là chuyện mặc định. Một căn nhà trống, những bức tường trống, và chiếc điện thoại bị cắt khỏi mọi tín hiệu. Sản phẩm ông xây dựng là phần mềm giám sát xâm toàn bộ dữ liệu của thế giới lên một màn hình. Vậy mà ông lại khóa tín hiệu của chính mình trong một chiếc hộp kim loại.

Những người hỗ trợ ông ở cự ly gần cũng phản chiếu thế giới của ông. Quanh ông không chỉ có một người, mà là các chuyên gia đến từ nhiều quốc gia. Một huấn luyện viên trượt tuyết Na Uy chăm lo việc trượt tuyết của ông, một đầu bếp Thụy Sĩ-Bồ Đào Nha chuẩn bị bữa ăn, một trợ lý Áo quản lý lịch trình, và một huấn luyện viên bắn súng Mỹ dạy ông dùng súng. Điều này vẫn đúng dù ông tự gọi mình là người hướng nội cực độ. Việc một người muốn ở một mình lại có nhiều người đứng quanh mình đến vậy cho thấy sự chia đôi trong ông một cách rất rõ. Ông cố giữ khoảng cách với thế giới, nhưng lại đưa người từ thế giới ấy vào để duy trì khoảng cách đó.

Có một câu chuyện cho thấy sự ẩn cư có thể đi xa đến đâu. Một ẩn sĩ tên River Dave sống trong rừng ở New Hampshire. Ông đã trải qua nhiều năm một mình trong khu rừng bên dòng sông, nhưng một ngày nọ bị buộc phải rời khỏi mảnh đất ấy, và căn cabin của ông cũng cháy rụi. Karp đã lấy tiền riêng tặng người ẩn sĩ xa lạ này \$180,000. Nhà viết tiểu sử Michael Steinberger không xem món quà ấy là từ thiện, mà đọc nó như dấu hiệu của một sự đồng cảm sâu xa giữa hai người sống tách khỏi đời. Một người yêu rừng đã chia tay với một người bị đẩy ra khỏi rừng. Có lẽ ông đã nhìn thấy chính mình ở đó.

Đời sống riêng của ông cũng nằm rất xa khuôn mẫu thông thường. Karp chưa từng kết hôn khi đã năm mươi tám tuổi. Ông nói chỉ nghĩ đến chuyện có con thôi cũng khiến ông nổi mề đay. Thay vào đó, từ lâu ông duy trì cùng lúc các quan hệ tình cảm với hai phụ nữ sống ở hai nơi khác nhau trên thế giới. Một đồng nghiệp ở Palantir đã đặt tên cho cách sắp xếp khác thường này: chung thủy theo địa lý. Ở một vùng, ông chỉ gặp một người, nên trong vùng đó ông là người một vợ một chồng; khi ông chuyển sang vùng khác, người bạn đời thay đổi. Mỗi năm ông ở trên đường từ 250 đến gần 300 ngày. Cấu trúc của đời sống lang bạt ấy đã định hình cả cách ông yêu.

Người đàn ông nói rằng mình thích cô độc này, trên thực tế, hầu như không làm việc gì một mình. Ở đây lại xuất hiện một mâu thuẫn khác. Một đội vệ sĩ người Na Uy luôn túc trực quanh ông. Cùng với họ, một huấn luyện viên trượt tuyết người Na Uy, một đầu bếp riêng gốc Thụy Sĩ-Bồ Đào Nha, một trợ lý người Áo, và một huấn luyện viên bắn súng người Mỹ nâng đỡ một ngày của ông. Có lúc, ông còn than rằng những vệ sĩ to lớn luôn đứng cạnh đã phá hỏng mọi cơ hội tán tỉnh ai đó của ông. Ông nói mình muốn sự cô lập hoàn hảo, nhưng lại giữ quanh mình một nhóm người để bảo vệ chính sự cô lập ấy. Ông sống trong một ngôi nhà trống, nhưng đôi tay không trống rỗng.

Sự thật kỳ lạ nhất lại nằm ở nơi khác. Người đứng đầu công ty toàn cầu khổng lồ này chưa từng học lái xe. Khi được hỏi vì sao, ông trả lời bằng kiểu đùa quen thuộc của mình. Ban đầu

ông quá nghèo để học, rồi sau đó ông lại quá giàu. Người đàn ông nói rằng mình khởi đầu với 12.000 USD đã trở thành một CEO được trả 6,8 tỷ USD mà chưa một lần cầm vô lăng. Sau khi đi qua cả hai đầu của nghèo khó và giàu có, lái xe là việc duy nhất ông chưa từng học.

Đằng sau câu đùa là một sự tự nhận thức lạnh lùng. Ông mắc chứng rối loạn tăng động giảm chú ý (ADHD), và có thói quen không kiểm soát được là trôi vào mộng tưởng ban ngày. Vì vậy ông không thể lái xe. Ông cũng không đi xe đạp. Ông không bao giờ trượt tuyết đổ đèo, môn khiến người ta lao rất nhanh xuống dốc. Ông gọi mình là một kẻ mơ mộng và đưa ra lý do. Khi bắt đầu mơ mộng, chẳng mấy chốc ông sẽ ngã. Lời ông là thế này: tôi bắt đầu mơ, rồi tôi ngã. Nếu gặp ông mười lăm năm trước, hai phần ba cuộc trò chuyện có lẽ đã đầy những hồi tưởng, trong đó ông cứ lật đi lật lại trong khoảng không một cuộc đi bộ từ năm năm trước, một cuộc trò chuyện thời cao học, hoặc ý nghĩa ẩn sau một điều đồng nghiệp từng nói. Tâm trí ông không dừng lại. Vì thế một con dốc xuống nhanh là nguy hiểm với ông. Thân thể ông ở trên đường trượt, nhưng tâm trí lại đang đi trên một con đường của năm năm trước.

Cùng một kiểu ấy xuất hiện trong cách ông nói. Ông nói bùng nổ, như thể lời nói đang trào ra khỏi người. Sau khi nói như vậy một lúc, năng lượng của ông cạn rất nhanh. Rồi ông phải leo lên xe đạp cố định trong nhà và đạp, hoặc mở một cuốn sách để nạp lại năng lượng. Nói là vận động, và vận động là sạc lại. Nếu một ngày của người bình thường được chia thành làm việc và nghỉ ngơi, thì một ngày của Karp được chia thành bùng nổ và hồi phục. Thứ lấp đầy khoảng giữa hai trạng thái ấy là trượt tuyết, thiền, và khí công. Đó là sự cân bằng mà một người phải mang theo một tâm trí không chịu dừng lại tìm được.

Vì vậy ông chỉ trượt tuyết băng đồng, chậm rãi di chuyển trên mặt đất bằng phẳng. Cách đó ít rủi ro té ngã hơn. Và đó cũng là cách ông kiểm soát tâm trí mình. Với Karp, trượt tuyết băng đồng không phải sở thích. Nó gần như một kỷ luật tôn giáo. Mỗi ngày ông trượt 12 đến 15 dặm, tức 19 đến 24 kilômét. Ông đi làm trong bộ đồ tập của đội tuyển quốc gia Na Uy như thể đó là quần áo thường ngày. Ông gọi trụ sở Palantir ở Denver, Colorado, là schmattes factory, một cụm tiếng Yiddish nghĩa là xưởng may quần áo rẻ tiền. Ông là một CEO gọi chính công ty của mình là xưởng may và xuất hiện trong đồ trượt tuyết Na Uy.

Triết lý vận động của ông đầy những con số. Ông tin vào một lý thuyết rằng 98 phần trăm những người có VO2 max trên 90 là người Na Uy. Ông giữ nhịp tim nghiêm ngặt chỉ trong khoảng Zone 1 đến Zone 4, và theo một phương pháp tập luyện Na Uy loại bỏ hoàn toàn vùng ở giữa, Zone 2. Ông từng treo người bất động trên xà đơn trong 4 phút 36 giây, và gần đây kéo dài lên 5 phút 5 giây. Ông tin chắc rằng treo người bất động, farmer's walk, sức mạnh tương đối so với trọng lượng cơ thể, và VO2 max là những thước đo thật sự duy nhất của sức khỏe con người. Steinberger, người từng viết chân dung về ông, đã phải đạp xe bên cạnh Karp và chìa máy ghi âm ra để phỏng vấn, vì Karp không chịu dừng buổi tập trượt patin trượt tuyết ngay giữa ban ngày. Ông là kiểu nhân vật phỏng vấn mà người ta phải chạy bên cạnh.

Có lý do cho nỗi ám ảnh này với các con số. Ông tin rằng chỉ treo người bất động, farmer's walk, sức mạnh tương đối so với trọng lượng cơ thể, và VO2 max mới đo được sức khỏe thật của con người. Không phải tiền, không phải chức danh, không phải giá cổ phiếu. Như thể cơ thể là thứ duy nhất ông có thể kiểm soát, ông cứ đẩy vài con số ấy lên cao hơn. Thị trường quyết định giá trị vốn hóa của công ty, cử tri quyết định hướng đi của chính trị, và lịch sử quyết định liệu chủ nghĩa phát xít có quay lại hay không. Điều duy nhất ông có thể tự mình quyết định là ông có thể treo người trên xà thêm bao nhiêu giây. Vì vậy ông bám lấy điều đó. Theo đúng nghĩa đen là treo mình ở đó.

Không chỉ có vận động aerobic. Mỗi ngày ông tập thiền, Qigong, và Tai Chi. Ông tin rằng Tai Chi là điều thiết yếu để xử lý căng thẳng cực độ và cortisol mà ông nhận lấy trong vai trò CEO, cũng như để cân bằng năng lượng mềm với năng lượng mạnh. Những thanh kiếm thật dùng để tập Tai Chi được đặt khắp văn phòng. Ngay cả trong giờ làm việc, ngay cả khi phỏng vấn ứng viên, ông bỗng đứng dậy và biểu diễn các động tác Tai Chi. Ông cũng đích thân dẫn các lớp Tai Chi cho nhân viên. Trong văn phòng của một công ty phân tích dữ liệu, kiếm thật nằm rải rác, và giữa một cuộc phỏng vấn, CEO vung kiếm. Đây là cách ông buộc chặt một tâm trí không chịu dừng lại.

Ngay cả cách ông ăn cũng giống con người ông. Khi ăn cupcake, ông thẳng tay cắt bỏ phần bánh. Sau đó ông chỉ moi lấy lớp phủ đường, phần icing, ở bên trên. Ông tuyên bố rằng ông không thể hiểu vì sao có người lại ăn phần bánh của cupcake. Ông dành hơn nửa ngày để nói tiếng Đức. CEO của một công ty Mỹ mang dấu vết của học vị tiến sĩ triết học Đức vào lời ăn tiếng nói hằng ngày. Không phải ngẫu nhiên Steinberger đặt tên cuốn tiểu sử của mình là *The Philosopher in the Valley*. Karp không biết lập trình. Ông không thể tự tay viết thứ làm cho sản phẩm của công ty mình chạy được. Một người như vậy đứng trên đỉnh của công ty dữ liệu tinh vi nhất thế giới. Vũ khí của ông không phải là mã lệnh. Nó là triết học trong đầu ông. Một nghiên cứu sinh ở Frankfurt từng đọc Habermas đã trở thành một CEO mặc đồ trượt tuyết Na Uy trong một xưởng may ở Colorado và vung một thanh kiếm thật. Khoảng cách giữa hai hình ảnh ấy chính là khoảng cách giải thích con người ông.

Ông biết mình không bình thường. Ông đùa rằng mình từng thuê một huấn luyện viên để dạy cách trông có vẻ bình thường hơn một chút trước công chúng, nhưng hoàn toàn không có tác dụng. Ông là một tỷ phú đã cố học cách trở nên bình thường và thất bại. Ông so sánh mình với diễn viên hài Mỹ Larry David và nói rằng nếu làm một sitcom về cách lãnh đạo của ông, tên phim sẽ là *Karp Your Enthusiasm*. Ông tự gọi mình là batshit crazy. Không phải với vẻ xấu hổ, mà vui vẻ, gần như tự hào. Ông dẫn dắt công ty bằng những câu đùa, vung kiếm trong các cuộc phỏng vấn, và cắt bỏ phần bánh của cupcake. Nếu chỉ nhìn đến đây, ông có vẻ nhẹ tênh đến vô tận.

Bên dưới vẻ nhẹ tênh ấy là một lời thú nhận nặng trĩu. Trong một cuộc phỏng vấn với Forbes năm 2013, Karp nói thế này: những lúc duy nhất ông không nghĩ đến Palantir là khi ông bơi, tập qigong, và quan hệ tình dục. Điều đó có nghĩa là công ty chiếm gần như mọi khoảnh khắc tỉnh táo của ông. Trong làn nước, trong các động tác qigong, và trong vòng tay của một người khác. Ba nơi ông quên công ty, tình cờ thay, đều là những nơi cơ thể nhập cuộc sâu nhất. Một người có cái đầu không chịu dừng lại đã học cách tắt nó đi thông qua cơ thể.

Nhưng không chỉ có vậy.

Dưới đáy tất cả những hành vi lập dị ấy chảy một cảm giác. Sợ hãi. Steinberger nói thẳng rằng thứ thật sự thúc đẩy Karp không gì khác ngoài nỗi sợ. Sự vui vẻ là bề mặt. Bên dưới là bóng tối. 19 kilomet trượt tuyết mỗi ngày, năm phút treo người bất động, những căn nhà trống và lồng Faraday, đội cận vệ Na Uy, nếu lần ngược lại, tất cả đều mọc lên từ cùng một gốc. Chúng là những cử chỉ nhằm bảo vệ bản thân ông khỏi một thứ gì đó. Karp gọi thứ đó bằng một cái tên rõ ràng.

Trong một cuộc phỏng vấn năm 2023, ông thú nhận thế này: ông luôn nghĩ rằng nếu chủ nghĩa phát xít đến với thế giới này, ông sẽ là người đầu tiên hoặc thứ hai bị bắn rồi treo lên tường. Nguyên văn tiếng Anh của ông ngắn hơn và nặng hơn. My biggest fear is fascism. Câu này đã từng vang lên một lần ở chương đầu của cuốn sách này. Đó là điều Karp thời trẻ đã nói. Nếu chủ nghĩa phát xít đến, tôi sẽ là người đầu tiên bị bắn và treo lên tường. Nỗi sợ của một cậu bé lai lớn lên giữa các điểm biểu tình ở Philadelphia và quanh bàn ăn Sabbath trở lại, gần như từng chữ, từ miệng một tỷ phú năm mươi tám tuổi. Ba mươi năm đã trôi qua, nhưng nỗi sợ ấy không mòn đi dù chỉ một chữ.

Chúng ta đã thấy nỗi sợ ấy đến từ đâu. Ông là người lai, sinh ra từ một người cha là bác sĩ nhi khoa Do Thái và một người mẹ là nghệ sĩ người Mỹ gốc Phi, con trai của một gia đình cấp tiến mạnh mẽ, một kẻ đứng ngoài với chứng khó đọc nặng và ADHD. Nếu bạo lực phát xít nhắm vào con người theo chủng tộc, hệ tư tưởng và sự khác biệt thần kinh, Karp khớp với mọi điều kiện. Ông biết điều này trong xương tủy từ thời thơ ấu. Hãy lập danh sách những người sẽ bị treo cổ đầu tiên. Tôi sẽ đứng đầu. Đó là cách ông nhìn chính mình.

Phân tích của Steinberger đi sâu thêm một bước. Chẩn đoán của ông là lý do Karp xây dựng Palantir và hiến mình cho nó một cách ám ảnh, tận lõi, mang tính cá nhân dữ dội. Palantir là một pháo đài khổng lồ được xây để làm thế giới an toàn hơn cho chính Karp và cho những kẻ ngoài lề bị xa lánh giống như ông. Vô số quyết định ông đưa ra khi điều hành công ty đều đến từ nỗi lo đang đè nặng lên ông và từ linh cảm u tối của ông về chủ nghĩa phát xít. Sợ hãi là động cơ. Có người dừng lại vì sợ. Có người xây tường vì sợ. Karp thuộc nhóm thứ hai.

Nỗi sợ ấy cũng trở thành một vấn đề học thuật trong tâm trí ông. Trong thời gian học tại Stanford Law School, ông tranh luận về chính trị với Peter Thiel, một người theo chủ nghĩa tự do cá nhân cực đoan, dữ dội như một con thú hoang. Karp khi ấy là một người Marxist. Ông rời con

đường luật học và đến Goethe University ở Frankfurt, Germany, vào giữa thập niên 1990. Đó là quê hương của Frankfurt School, nổi tiếng với critical theory. Những nhà tư tưởng trung tâm của trường phái này, trong đó có Herbert Marcuse và Jürgen Habermas, phần lớn là người Do Thái cánh tả từng chạy trốn Nazis. Họ dành cả đời cho một câu hỏi. Vì sao Germany, quốc gia tiến bộ nhất và có dân trí cao nhất trên trái đất, lại bầu Hitler và rơi vào sự man rợ của diệt chủng trong chưa đầy mười lăm năm? Câu trả lời của họ u tối. Sự tiến bộ không ngừng của công nghệ và khoa học tạo ra bộ máy quan liêu khổng lồ, đối xử với con người không như những cá nhân mà như các đơn vị hành chính, và sự phi nhân hóa ấy cuối cùng sinh ra fascism.

Karp không tiếp nhận nguyên vẹn kết luận u tối ấy. Tại một thị trấn nhỏ ở Germany, ông có những cuộc trò chuyện sâu với một gia đình già bình thường. Họ tử tế với ông, thậm chí còn cho ông một chiếc áo khoác. Rồi họ thú nhận rằng tất cả họ từng là Nazis. Điều Karp muốn biết là điều gì đã khiến họ từ bỏ fascism và trở thành những người dân chủ. Câu trả lời không phải triết học. Họ nói họ thay đổi vì cách nghĩ của America và hệ thống áp đảo mà lực lượng chiếm đóng đưa vào sau World War II đã khiến họ khỏe hơn, giàu hơn và hạnh phúc hơn. Cuộc trò chuyện ấy tách ông khỏi các thầy của mình. Ông đi đến kết luận rằng liều thuốc thật sự chữa fascism không phải là kìm nén công nghệ biến con người thành công cụ, mà là ưu thế áp đảo và sức mạnh vững chắc của cách nghĩ America. Điều các thầy của ông nhìn như một mối nguy, người học trò lại nhìn như một loại vaccine.

Mâu thuẫn lớn nhất xuyên suốt toàn bộ cuốn sách nằm ở đây. Người nói rằng ông sợ fascism hơn bất cứ thứ gì lại xây dựng công cụ sẽ trở nên đáng sợ hơn bất cứ thứ gì nếu fascism nắm được nó. Trong mắt những người chỉ trích Palantir, công ty này không khác Big Brother trong tiểu thuyết 1984 của George Orwell. Họ nói nó tạo ra công cụ giám sát nhà nước tối hậu bằng cách hợp nhất hồ sơ thuế, thông tin sinh trắc học và dữ liệu cá nhân của công dân vào một hệ thống. Đó chính xác là điều Frankfurt School đã cảnh báo gay gắt. Một thứ công nghệ làm con người không còn là cá nhân, mà thành các đơn vị hành chính. Một học giả từng nghiên cứu nguồn gốc của fascism dưới sự hướng dẫn của các thầy thuộc trường phái ấy đã bẻ mối nguy đó sang hướng ngược lại và biến nó thành một nền tảng kiểm soát thông tin.

Ông không che giấu mâu thuẫn này. Ông thậm chí cố ý trích câu “our product is used on occasion to kill people” trên bìa cuốn sách của chính mình. Công nghệ của Palantir trên thực tế được dùng trên chiến trường để theo dõi và tiêu diệt mục tiêu. Trong nhiệm kỳ đầu của Trump, công nghệ đó được cung cấp cho U.S. Immigration and Customs Enforcement, ICE, và được dùng trong các chiến dịch theo dõi người nhập cư không giấy tờ trên đường phố rồi trục xuất họ trên quy mô lớn. Có cả nguy cơ dân thường vô tội bị cuốn vào đó. Karp, từng là một người progressive, phải đối mặt với chỉ trích và biểu tình dữ dội từ các tổ chức dân sự và báo chí. Một người nói rằng mình sợ fascism lại chủ động trao công nghệ có thể trở thành vũ khí đàn áp tàn bạo trong tay một chế độ độc tài. Ngay cả Steinberger cũng đau đớn hỏi làm sao có thể dung hòa vòng tròn ấy.

Karp không lùi bước. Ông đánh trực diện bằng logic địa chính trị của mình. Lập luận của ông không phải công nghệ của Palantir thúc đẩy fascism, mà là nó cứu thế giới phương Tây khỏi mối đe dọa fascism. Theo ông, cách duy nhất để nền văn minh phương Tây bảo vệ tự do và rule of law là xây dựng sức răn đe bằng công nghệ quân sự áp đảo và hard power, để kẻ thù thậm chí không dám khiêu khích. Ông nói công nghệ dữ liệu của Palantir đã ngăn chặn vô số vụ tấn công khủng bố sắp xảy ra trên khắp Europe. Vì vậy, ông lập luận, công chúng đã tránh được thảm họa bị nỗi sợ cuốn đi và bỏ phiếu hàng loạt cho các đảng fascist cực hữu. Phép tính của ông là như thế này. Nếu không chặn được khủng bố, người dân sẽ hoảng sợ và bầu fascists. Vì vậy công nghệ giám sát chặn khủng bố là đề chặn sóng chống fascism.

Lập trường của ông về cưỡng chế nhập cư cũng theo cùng chủ nghĩa hiện thực ấy. Chẩn đoán của ông là nếu cánh tả progressive gạt sang một bên những lo ngại nghiêm túc của cử tri về nhập cư không kiểm soát, cử tri cuối cùng sẽ ủng hộ các nhà dân túy cánh hữu hứa giải quyết vấn đề một cách tàn nhẫn. Ông chỉ thẳng đó là lý do chính quyền Trump thứ nhất ra đời, rồi tiếp theo là nhiệm kỳ thứ hai. Với ông, kiểm soát biên giới nghiêm ngặt của nhà nước và sở hữu các hệ thống vũ khí artificial intelligence áp đảo không phải con đường dẫn tới fascism. Chúng là con đập chống lại nó.

Ông không tự gọi mình là cánh hữu. Ông nói cánh tả đã rời bỏ ông. Từng là một Marxist, từng là cử tri bỏ phiếu cho Hillary Clinton, giờ đây ông dành một số lời sắc bén nhất cho Democratic Party. Cách nói của ông không phải ông rời bỏ cánh tả, mà là cánh tả đã bỏ rơi ông. Một người progressive lớn lên trong một gia đình progressive nay đứng ở vị trí cung cấp công nghệ lõi cho chính quyền Trump. Nếu gắn chặt ông vào nhãn bảo thủ, ta không thể giải thích nỗi sợ của kẻ bên lề mà ông mang theo suốt đời. Nếu buộc ông vào phe progressive, ta không thể giải thích dữ liệu được giao cho ICE. Ông không nằm gọn trong bên nào. Giống đứa trẻ ở chương đầu, ngay cả khi đã trưởng thành, ông vẫn là người chưa bao giờ thật sự trở thành một phần trọn vẹn của bất kỳ nhóm nào.

Cuốn sách này không trả lời logic ấy đúng hay sai. Nó không nên làm vậy. Bản thân Karp dường như cũng không nắm câu trả lời. Phép tính của ông, rằng ông phải xây dựng công cụ của fascism để ngăn fascism, có thể trông như chủ nghĩa hiện thực tỉnh táo với một số người và sự tự lừa dối nguy hiểm với những người khác. Phán đoán ấy thuộc về độc giả. Dù vậy, có một điều rõ ràng. Nỗi sợ là thật. Nó không phải diễn xuất. Việc lời nói của đứa trẻ ba mươi năm trước và lời nói của người đàn ông năm mươi tám tuổi giống nhau cho chúng ta biết điều đó.

Hãy quay lại giai thoại ấy. Năm 2016, một thanh niên người Anh tên Louis Mosley ngồi trong văn phòng của Karp để phỏng vấn vào Palantir. Ông nội anh là Oswald Mosley, lãnh tụ phát xít khét tiếng, người thường bị xếp vào nhóm những nhân vật tệ hại nhất của nước Anh thế kỷ XX. Vì cái nhãn ấy, Louis nhiều lần thấy con đường sự nghiệp của mình bị chặn lại ở Anh. Ngồi trước một CEO cấp tiến có gốc Do Thái, anh hoảng sợ, tin chắc xuất thân của mình sẽ giáng thêm một

đòn chí mạng.

Phản ứng của Karp đi ngược mọi dự đoán. Ngay khi Louis ngồi xuống, Karp bắt đầu đọc thuộc lòng, suốt vài phút và không cần giấy, bài diễn văn phát xít tai tiếng mà ông nội anh, Oswald Mosley, đã đọc năm 1939. Người đàn ông tự nhận rằng mình sợ chủ nghĩa phát xít hơn bất cứ thứ gì lại thuộc từng câu chữ trong bài diễn văn của một kẻ phát xít. Có lẽ khi nỗi sợ ăn sâu, nó buộc người ta nghiên cứu chính đối tượng của nỗi sợ ấy cũng sâu như vậy. Đọc xong, Karp bật dậy khỏi ghế, thực hiện vài động tác thái cực quyền vào khoảng không, rồi bước ra khỏi văn phòng mà không nói một lời tạm biệt. Louis Mosley sửng sò, tin chắc mình đã phá hỏng buổi phỏng vấn, nhưng bất ngờ được tuyển dụng. Hiện nay anh là một lãnh đạo chủ chốt phụ trách hoạt động kinh doanh của Palantir tại Vương quốc Anh và châu Âu.

Mọi thứ về Karp đều nằm trong cảnh ấy. Nỗi ám ảnh dai dẳng của ông với chủ nghĩa phát xít. Sự khăng khăng nhìn con người qua năng lực, không phải qua xuất thân. Thói quen kỳ lạ là vung kiếm rồi biến mất không một lời chào. Ông chấp nhận cháu trai của một kẻ phát xít. Có lẽ vì ông tin rằng việc từ chối kết án một người vì tội lỗi của gia đình người đó chính là mặt đối lập của thứ chủ nghĩa phát xít mà ông sợ. Cùng lúc, ông xây dựng và bán thứ công nghệ mà nếu rơi vào tay chủ nghĩa phát xít, có thể biến con người thành các đơn vị hành chính, theo dõi họ và giết họ. Trong cùng một con người, trong cùng một ngày, cả hai việc ấy cùng xảy ra.

Vì thế chúng ta không thể nhốt người đàn ông này trong một từ duy nhất. Nếu chỉ khắc họa ông như một thiên tài lập dị, thứ còn lại chỉ là lớp kem trên bánh cupcake và quần áo trượt tuyết Na Uy, còn nỗi sợ thì biến mất. Nếu chỉ khắc họa ông như một tay chơi quyền lực lạnh lùng, thứ còn lại chỉ là dữ liệu được giao cho ICE, còn nỗi sợ chưa hề mòn đi sau ba mươi năm thì biến mất. Cả hai đều là ông. Ông là kẻ ẩn dật trượt tuyết một mình trong căn nhà trống, và là chủ nhân của một đế chế giám sát xâu dữ liệu của thế giới lên một màn hình duy nhất. Ông là người ngoài cuộc run rẩy nghĩ rằng nếu chủ nghĩa phát xít quay lại, mình sẽ là người đầu tiên bị treo lên tường, và cũng là nhà điều hành đang xây những công cụ có thể giúp dựng bức tường ấy.

Hãy quay lại một lần nữa khu rừng phủ tuyết ở Lyme. Ông vẫn ở đó, trượt tuyết một mình. Cắm gậy xuống tuyết, thở vào không khí lạnh, đi hết mười chín kilomet. Ông đang chạy khỏi điều gì, hay đang chạy về phía điều gì, có lẽ chính ông cũng không bao giờ trả lời rõ được. Nỗi sợ đưa ông tới một căn nhà trống. Nỗi sợ đưa ông tới một công ty khổng lồ. Cùng một nỗi sợ kéo một con người về hai nơi trái ngược cùng lúc. Mâu thuẫn ấy chưa khép lại. Có lẽ cũng không nên khép lại. Một đế chế giám sát do người đàn ông sợ chủ nghĩa phát xít nhất xây nên. Câu duy nhất ấy vẫn còn bỏ ngỏ trên cánh đồng tuyết.

Support This AI Library Book

If this book was useful, you can support future translations, public editions, and open AI knowledge projects through PayPal.



PayPal

[**https://paypal.me/kimkjj**](https://paypal.me/kimkjj)

Scan the QR code or open the link above.